



## HỘI THÁNH HIỆP HÀNH

Lts:

Dưới đây là vài lời của anh Trần Ngọc Báu, lâu nay sống tại Thụy Sĩ, đã trả lời điện thư của ai đó, rất nguyên văn. Sau đây, chúng tôi sẽ bỏ một đoạn mang tính nội bộ ban đầu ra một bên để rồi sẽ đăng thành 1 bài độc lập (để nếu Google có chọn đăng lên mạng thì mọi người sẽ được coi chung) vì đây không chỉ đơn thuần là góp ý mà là những suy nghĩ kèm theo phân tích sâu sắc về hiện trạng Giáo hội Công giáo trước trào lưu thúc bách đổi mới. Xin mạn phép đặt tựa bài này là "**Bàn về nhà kháng cách Martin Lutêrô và vấn đề Hội Thánh Hiệp hành**" (collégiale)", nếu anh Báu không phản đối.

Một số phần phát biểu chưa được chỉnh như lòng mong đợi của người đọc, kính mong Anh Báu cho biết thêm sau. Dù sao, tiểu sử của nhân vật nói ở đây cũng đáng kính nể, đó là nhìn theo mắt của người anh em ở các nơi. Tuy nhiên, có điều nên nhớ là trước năm 1975, anh em các lớp có hoạt động chính trị thời Sinh Viên Công Giáo đang thịnh hành vào lúc ấy, không thấy ai đi sâu vào vấn đề của Giáo Hội cao như anh Trần Ngọc Báu.

Minh Sĩ.

---o0o---

### GÓP Ý

Thưa các bạn,

Tôi xin chân thành cảm ơn các bạn, đặc biệt Già Làng Vũ Sinh Hiên và tổ đình Minh Sĩ, đã mừng tuổi 90 của tôi. Riêng Già Làng đã bỏ công kê khai số mạng của tôi, trong đó có số xuất ngoại không được chỉnh cho lắm. Không sao cả, tất cả đều là hồng ân của Chúa cho tôi được rất nhiều may mắn trong đời, mà quý nhất là tình bạn anh em dành cho tôi.

Tiện đây, xin góp "vài lời" nhân đọc bài viết về Lutero do Minh Sĩ gửi.  
Trần Ngọc Báu

\*\*\*

## Vấn đề "Hội Thánh Hiệp hành" (collégiale)

Trần Ngọc Báu

Thưa các bạn,

Tôi nợ các bạn rất nhiều mà chưa trả. Đúng vậy, gần đây, nhân có bài "tổng hợp bình luận" về nhà kháng cách Martin Lutero (hay Luther) đăng ngày 26.12.2021 trong AF do Minh Sĩ điều hợp, tôi có ý định sẽ góp vài lời về bài này. Vâng, "tôi sẽ" viết vài lời chia sẻ với các bạn thân thương của tôi, nhưng rồi cứ "để đó" chờ khi nào thân tâm thanh thoát hỷ hay. Lý do đơn giản là "vài lời thưa gửi" không đủ để giải tỏa một vấn đề dễ tranh cãi, dễ gây chia rẽ, do

những thành kiến hay ác cảm lâu đời để lại đối với vị tu sĩ đáng kính này. Theo tôi, ngay từ đầu Luther đáng lẽ phải được lắng nghe, nhưng vì Luther “sinh nhầm thời đại” nên bị loại trừ như một kẻ lạc giáo, phản đạo, đang khi Luther đã hành xử như một người công giáo thuần thành, một nhà tu chiêm nghiệm sâu sắc với Lời Chúa.

## LUTHER ĐÃ THẤT BẠI TRONG VIỆC CANH TÂN HỘI THÁNH

Quả vậy, Luther đã thất bại trong nỗ lực giúp canh tân Hội Thánh lúc bấy giờ đang trải qua một thời khủng hoảng nặng nề: thiên hản về việc điều hành khéo léo “Hội Thánh” hơn là chú tâm sống thánh thiện trong “Hội Thánh”. Bởi vì trong chính bản thân của Hội Thánh đã chứa đựng một nghịch lý vô cùng quái đản: đó là sự dằn co giữa một đảng Hội Thánh là một “hội” (một tổ chức xã hội giữa trần thế) và đảng khác tổ chức đó lại có một thiên chức siêu việt và một bản thể thánh thiện. Chúng ta rất dễ bỏ qua lời Chúa Giêsu đã nói thẳng với Quan Philatô: “Nước tôi không thuộc về thế gian này” (Ga 18:36) và với bà Samaritain “Giờ đã đến và đang đến, là những người thờ phượng chân chính đều phải thờ phượng Cha trong Thần khí và Sự thật..... Bởi Thiên Chúa là thần khí cho nên những người thờ phượng Chúa phải thờ phượng trong thần khí và sự Thật” (Ga 4,23-24).

Lý ra Hội Thánh phải luôn khiêm tốn tự kiểm, hoán cải và canh tân mãi mãi theo đúng tinh thần của Chúa Giêsu Kitô. Thế nhưng, trong Kinh Tin Kính có tuyên xưng: “Tội tin có một Hội Thánh duy nhất, thánh thiện...” Và niềm tin này vô hình chung dẫn dắt đến chỗ xóa nhòa cái nghịch lý quái đản nói trên. Nói cách khác, vì Hội Thánh là “thánh”, người tín hữu PHẢI có trọng trách bảo vệ với bất cứ giá nào cái bản thể duy nhất và thánh thiện của Hội Thánh.

Ta biết rằng trong suốt lịch sử của Hội Thánh Chúa, có vô số hành vi, suy nghĩ, sai sót trong chính cơ chế giáo triều, trong hàng giáo sĩ và giáo dân, trong việc quản trị Hội Thánh. Đã xảy ra rất nhiều vụ lạm dụng chức quyền, buôn bánƠn Chúa (như vụ “mua bán Ân Xá” mà Luther đã tố cáo), tham nhũng, sa đọa, hư hỏng, v.v. Chính Luther đã tố cáo việc buôn thần bán thánh này, khi xác quyết rằng ta được cứu rỗi (hay trở nên công chính) là do sự Công Chính của Chúa ban cho, chứ không phải do công nghiệp của ta. Theo thư Thánh Phaolô gửi tín hữu thành Rôma (Rôma 3: 2): “không ai được trở nên công chính trước mặt Chúa do đã tuân giữ Lề Luật”, và (Rôma 3,23-24): “tất cả chúng ta đều có tội, đánh mất hào quang Thiên Chúa, nhưng lại được tự động công-chính-hóa bởi Hồng ân cứu chuộc nơi Đức Giêsu Kitô. Chính Thiên Chúa đã rửa sạch tội lỗi của ta nhờ máu Con người đã đổ ra, do bởi Đức Tin của ta nơi Người,...”; cũng như ( Rôma 3: 28):

“Quả thực, chúng tôi tin rằng con người được công-chính-hóa bởi Lòng Tin, chứ không hề vì đã biết tuân giữ Lề Luật”.

Xin nhớ cho rằng trước khi dâng lễ, vị chủ tế và cộng đoàn tín hữu đều lớn tiếng thú nhận: “Tôi thú nhận cùng Thiên Chúa và cùng anh chị em, tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm, và những điều thiếu sót. Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng...” Không chạy đảng trời nào được cả, tất cả Hội Thánh chỉ được trở nên “thánh” là nhờ niềm tin vào công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu Kitô chứ không nhờ bản thân đầy tội lỗi của mình. Hãy tin vào Chúa, và chớ cậy vào sức mình!

## HỘI THÁNH Ở PHÁP ĐÃ CHỊU VẠCH ÁO CHO NGƯỜI XEM LƯNG

Trong 70 năm qua, ở Pháp đã có tin rò rỉ liên tục về chuyện “ấu dâm” và “bạo dâm” do các chức sắc trong Giáo Hội Pháp gây ra. Những loại tin cấm kỵ này bị phủ nhận và quyết liệt lên án như một âm mưu phá đạo. Một số nhỏ giáo dân, linh mục tu sĩ và các Giám Mục có biết rõ sự việc tệ hại này, nhưng vẫn giữ im lặng, hay tệ hơn nữa là “giấu nhem” sự thật xấu xa này, cho rằng cần phải giữ uy tín cho Hội Thánh và phó thác vào cách điều hành khôn ngoan truyền thống xưa nay của hàng giáo phẩm! Một trong những lý do được trưng ra trong việc điều hành này là quyền “giữ bí mật nơi tòa giải tội”.

Đức Tổng Giám Mục Eric de Moulins-Beaufort, chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Pháp, đã tuyên bố hôm Thứ Tư 06.10.2021 với Franceinfo rằng “chúng tôi bị buộc bởi luật phải giữ bí mật nơi tòa giải tội và luật này mạnh hơn các luật lệ của nước Cộng Hòa Pháp.” Truyền thông Pháp đã phản ứng dữ dội trước lời công bố này.

## MỘT BÁO CÁO GÂY CHẤN ĐỘNG KINH HOÀNG

Số là trước đó, Hội Đồng Giám Mục Pháp đã có can đảm chấp nhận đưa ra ánh sáng vụ việc bằng cách cho thành lập một “Ủy Hội độc lập (điều nghiên) về những lạm dụng tính dục trong Giáo Hội” (viết tắt theo Pháp ngữ là CIASE), gồm những gương mặt tiêu biểu trong xã hội Pháp do ông Jean-Marc Sauvé cầm đầu. Tổ chức độc lập này đã dày công nghiên cứu và trình ra vào ngày 05.10.2021 một bản “báo cáo” công khai gọi tắt là “Bản báo cáo Sauvé”. Theo bản báo cáo này, kể từ 1950 có 216.000 nạn nhân ở tuổi thiếu thời mà nay đã trưởng thành (tức hiện có 18 tuổi trở lên) đã bị cưỡng bức tính dục bởi các linh mục, phó tế, hoặc tu sĩ. Con số này có thể lên đến 330.000 nếu tính thêm các giáo dân có trách vụ trong Hội Thánh (như giáo lý viên, giám thị giới trẻ, hoặc phụ trách các đoàn thể Công Giáo...) Thái độ và cách điều hành Hội Thánh của Các Giám Mục bị phê phán là đã dùng uy quyền của mình bao che có hệ thống các tội phạm...

Thực vậy, tổ chức CIASE này đã gây một chấn động kinh hoàng trong hàng ngũ giáo phẩm và giáo dân Công Giáo Pháp. Ông François Devaux, sáng lập Hội La Parole Libérée, đã chỉ trích hàng giáo phẩm Công Giáo trong buổi họp báo 05.10.2021: “Chính cơ chế Giáo Hội này đang bị lệch lạc, thiếu cân bằng và trở thành rào cản (công lý) để tự vệ” và “các ngài là nỗi tủ nhục cho loài người chúng ta, các ngài đã chà đạp qui luật tự nhiên của Trời Đất là luật bảo vệ sự sống, chà đạp thiên chức làm người, dù rằng các điều ấy chính là phẩm chất thiết yếu trong cơ chế Hội Thánh của các ngài. Linh mục Bernard Prénat, cựu tuyên úy Hướng Đạo Pháp nói: “Các ngài phải trả lễ về các tội ác này”.

### LẮNG NGHE NỖI ÁM ỨC CỦA NGƯỜI, VÀ NHÌN NHẬN LỖI LẦM CỦA MÌNH

Từ đâu có trận sóng thần kinh thiên động địa này? Đó là từ Hội Đồng Giám Mục Pháp đã muốn lắng nghe những điều ta thán, những ám ức, tủi hận dấu kín trong lòng giáo dân, những cõi lòng tan nát của các nạn nhân bị hãm hại. Thực lòng, Hội Đồng Giám Mục Pháp mong muốn Hội Thánh được hòa mình vào nếp sống và cảm nghĩ thiết thực của trần thế, muốn đồng hành cùng nhân loại, sẵn sàng chấp nhận thân phận lữ hành đang lặn đạn bước những bước thăng trầm trên đường về Nước Trời và tự hoán cải chính mình. Bởi chính Hội Thánh đã dương cao cây thánh giá, tuyên xưng một tử tội Giêsu chịu đóng đinh là Đấng Cứu Thế. Mà Đức Giêsu chỉ là một thường dân ở Nazarét, chứ không phải một đấng anh hùng hào kiệt lỗi lạc nào, mà đã sẵn sàng chấp nhận bị khổ nạn nhục nhã để hoán cải lòng người, nên Hội Thánh Chúa cũng phải xa lìa mọi vinh quang của trần thế, để thể hiện sứ mạng thiêng liêng của mình. Cổ tình dẫm đạp lên công lý để bênh vực cơ chế và uy quyền của mình, đó là phản lại niềm tin nơi Đấng Cứu Thế sinh nơi máng cỏ Bêlem, sống 30 năm ẩn dật với một nghề thủ công ở Nazarét và ba năm bị thử thách nghiêm trọng trong sứ mạng rao giảng niềm tin yêu và tha thứ của Thiên Chúa.

### HƯỚNG TỚI MỘT GIÁO HỘI HIỆP HÀNH

Vào thời của Luther, chưa có quan niệm về việc quản trị Hội Thánh theo định hướng “hiệp hành” với ý nghĩa là mọi tín hữu đều có quyền và nghĩa vụ phải đồng lao hợp tác trong việc điều hành và thăng tiến Hội thánh. Bởi thời Trung Cổ ở Âu Châu, Hội Thánh đã trở thành một “giáo hội” có cơ cấu tổ chức giống như đế chế La Mã, mà quyền hành tập trung vào một vị giáo chủ, vừa toàn quyền vừa bất khả ngộ (nghĩa là không bao giờ sai lầm). Số là vào triều đại Hoàng Đế Constantine đệ nhất của đế quốc La Mã (282-337) đã có sắc lệnh Milan cho phép có tự do tôn giáo (cách riêng Kitô-Giáo) và thả tay bài trừ bè phái ngoại giáo La Mã. Chính Hoàng Đế La Mã này đã đứng ra triệu tập Công Đồng Nicée năm 325 để cố đem lại việc đại kết giữa các phe phái Kitô-giáo lúc bấy giờ. HĐ Constantine thực sự mới theo đạo Chúa vào lúc cuối đời, nhưng triều đại của ông đã đóng góp rất nhiều vào việc xây dựng cơ chế quản trị Hội Thánh theo mô hình đế chế La Mã. Nếu phải thử tạm so sánh quan niệm quản trị theo định hướng “hiệp hành” với chế độ “dân chủ trực tiếp ở Thụy Sĩ”, ta thấy người tín hữu CG lẽ ra cũng có quyền can thiệp trực tiếp vào việc của Hội Thánh cũng như người công dân TS lúc nào cũng có quyền can thiệp trực tiếp vào việc nước.

Mới đây, dưới triều đại Giáo Hoàng Phanxicô, ngày 10.10.2021 tại Giáo đô La Mã, Giáo Hội hoàn vũ đã long trọng khai mạc Thượng Hội Đồng Giám Mục thường kỳ lần thứ XVI (2021-2023) mà chủ đề thảo luận trong suốt tiến trình của Hội đồng là: HƯỚNG TỚI MỘT GIÁO HỘI HIỆP HÀNH: HIỆP THÔNG, THAM GIA VÀ SỨ VỤ”. Nôm na, ta có thể tóm lược rằng Giáo Hội tức là Cộng đồng Dân Chúa trong đó mọi thành phần đều có quyền tham gia vào sứ vụ dâng lễ, rao giảng và quản trị của Hội thánh trong tinh thần hiệp thông nâng đỡ lẫn nhau.

Nói theo lối người Việt Nam ta, thì đó là “đồng lao cộng hưởng” trên những thành bại của cộng đồng.

Nhưng liệu Hội Thánh Chúa có chịu nghe theo sự hướng dẫn của Thần Khí Chúa hay không? Liệu Hội Thánh Chúa có dám dấn ngực tuyên xưng “lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng” và chịu hoán cải theo định hướng hiệp hành hay không. Bởi với định hướng hiệp hành này, Hội Thánh Chúa mới mong hoàn thiện dần phương cách điều hành giáo hội theo đúng đường lối của Chúa Giêsu Kitô, tức là cải tổ chính “cơ cấu tội lỗi” của mình (cơ cấu “giáo sĩ trị” do mình dựng nên theo mô hình của trần thế và vô hình chung chà đạp lên nhân quyền và quyền tự do của con cái Chúa trong Hội Thánh Chúa). Hơn nữa, cốt cách điều hành của Hội Thánh căn cứ trên các giáo điều của Hội Thánh, mà các giáo điều này đã trở thành Luật Lệ xiềng xích Giáo Hội, ngăn cản Hội Thánh trở nên “thánh” bằng Niềm Tin nơi Chúa Giêsu và với sức mạnh đổi mới của Thần Khí Chúa. Amen.

Trần Ngọc Bái  
Fribourg 07.01.2022

## “THẤT BẠI LÀ MẸ THÀNH CÔNG!”

---

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

Tin Mừng Chúa Nhật hôm rồi thuật lại sinh hoạt của Đức Giêsu tại hội đường Nadarét trong ngày hưu lễ. Đức Giêsu, các môn đệ và bà con trong làng tụ họp với nhau để cử hành việc thờ phượng. Họ hát Thánh ca, nghe sách Thánh và cầu nguyện. Họ đã nghe danh tiếng, những lời giảng dạy và các việc Đức Giêsu làm tại các nơi khác, cho nên ai cũng háo hức và nôn nóng đến nghe Người giảng.

Sau khi công bố Lời Chúa trong sách ngôn sứ Isaia, tiên báo về vai trò của Đấng Mê-sia, Đấng được Thần Khí Thiên Chúa xúc dầu tấn phong để trở thành Đức Kitô. Nhiệm vụ của Đấng Thiên Sai là rao giảng Tin Mừng cho người nghèo, loan báo niềm vui được giải thoát cho những ai bị giam cầm, cởi trói cho những ai đang bị gông cùm và đem đến cho con người một nền tự do đích thật. Quan trọng hơn cả là công bố và thiết lập năm hồng ân của Thiên Chúa nơi bản thân và sứ vụ của Người. Đức Giêsu đọc xong thì ngồi xuống và nói cho họ biết rằng những điều mà tai họ vừa nghe đã ứng nghiệm nơi bản thân và sứ vụ của Người. Vắn gọn, rõ ràng và đi thẳng vào trọng tâm của sứ điệp.

Thái độ và phản ứng của thánh giả trong hội đường khiến chúng ta ngạc nhiên. Thoạt đầu họ đều tán thành và khâm phục những lời hồng ân thốt ra từ miệng Người. Nhưng tại sao mọi người đang từ chỗ tán thành và ca tụng, đột ngột chuyển sang chống đối, rồi mức độ đối kháng tăng dần cho đến độ tất cả “mọi người trong hội đường đầy phẫn nộ. Họ đứng dậy, lôi ... kéo Người lên tận đỉnh núi, để xô Người xuống vực.”

Nguyên do nào khiến cho phản ứng của các thánh giả trong hội đường ngày hôm đó lại biến chuyển như thế, từ tán thành đến chống đối và có ý định thủ tiêu Người?

Hình như nội dung bài giảng của Đức Giêsu không phải là nguyên nhân tạo nên sự phẫn uất của những người đồng hương. Thật ra, dựa vào trình thuật hôm nay thì chúng ta chưa hề nghe trọn vẹn nội dung bài giảng của Chúa. Người chỉ vừa mở đầu bài giảng bằng câu “hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe.”

Quả thật đây là câu then chốt. Giả như Đức Giêsu là một trong các vị tư tế hay có vai trò lãnh đạo trong hội đường thì việc loan báo ứng nghiệm lời Kinh Thánh hôm nay còn có cơ may được họ chấp nhận. Nhưng vị trí của Đức Giêsu trong kinh nghiệm và ý nghĩ của họ không phải như thế! Họ biết quá rõ về gia thế, địa vị và các phần tử trong gia đình của Chúa. Chẳng có gì sáng giá! Bản cùng, nghèo hèn. Tất cả đều rất bình thường. Người chỉ là con bác thợ mộc Giu-se mà họ đều quen biết. Như vậy làm sao họ có thể chấp nhận được việc Người quả quyết là Lời Chúa mà ngôn sứ Isaia đã loan báo lại có thể được thực hiện nơi bản thân Người.

Từ lối suy nghĩ đó, họ cho Chúa một cơ hội là hãy làm cho họ thấy những gì mà Người đã làm ở các nơi khác. Quả thật, yêu cầu này không phải là điều quá đáng. Nhưng Đức Giêsu đã không chiều theo sở thích của họ. Trái lại, Đức Giêsu mà Thánh Luca đã trình bày ở đây không phải là một con người dễ dàng bị trói buộc bởi đám đông hay bởi bất cứ một hệ thống nào. Người không lo tìm kiếm sự hỗ trợ và tôn vinh của dân chúng, cũng không vịn vào sự thành công bởi các việc Người làm. Người cũng không làm các phép lạ để tạo sự tín nhiệm và gây thanh thế kéo đám đông về phe

mình. Người hoàn toàn tự do để thực hiện ý định mà Thiên Chúa muốn Người thực hiện, cho dù gặp chống đối hay thất bại.

Số phận của ngôn sứ là thế. Chỉ biết phục vụ Lời. Người nói “không một ngôn sứ nào được chấp nhận tại quê quán mình.” Điều này có nghĩa là Người biết ơn gọi của Người là gì, và Người chấp nhận số phận của một ngôn sứ giống như số phận mà các ngôn sứ trong truyền thống đã phải lĩnh nhận. Tuy kết quả là như thế; nhưng không một ngôn sứ nào có thể từ khước nhiệm vụ đã được trao ban ngay khi còn trong lòng thân mẫu; và chính Thiên Chúa không chỉ ở cùng ngôn sứ, mà còn là thành trì bảo vệ ngôn sứ để chiến thắng kẻ thù, như trong trường hợp của ngôn sứ Giêrêmia mà bài đọc một đã mô tả.

Như vậy, qua việc loan báo ơn gọi ngôn sứ và chấp nhận sự từ khước của dân chúng, Đức Giêsu đã cho chúng ta thấy mục tiêu cuộc sống của Người là làm đẹp lòng Thiên Chúa. Vì thế, thay vì làm cho họ được hài lòng thì Đức Giêsu lại làm khác. Người trích dẫn và nhấn mạnh đến sứ mạng mà các ngôn sứ như Êlia và Êlisa đã thực hiện tại Sidon và Xyria, là các vùng của dân ngoại. Mục tiêu mà Đức Giêsu trích dẫn hai vị ngôn sứ này là muốn cho những người đồng hương biết rằng Người không đến để thực hiện và ban phát hồng ân cho riêng họ mà thôi. Người còn có trách nhiệm đem tin vui, loan báo Năm Hồng Ân cho những con chiên lạc của nhà Is-ra-en nữa. Thật tuyệt diệu khi chúng ta nhận ra ý tưởng truyền giáo và đem Tin Mừng ra khỏi biên cương Do Thái giáo được đề cập một cách thật khéo léo ở đây.

Sự sai lầm của những người thuộc làng Nadarét khi xưa có thể là sai lầm của chúng ta hôm nay. Chúng ta nhiều lần vịn vào tư cách như đã được rửa tội, đã sống đạo lâu năm, đã góp công góp của xây dựng cơ sở Giáo Hội, gia đình mình có nhiều con cháu là tu sĩ, làm linh mục, v.v... rồi buộc Chúa phải trả công bội hậu. Thiên Chúa không phải là ông chủ ngân hàng, để rồi chúng ta gửi vào đó những công việc để sinh lời rồi sau này buộc ông chủ phải trả lại cả vốn lẫn lời cho chúng ta. Những suy nghĩ đó phát sinh từ việc chúng ta quên rằng tất cả đều là hồng ân.

Và Thiên Chúa hoàn toàn tự do ban phát các ân huệ cho chúng ta, ngay từ khi chúng ta chưa thuộc về Ngài. Trước sự giàu sang và đại lượng của Thiên Chúa, chúng ta mãi mãi là những người nghèo, thiếu thốn và luôn luôn cần đến sự quan tâm và yêu thương của Ngài.

Bài học và hành động từ chối đón nhận Chúa của dân làng Nadarét khi xưa luôn là lời cảnh giác cho mỗi người chúng ta hôm nay. Chúng ta không được phép bắt Người phải quan tâm và dành cho chúng ta một sự chiếu cố đặc biệt.

Tuy nhiên, chính sự từ khước của dân làng Nadarét khi xưa không làm Chúa buồn, trái lại Người coi đó như là dấu chỉ dẫn Đức Giêsu nhận ra con đường của Người. Một con đường chông gai, đầy sỏi đá... cuối cùng bị khước từ và chết tử nhục trên Thập Giá để cứu độ con người. Nhưng đó lại là một con đường tình mà Thiên Chúa đã dọn cho Người, để Người tự do thực hiện Lời Người đã phán: “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời. Quả vậy, Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ.”

Tất cả đều được xuất phát từ lòng mến, đó là ơn cao trọng nhất và cũng là con đường hoàn hảo nhất mà Thánh Phao-lô trong bài đọc thứ hai hôm nay nhấn mạnh. Theo Thánh nhân thì cái lợi duy nhất mà con người cần đạt được là ở lại trong lòng mến của Thiên Chúa. Đó chính là thước đo, là nền tảng của mọi công việc của chúng ta trong cuộc sống chứng nhân.

Cái khác biệt giữa lời của ngôn sứ với tất cả lời của bất cứ bậc hiền triết hay các nhà thông thái và khôn ngoan nào đó, chính là trong Lời của ngôn sứ có chứa đựng và truyền tải một sức mạnh yêu thương dẫn chúng ta đến Chúa, nguồn ơn cứu độ. Đó là điều mà Đức Giêsu đã thực hiện tại Nadarét và Người muốn mọi tín hữu hãy lập lại những gì mà chúng ta lĩnh nhận hôm nay để cho dù có gặp khó khăn hay bị từ khước chúng ta vẫn hiên ngang chu toàn ơn gọi ngôn sứ của mình, vì chính Chúa là thành trì bảo vệ và giúp ta chiến thắng mọi nghịch cảnh làm chúng ta đi ngược lại Ý muốn của Chúa.

Lm Giuse Mai Văn Thịnh  
25/01/2022

## **Lịch Sử Việt Nam Từ thời đầu cho đến hôm nay**

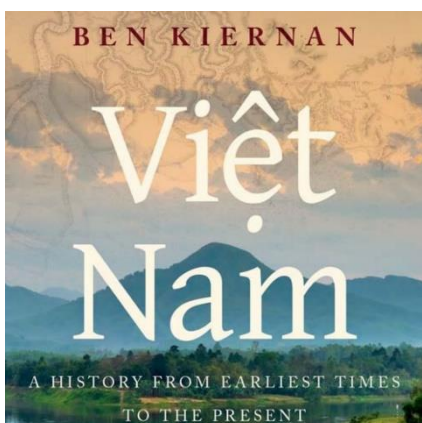
**Benedict F Kiernan - Nguyễn Duy Vũ chuyển ngữ**

## Giới thiệu

Bước vào tháng tư (đen), và giữa những hình ảnh kinh hoàng trên các màn hình về những đau thương đổ vỡ của người dân Ukraine gây ra từ cuộc xâm lăng của quân đội Nga, xin giới thiệu quý đọc giả DAT chương cuối trong cuốn sách lịch sử Việt Nam được viết bởi một người nước ngoài. Tuy không nhiều chi tiết cặn kẽ, nhưng có lẽ nó được viết dưới một cái nhìn khá khách quan. Thật buồn (hay cười?) khi người Việt muốn đọc sử Việt phải tìm sách của người ngoại quốc!

Chúng ta là những người may mắn nhất đã sống sót qua những đe dọa, hiểm nguy của nhân tai và giông bão của biển cả, nay được hưởng một cuộc sống rất an bình ở một đất nước rất tự do, mong hãy tưởng niệm đến những người đã hy sinh bảo vệ đất nước và đến các nạn nhân trong một cuộc chiến tàn khốc và trong cuộc vượt biên vượt biển đầy gian nguy.

NDV chuyển ngữ



Benedict F. Kiernan (sinh năm 1953) là một học giả và nhà sử học người Mỹ gốc Úc, là Giáo sư Danh dự khoa Lịch sử Whitney Griswold, ông hiện là Giáo sư tại Đại học Yale, Hoa Kỳ.

## Chương 11

### **Sự hình thành Việt Nam đương đại, 1975-2016**

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bay khỏi Sài Gòn đi Đài Loan vào ngày 21 tháng 4 năm 1975. Tướng Dương Văn Minh, người mà gần đây đã tập hợp các nhà lãnh đạo đối lập khỏi Công giáo và Phật giáo để kêu gọi ông Thiệu từ chức, trở thành vị tổng thống cuối cùng của nước Việt Nam Cộng hòa.<sup>1</sup> Minh đã bổ nhiệm vị thủ tướng mới của mình là một tín đồ Phật tử đứng đầu trong Thượng viện VNCH, ông Vũ Văn Mẫu, người lãnh đạo Lực lượng Hòa giải Quốc gia. Mẫu đã gọi việc từ chức của Thiệu là “bước cần thiết đầu tiên” để hướng tới việc hòa giải và hòa bình dân tộc. Ông ta dự đoán chỉ khi đó, người Việt Nam mới có thể “hướng sự chú ý của chúng ta đến việc thống nhất hai miền Nam Bắc.”<sup>2</sup>

Thống nhất đất nước được chứng minh như là kết quả quan trọng độc nhất sau khi cuộc chiến kết thúc. Nhưng hòa giải và hòa bình thì còn khó khăn hơn nhiều. Trong vài năm sau đó, ba làn sóng lớn người tị nạn trốn khỏi Việt Nam, và hai quốc gia láng giềng đã tấn công vượt qua biên giới của họ. Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua một thập kỷ thê thảm sau chiến tranh. Trước khi sự phục hồi kinh tế cuối cùng diễn ra vào cuối thập niên 1980 và sang qua thập niên 1990, cuộc phục hồi đã đòi hỏi một cuộc đấu tranh lâu dài trong nội bộ Đảng Cộng sản cầm quyền để cải cách đất nước (“đổi mới”). Những thành công kinh tế quan trọng sau đó đi kèm với sự phục hưng văn hóa khiêm tốn.<sup>3</sup> Nhưng Việt Nam vẫn là một quốc gia độc đảng. Các cuộc bầu cử tự do trên toàn quốc mà Ngô Đình Diệm đã hủy bỏ với sự ủng hộ của Hoa Kỳ vào năm 1956 cũng đã không được tổ chức dưới sự cầm quyền của cộng sản. Vào năm 2016, nền dân chủ chính trị vẫn còn xa xôi và những căng thẳng lãnh thổ với Trung Quốc vẫn luôn âm ỉ.

<sup>1</sup> “‘Big Minh’ Statement,” Agence France Press, Saigon, Feb. 6, 1975, FBIS-APA-75-026, L4.

<sup>2</sup> Nayan Chanda, “When the Old Regime Bows Out,” FEER, May 2, 1975, 15; Ben Kiernan, “Vietnamese Democracy: An Interview with Senator Vũ Văn Mẫu,” *Tharunka*, March 26, 1975, 7; Bui Tin, *Following Ho Chi Minh: Memoirs of a Vietnamese Colonel* (Honolulu: University of Hawai’i Press, 1995), 85.

<sup>3</sup> Peter Zinoman, “Vietnamese Americans and the Future of Vietnamese Studies in the United States,” in *Southeast Asian Studies: Pacific Perspectives*, ed. Anthony Reid (Tempe: Arizona State University, 2003), 299–300.

# Cải tạo và vùng Kinh tế mới

Một chiếc xe tăng ngụy trang của Quân đội Nhân Dân Việt Nam, (Bắc Việt), “đâm vào những cổng sắt gang” của Dinh Độc Lập Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975. Với sự trợ giúp của tàu hải quân Hoa Kỳ ngoài khơi, khoảng 135.000 người Việt Nam theo Thiệu bước sang cuộc sống lưu vong, phần lớn tại Hoa Kỳ.<sup>4</sup> Tướng Dương Văn Minh đầu hàng Đại tá Bùi Tín thuộc Quân đội Nhân Dân Việt Nam (Bắc Việt), QĐNDVN, ông cũng là người đã từng chiến đấu tại trận Điện Biên Phủ năm 1954.<sup>5</sup> Tư lệnh quân đội Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam MTGPMN, Tướng Trần Văn Trà, thành lập Ủy ban Quân Quản để quản lý Sài Gòn, đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Nước Việt Nam Cộng hòa chấm dứt theo với cuộc nội chiến Việt Nam. Có tới hai trăm ngàn tù nhân chính trị, kể cả sinh viên và Phật tử bị giam giữ từ năm 1966, nay được trả tự do.<sup>6</sup> Nhưng chính quyền mới đã nhanh chóng thiết lập 21 trại “cải tạo” mới và giam giữ tới ba trăm ngàn cán bộ chính quyền miền Nam, sĩ quan QLVNCH, và một số quân lính. Một số được trả tự do sau vài tuần hoặc vài tháng, nhưng nhiều nghìn người đã bị giam giữ trong vài năm.<sup>7</sup> Ít nhất 26 nghìn người vẫn bị giam giữ cho tới năm 1979 và có thể hai mươi đến bốn mươi nghìn người đã thụ án từ mười năm trở lên.<sup>8</sup>

Sự đàn áp hậu chiến không chỉ giới hạn ở các cựu quân nhân VNCH. Ở đồng bằng sông Cửu Long, chính quyền Hà Nội bắt giữ các nhà lãnh đạo Phật giáo Hòa Hảo, bao gồm cả những người mà QLVNCH trước đây đã tấn công vào tháng Giêng năm 1975, và đặt tổ chức chống Cộng của họ ra ngoài vòng pháp luật. Hoạt động của thành viên Hòa Hảo bị giới hạn trong lĩnh vực tâm linh. Hầu hết các hệ phái Cao Đài vẫn còn được hợp pháp, nhưng chỉ là các tổ chức tôn giáo. Ở Tây Ninh, Đảng Cộng sản chiếm tòa thánh, bỏ tù hơn một nghìn viên chức và tín đồ Cao Đài, và xử tử ba mươi chín tín đồ Đạo Cao Đài từ năm 1975 đến năm 1983.<sup>9</sup> Những người chiến thắng cộng sản cũng nghiêm cấm quyền tự do ngôn luận. Các tờ báo còn lại của Sài Gòn thời VNCH đều bị đóng cửa. Năm tờ báo mà Thiệu đã đóng cửa vào tháng 2 năm 1975 không được phép hoạt động trở lại. Ngoại lệ duy

---

<sup>4</sup> Nayan Chanda, “The Last Word from Saigon,” FEER, May 9, 1975, 10; Earl Martin, *Reaching the Other Side: The Journal of an American Who Stayed to Witness Vietnam’s Postwar Transition* (New York: Crown, 1978); Nancy Viviani, *The Long Journey: Vietnamese Migration and Settlement in Australia* (Melbourne: Melbourne University Press, 1984), 20.

<sup>5</sup> Bui, *Following Ho Chi Minh*, 84–86; Jonathan C. Randal, “Leading Vietnamese Communist, in West, Criticizes Government in Hanoi,” *Washington Post*, Jan. 1, 1990.

<sup>6</sup> Ngô Vĩnh Long, “From Polarisation to Integration in Vietnam,” *Journal of Contemporary Asia* 39, no. 2 (May 2009): 302–4; Holmes Brown and Don Luce, *Hostages of War: Saigon’s Political Prisoners* (Washington, DC: Indochina Mobile Education Project, 1973), iii; Nick Turse, *Kill Anything That Moves: The Real American War in Vietnam* (New York: Picador, 2013), 172–73, 178–82, 332n157; Vũ Văn Mẫu quoted in Kiernan, “Vietnamese Democracy,” 7; George McT. Kahin, *Intervention: How America Became Involved in Vietnam* (New York: Knopf, 1986), 430; Donald Kirk, “Presidential Campaign Politics: The Uncontested 1971 Election,” in *Electoral Politics in South Vietnam*, ed. John C. Donnell and Charles A. Joiner (Lexington, MA: D.C. Heath, 1974), 55.

<sup>7</sup> Gareth Porter, *Vietnam: The Politics of Bureaucratic Socialism* (Ithaca, NY: Cornell University Press, 1993), 174. For examples, see U.S. Department of State, “Vietnam’s Refugee Machine” (typescript), July 20, 1979, Doc. 1-100, “Interviews of Refugees by American Consul, Song Khla, Thailand, Mid-June 1979,” 6, “Vietnamese Case Histories,” B-3, B-4; Doan Van Toai, *Le goulag vietnamien* (Paris: Laffont, 1979).

<sup>8</sup> *Report of an Amnesty International Mission to the Socialist Republic of Viet Nam, 10–21 December, 1979* (London: Amnesty International, 1981), 3, 17; Amnesty International, “Socialist Republic of Viet Nam: Amnesty International’s Continuing Concerns Regarding Detention without Charge or Trial for the Purpose of ‘Re-Education,’” London, April 1985, ASA 41/04/85, document 1, 6; Amnesty International, *Viet Nam: Arrests of Political Prisoners, 1990–1991*, London, June 1992, ASA 41/01/92, 1; Carlyle A. Thayer, “Political Development in Vietnam 1975–1985,” in *Contemporary Vietnam: Perspectives from Australia*, ed. Colin Mackerras, Robert Cribb, and Allan Healy (Wollongong, Australia: University of Wollongong Press, 1988), 67; Porter, *Vietnam*, 175–76.

<sup>9</sup> On July 12, 1975, Hanoi denounced the “Vietnamese traitors Lương Trọng Tường and Huỳnh Văn Nhiệm” and reported the dissolution of two Hòa Hảo “reactionary organizations,” namely, “Lương Trọng Tường’s central church, 1st mandate, and Huỳnh Văn Nhiệm’s Hòa Hảo central committee, 4th mandate,” which “they founded.” FBIS-APA-75-135, July 14, 1975, L2. See also Nguyễn Long Thành Nam, *Hoa Hao Buddhism in the Course of Vietnam’s History* (New York: Nova, 2003), ch. 13; Melanie Beresford, *Vietnam: Politics, Economics and Society* (London: Frances Pinter, 1988), 126; Porter, *Vietnam*, 183–84.

nhất là một tờ báo mà người xuất bản là người mà chế độ Thiệu đã nhắm như mục tiêu và đẩy đi lưu vong. Ngô Công Đức về nước và mở lại tờ *Tin Sáng* không thuộc cộng sản sau sáu năm bị chính quyền Việt Nam trước cấm đoán. Đức và các nhân viên của ông đã phải đắn đo giữa việc tự kiểm duyệt và viết báo cách độc lập.<sup>10</sup> Cũng tại Sài Gòn, chính trị gia một thời theo phong trào Trotskyist và nhà văn kỳ cựu Hồ Hữu Tường, người đã hai lần bị bỏ tù vì Poulo Condore, của người Pháp từ năm 1938 đến năm 1943 và của Diệm từ năm 1957 đến năm 1963, đã gửi một bản in tuyên bố phản đối đến chính phủ mới vào năm 1977. Cảnh sát đã bắt giữ ông vào năm tiếp theo. Được trả tự do vì sức khỏe năm 1980, Tường mất cùng ngày hôm đó, thọ 70 tuổi.<sup>11</sup> Ở miền Bắc, được trả tự do năm 1977 sau phiên án lần thứ hai, nguyên là thầy giáo môn lịch sử và là nhân công ngành xây dựng Nguyễn Chí Thiện cần thận viết xuống khoảng gần bốn trăm bài thơ ông viết trong tù. Hai năm sau, ông ta lén đưa một bản sao vào đại sứ quán Anh ở Hà Nội. Ngay khi ông rời khỏi tòa đại sứ, cảnh sát Việt Nam đã bắt giữ ông một lần nữa và ông ta phải ngồi tù thêm sáu năm. Trong khi bị giam giữ, cuốn sách của ông Thiện xuất hiện bằng tiếng Anh tựa là '*Những đóa hoa từ địa ngục*' (*Flowers from Hell*).<sup>12</sup>

Hai miền Nam Bắc thống nhất vào năm 1976, trở thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN). Như năm 1945, Hà Nội trở thành thủ đô nước. Tại Đại hội lần thứ IV vào tháng 12 năm 1976, Đảng Công nhân Việt Nam đang cầm quyền cũng đổi tên thành Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN). Hòa giải dân tộc sẽ mất nhiều thời gian hơn là thống nhất, nhưng lực lượng đối lập chống chính phủ có vũ trang chỉ giới hạn ở vài trăm du kích quân FULRO ở Tây Nguyên và quân đội bán quân người Khmer "Lực lượng Mike" do CIA huấn luyện ở đồng bằng sông Cửu Long.<sup>13</sup>

Chiến tranh gây thiệt hại cho môi trường đã là một vấn đề nghiêm trọng hơn. Những trái bom chưa nổ vẫn còn nằm rải rác trên các vùng nông thôn phía nam, có thể giết chết hàng ngàn người mỗi năm trong nhiều thập kỷ.<sup>14</sup> Máy bay Mỹ đã thả xuống trên hai triệu rưỡi mẫu đất bằng các tác nhân hóa học. Mười hai triệu trong số mười chín triệu gallon chất diệt cỏ được rải bao gồm chất độc da cam, với những mức độ nguy hiểm của nó là chất dioxin, một trong những chất độc chết người nhiều nhất được biết đến.<sup>15</sup>

Một vấn đề nghiêm trọng khác sau chiến tranh là nạn thất nghiệp ở thành thị và nông thôn, với mức độ đô thị hóa khác nhau ở miền Bắc và miền Nam. Mặc dù miền Bắc đông dân hơn, các thành phố chứa ba triệu người (12% dân số miền Bắc), trong khi con số này ở Nam Việt Nam là bảy triệu (31% dân miền Nam).<sup>16</sup> Trong mục tiêu tìm cách khai phá những lãnh thổ hoang dại trong chiến tranh và để giảm bớt tình trạng dân số quá đông ở nông thôn đồng bằng sông Hồng và tình trạng quá tải đô thị và tình trạng thất nghiệp ở Hà Nội và miền Nam, chính phủ Việt Nam thống nhất đã mở ra các "Vùng kinh tế mới" - KTM (NEZ - New Economic Zones), thường là ở các vùng sâu xa có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Chính sách KTM này đã đưa người Việt Nam từ nhiều vùng khác nhau đến tiếp cận mới với nhau. Ví dụ, từ năm 1976 đến năm 1979, khoảng 8.500 người từ thành thị Hà Nội đã chuyển đến nam Tây Nguyên. Họ đến Lâm Đồng, một tỉnh có bốn trăm nghìn dân, trong đó có một trăm nghìn thành viên

---

<sup>10</sup> Ngô Công Đức, "Statement," *New York Review of Books*, Nov. 5, 1970; Kirk, "Presidential Campaign Politics," 67–68; "Night Falls on Morning News," FEER, July 17, 1981, 20.

<sup>11</sup> *Report of an Amnesty International Mission*, 7–8; Hue-Tam Ho Tai, pers. comm., Nov. 2, 2014.

<sup>12</sup> *New York Times*, Oct. 7, 2012.

<sup>13</sup> Porter, *Vietnam*, 175n100; Ben Kiernan, *The Pol Pot Regime: Race, Power and Genocide in Cambodia under the Khmer Rouge, 1975–1979* (New Haven, CT: Yale University Press, 1996), 1–3.

<sup>14</sup> "Landmines Still Exacting a Heavy Toll on Vietnamese Civilians," *Guardian*, Sept. 18, 2012, available online at <http://www.theguardian.com/world/2012/sep/18/vietnam-unexploded-landmines-bombs> (accessed July 1, 2016); "Vietnamese Children Killed by Mortar Shell," *Guardian*, Dec. 3, 2012.

<sup>15</sup> Edwin A. Martini, *Agent Orange: History, Science, and the Politics of Uncertainty* (Amherst: University of Massachusetts Press, 2012), 2, 198–99, 206.

<sup>16</sup> Melanie Beresford, "Issues in Economic Unification: Overcoming the Legacies of Separation," in *Postwar Vietnam: Dilemmas in Socialist Development*, ed. David G. Marr and Christine P. White (Ithaca, NY: Cornell Southeast Asia Program, 1988), 99.



là các dân tộc thiểu số vùng cao. Chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) đã dành một khu Kinh Tế Mới 47.000 ha cho một dòng người định cư theo kế hoạch gồm hàng trăm nghìn người. Những người mới đến từ Hà Nội đã bắt đầu khai phá một huyện rừng phía nam Đà Lạt. Dọc theo con đường chính của nó, mười một nghìn cư dân hiện có đã sống trên một dải đất rộng 11.000 ha: ba làng của người Việt và hai làng của vài nghìn dân tộc Cơ Ho, Chin và Mạ mà Hoa Kỳ và VNCH đã di dời họ đến đó. Giống như Việt Nam Cộng hòa, CHXHCNVN tiếp tục không khuyến khích người dân vùng đồi thực hành nông nghiệp du canh truyền thống của họ, và họ đã cố gắng đưa họ vào các khu định canh bằng khẩu hiệu “Canh tác ổn định, ở ổn định”. Trong những năm đầu tiên sau chiến tranh, sự di chuyển của người gốc Việt đến vùng Kinh Tế Mới này và những vùng khác dường như chủ yếu là tự nguyện. Đến năm 1980, chưa đến mười nghìn người định cư từ Hà Nội đến đó, chỉ một phần mười con số dự kiến.<sup>17</sup>

Tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam Lê Duẩn đã nâng cao mục tiêu năm 1978. Ông ấy đã đến thăm Tây Nguyên và thúc giục: “Tất cả Đắc Lắc phải trở thành một trong những công trình xây dựng khổng lồ”. Trong thập kỷ tiếp theo, chính phủ đã tổ chức một cuộc di chuyển về phía nam của hơn một trăm nghìn người miền bắc chỉ riêng đến Lâm Đồng.<sup>18</sup> Dòng người này đã khiến nhiều người dân địa phương xa lánh. Tuy nhiên, điều kiện sống của những người mới đến ở các vùng Kinh tế mới thường khắc nghiệt, mức lương trong các trang trại nhà nước và hợp tác xã thấp, và sự ép buộc trở nên phổ biến hơn. Một cựu nhân vật tôn giáo của miền Nam Việt Nam đã bỏ trốn khỏi đất nước vào năm 1979 nói: “Người dân được đưa đến các khu vực Đông Bắc và được yêu cầu sản xuất mùa màng mà không có thiết bị hướng dẫn. Người dân không nhận được thức ăn và chỉ ăn lá cây và bụi rậm. Đã có nhiều trường hợp người dân ở khu vực Đông Bắc tử vong vì ăn lá khoai mì nấu chín ... Người dân chạy về Sài Gòn từ hầu hết các vùng Kinh tế mới ở vùng Đông Bắc.”<sup>19</sup>

Tại Sài Gòn năm 1978, tờ báo *Tin Sáng* độc lập cuối cùng đã đăng bài. về các vụ tự tử giữa những “người bị trục xuất” đến các vùng Kinh tế mới. Đến năm 1985, hai triệu người, chủ yếu từ miền Bắc và một số lớn từ các thành phố miền Nam, đã được chuyển đến các khu vực này, đưa hơn 600.000 ha vào sản xuất.<sup>20</sup> Mặc dù nhiều khó khăn nhưng tác động kinh tế thấp. Lợi tức cấp quốc gia giảm khi dân số Việt Nam tăng lên 60 triệu người vào năm 1985, và kinh tế nông thôn vẫn bị giam giữ trong khuôn mẫu lịch sử “tăng trưởng mà không hiện đại hóa.”<sup>21</sup>

## ***Xung đột với Trung Quốc và Campuchia***

Về biên giới Việt Nam, hòa bình sau chiến tranh chỉ ngắn gọn. Ngay cả trong giai đoạn cuối của cuộc nội chiến, các lực lượng quân sự Bắc Kinh đã mở rộng sự kiểm soát của họ trên toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, cưỡng chiếm đảo Hoàng Sa và quần đảo Lưỡi Liềm từ hải quân Việt Nam vào tháng 1 năm 1974.<sup>22</sup> Bắc Kinh tuyên bố Hoàng Sa là một phần của Trung Quốc cùng với toàn bộ Biển Đông (mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền lần đầu tiên vào năm 1948), bao gồm cả quần đảo Spratley ở xa về phía nam và các bãi cạn do Nam Việt Nam và Philippines chiếm giữ hoặc tuyên bố chủ quyền, cũng như các vùng lãnh hải xa xôi mà Indonesia tuyên bố chủ quyền.<sup>23</sup> Năm 1974, vẫn đang còn

---

<sup>17</sup> Douglas Beane, “On the Hanoi New Economic Zone” (typescript, Oct. 28, 1980, copy in possession of the author), 2–3, 6, 8; see also Andrew Hardy, *Red Hills: Migrants and the State in the Highlands of Vietnam* (Honolulu: University of Hawai’i Press, 2003), 218–19; Barry Wain, *The Refused: The Agony of the Indochina Refugees* (Hong Kong: Dow Jones, 1981), 40–42, 142–43, 150; and Viviani, *Long Journey*, 26.

<sup>18</sup> Hardy, *Red Hills*, 229; Li Tana, *Peasants on the Move: Rural-Urban Migration in the Hanoi Region* (Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, 1996), 8.

<sup>19</sup> U.S. Department of State, “Vietnam’s Refugee Machine,” Doc. 1-135, “Interview with a Former Religious Figure in Vietnam, July 20, 1979,” 2–3.

<sup>20</sup> Beresford, *Vietnam*, 151–52, 221n4; Li, *Peasants on the Move*, 8.

<sup>21</sup> Stewart E. Fraser, “Vietnam’s Exploding Population,” in Mackerras, *Contemporary Vietnam*, 79; Pierre Brocheux and Daniel Hémerly, *Indochina: an Ambiguous Colonization* (Berkeley: University of California Press, 2009), 261.

<sup>22</sup> Bill Hayton, “The Paracels: Historical Evidence Must be Examined,” RSIS Commentary 126/2014, July 3, 2014.

<sup>23</sup> On the Vietnamese claim, see Trần n Đức Anh Sơn, ed., *Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa* (Hồ Chí Minh City: Nhà xuất bản Văn Hóa – văn nghệ, 2014). On China’s role in Southeast Asia, see Ben Kiernan, “The

chiến tranh với Chính phủ Việt Nam, Hà Nội đã không thể kiềm chế tham vọng của đồng minh Trung Quốc. Nhưng tháng 6 năm đó, chủ bút nhật báo *Nhân Dân* của ĐCSVN, Hoàng Tùng, đã nói với một nhà báo Thái Lan: “*Đông Nam Á thuộc về người dân Đông Nam Á... nên Trung Quốc không nên có lãnh hải lớn như họ tuyên bố*”. Vào tháng 4-5 năm 1975, hải quân VNDCCH nhanh chóng chiếm hầu hết Spratleys. “*Tôi đã ném tro trong miệng,*” một nhà báo Trung Quốc đến thăm miền nam nhớ lại. Một cuộc chiến khác đã âm thầm bắt đầu.<sup>24</sup>

Hà Nội tăng cường kiểm soát dọc biên giới trên bộ với Trung Quốc. Năm 1976, họ xóa bỏ các khu tự trị dân tộc thiểu số phía Bắc cũ của VNDCCH, các khu vực Việt Bắc và Tây Bắc. ĐCSVN cũng đột ngột cho nghỉ hưu hai tướng lĩnh của Quân đội Việt Nam thuộc dân tộc thiểu số miền bắc Nùng và Tàilà Chu Văn Tấn và Lê Quảng Ba, cả hai đều là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc nay đã mất chức. Đảng cũng đã loại khỏi Bộ Chính trị thành viên thân Trung Quốc nhất, Hoàng Văn Hoan (1905–91).<sup>25</sup> Năm 1977, Hà Nội tìm cách kiểm soát chặt chẽ hơn những thành viên là người dân tộc thiểu số gốc Hoa của Việt Nam, được gọi là Hoa, sống ở vùng biên cương gần Trung Quốc. Chính phủ đã “cố gắng để người Hoa sống ở biên giới nhận quốc tịch Việt Nam” và cũng trong “một động thái an ninh rõ ràng”, chính phủ đã “bắt đầu xóa sổ người Hoa” ra khỏi khu vực biên giới.<sup>26</sup> Và trên quần đảo Spratley ở Biển Đông, Hà Nội đóng quân 350 binh lính được trang bị pháo bờ biển và pháo phòng không.<sup>27</sup>

Hà Nội từ lâu đã cố gắng cân bằng quan hệ với Moscow và Bắc Kinh.<sup>28</sup> Sau chiến thắng năm 1975, họ từ chối chống lại Trung Quốc bằng cách công khai đứng về phía Đông do Liên Xô đứng đầu khối và không cung cấp cho Liên Xô các cơ sở quân sự tại Việt Nam. Hà Nội cũng hy vọng thiết lập quan hệ ngoại giao với Washington, cũng như thu hút viện trợ kinh tế từ nước này. Năm 1977, Việt Nam tham gia Quỹ Tiền tệ Quốc tế do Hoa Kỳ chi phối, trở thành quốc gia cộng sản duy nhất làm được điều này.<sup>29</sup> Phải mất một năm nữa, sau khi quan hệ của Hà Nội với Bắc Kinh công khai trở nên căng thẳng về vụ Campuchia và Washington đã chuyển sang thiết lập quan hệ với Trung Quốc nhưng không phải Việt Nam, để Hà Nội cũng tham gia Hội đồng Tương trợ Kinh tế do Liên Xô đứng đầu, vào tháng 11 năm 1978. Chỉ đến năm 1979, sau cuộc xâm lược trên bộ của Trung Quốc vào miền Bắc Việt Nam, Hà Nội lần đầu tiên cho phép các tàu Liên Xô cập cảng căn cứ cũ của Mỹ. tại Vịnh Cam Ranh.

Ở đó nơi miền Nam, một ngòi nổ lâu dài đã được thắp lửa bởi một cuộc xung đột nghiêm trọng bùng lên ở biên giới Campuchia. Tháng 4 năm 1975, lực lượng Khmer Đỏ do Saloth Sar (Pol Pot) chỉ huy lên nắm chính quyền ở Phnôm Pênh. Cũng là cộng sản nhưng cực đoan hơn, bạo lực và liên minh chặt chẽ với Trung Quốc, chế độ Pol Pot ngay lập tức mở các cuộc tấn công vũ trang qua biên giới Việt Nam vào tháng 5 và tháng 6 năm 1975. Bọn chúng cũng trục xuất khoảng 150.000 cư dân Việt Nam tại Campuchia.<sup>30</sup> Bất đồng ở Việt Nam về cách thức đối phó với các cuộc tấn công của Campuchia dẫn đến việc cách chức và triệu hồi Tư lệnh Quân khu 7, Trần Văn Trà về Hà Nội.<sup>31</sup> Lúc

---

Inclusion of the Khmer Rouge in the Cambodian Peace Process: Causes and Consequences,” in *Genocide and Democracy in Cambodia*, ed. Ben Kiernan (New Haven, CT: Yale Southeast Asia Studies, 1993), 199, 216–19.

<sup>24</sup> Nayan Chanda, *Brother Enemy: The War after the War* (New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1986), 19; FEER, “South China Sea: Dividing the Waters,” Aug. 7, 1981, 30, 32.

<sup>25</sup> Nayan Chanda, “A Massive Shock for Vietnam,” FEER, Aug. 10, 1979, 89; Douglas Pike, *PAVN: People’s Army of Vietnam* (Novato, CA: Presidio, 1986), 352–53; Carlyle A. Thayer, “The Regularization of Politics: Continuity and Change in the Party’s Central Committee, 1951–1986,” in Marr and White, *Postwar Vietnam*, 183–84.

<sup>26</sup> Charles Benoit, “Viet Nam’s ‘Boat People,’” in *The Third Indochina Conflict*, ed. David W.P. Elliott (Boulder, CO: Westview, 1981), 143; Michael Godley, “A Summer Cruise to Nowhere: China and the Vietnamese Chinese in Perspective,” *Australian Journal of Chinese Affairs* 4 (July 1980): 36, 49.

<sup>27</sup> FEER, “South China Sea,” 32.

<sup>28</sup> Donald S. Zagoria, *Vietnam Triangle: Moscow, Peking, Hanoi* (New York: Pegasus, 1967); John C. Donnell and Melvin Gurtov, *North Vietnam: Left of Moscow, Right of Peking* (Santa Monica, CA, RAND, 1968).

<sup>29</sup> Franklin B. Weinstein, “U.S.-Vietnam Relations and the Security of Southeast Asia,” *Foreign Affairs*, July 1978, available online at <http://www.foreignaffairs.com/articles/29531/franklin-b-weinstein/us-vietnam-relations-and-the-security-of-southeast-asia> (accessed Oct. 24, 2014).

<sup>30</sup> Kiernan, *Pol Pot Regime*, 103–7, 296; Chanda, *Brother Enemy*, 16.

<sup>31</sup> Nayan Chanda, “Shake-up at the Bottom,” FEER, April 16, 1982, 16.

đầu, Trung Quốc không khuyến khích cả hai bên hành động quân sự, và các cuộc đàm phán hòa bình bất phân thắng bại được tổ chức tại Phnom Penh vào tháng 5 năm 1976. Nhưng chế độ Pol Pot, ngày nay được gọi là Kampuchea Dân chủ (KD), từ trong bản chất đã muốn chống lại Việt Nam. Vào tháng 4 năm 1976, họ bí mật tàn sát sáu mươi chín du kích quân người Khmer "Lực lượng Mike" từ đồng bằng sông Cửu Long sau khi họ vượt qua Campuchia để tìm kiếm viện trợ cho cuộc kháng chiến vũ trang của họ với Hà Nội. Pol Pot cũng quyết định từ chối tiếp tục tiến tới các cuộc đàm phán với Hà Nội. Bắt đầu từ đầu năm 1977, các lực lượng vũ trang Kampuchea KD mở các cuộc tấn công mới vào Việt Nam.<sup>32</sup>

Người tị nạn Campuchia đã trốn qua biên giới Việt Nam năm 1975 đã chứng kiến một số cuộc đột kích này. Vong Heng đã đến cư trú tại ngôi làng hỗn hợp Khmer-Việt của Ke Mea, ở tỉnh Tây Ninh. Vào tháng 5 hoặc tháng 6 năm 1977, Heng nhớ lại hai năm sau, lực lượng Khmer Đỏ đã pháo kích vào Ke Mea, giết "hàng trăm người" của cả hai sắc tộc. Xa hơn về phía nam, ở tỉnh Hà Tiên, Ly Veasna, người sống "cách biên giới 500 mét," báo cáo rằng vào giữa năm 1977 "Khmer Đỏ bắt đầu cuộc giao tranh". Họ tấn công làng Prey Tameang gần đó, giết chết hai trăm dân thường, bao gồm cả người dân tộc Khmer và Việt Nam, sau đó đột kích làng Ấp Sasê của Veasna. "Khi Khmer Đỏ vượt qua biên giới, mọi người bỏ chạy trốn và túm lấy con cái họ và tất cả chạy vào nhà ẩn núp. Nhưng Khmer Đỏ đã vào làng của chúng tôi và đốt phá nhà cửa và thiêu rụi hàng hóa, và giết khoảng hai mươi người không kịp chạy trốn."<sup>33</sup> Bên trong nước Campuchia cùng lúc đó, chế độ Cộng Sản Kampuchea phát động một chiến dịch diệt chủng nhằm tiêu diệt tất cả từ mười đến hai chục ngàn người dân gốc Việt vẫn còn kẹt ở Campuchia. Một báo cáo nhanh chóng đến Bangkok vào cuối tháng 5 năm 1977, "500 gia đình người gốc Việt đã bị vây bắt và nhiều người bị hành quyết ở tỉnh Kampong Cham miền Trung, có thể là một biện pháp đề phòng an ninh."<sup>34</sup> Vào năm sau, chế độ Polpot đã tàn sát hàng trăm nghìn người dân tộc Campuchia vì bị cáo buộc mang bản chất "đầu người Việt trên thân thể người Khmer" ( kbal yuon khluon khmaer ).<sup>35</sup>

Ngay sau khi Campuchia tấn công Việt Nam vào năm 1977, Bắc Kinh đã rõ ràng ủng hộ chế độ Polpot chống lại Hà Nội và thông báo riêng cho cả hai bên về chính sách của họ.<sup>36</sup> Vào tháng 9 năm 1977, Bắc Kinh công khai chào đón Pol Pot trong chuyến thăm mừng chiến thắng đến Trung Quốc. Tháng sau, Hà Nội đóng cửa các trường dạy tiếng Hoa ở miền Nam.<sup>37</sup> Những đơn vị quân đội Dân Chủ Kampuchea Cộng Sản tàn bạo tiếp tục tàn sát hàng ngàn nông dân Việt Nam và dân tộc Khmer trong hơn một năm đột kích xuyên biên giới.<sup>38</sup> Tổng cộng, Việt Nam tuyên bố ba mươi nghìn quân nhân và dân thường đã thiệt mạng trong cuộc chiến tranh biên giới với Campuchia năm 1977 và 1978.<sup>39</sup> Khi Hà Nội trả đũa vào cuối năm 1977, Cộng Sản Dân Chủ Kampuchea DK cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam, và Trung Quốc công khai đổ lỗi cho Hà Nội về cuộc chiến. Chiến sự ở biên giới ngày càng gay gắt. Đến tháng 6 năm 1978, ba phần tư triệu người Việt Nam đã rời bỏ nhà cửa

---

<sup>32</sup> Kiernan, *Pol Pot Regime*, 111ff., 1–3, 118–21; *Asiaweek*, Sept. 22, 1978: "Most intelligence analysts in Bangkok agree that Cambodian raids and land grabs escalated the ill-will... until peace was irretrievable." See also Ben Kiernan, "New Light on the Origins of the Vietnam-Kampuchea Conflict," *Bulletin of Concerned Asian Scholars* 12, no. 4 (1980): 61–65, esp. 64–65; Michael Vickery, *Cambodia 1975–82* (Boston: South End, 1984), 189–96; Kiernan, *How Pol Pot Came to Power* (London: Verso, 1985), 413–21.

<sup>33</sup> Author's interviews with Vong Heng, Flers, France, Oct. 8, 1979, and Ly Veasna, Caen, France, Oct. 7, 1979. For more details, see Kiernan, *Pol Pot Regime*, 108–9, 359–60.

<sup>34</sup> Richard Nations, "Inside the Bitter Border," *FEER*, Aug. 19, 1977, 10; Kiernan, *Pol Pot Regime*, 296–98, 423.

<sup>35</sup> Ben Kiernan, *Cambodia: The Eastern Zone Massacres*, Columbia University, Center for the Study of Human Rights, Documentation Series No. 1, 1986.

<sup>36</sup> On July 30, 1977, China's foreign minister, Huang Hua, in a private speech to Foreign Ministry cadres, clearly put the blame on Vietnam and said China's position had been communicated to the Indochinese states. King C. Chen, ed., *China and the Three Worlds* (White Plains, NY: M. E. Sharpe, 1979), 271–72.

<sup>37</sup> Godley, "Summer Cruise," 48.

<sup>38</sup> Richard Nations and Nayan Chanda, "The Bitter Border," *FEER*, Aug. 19, 1977, 9–12; Nayan Chanda, "The Bloody Border," *FEER*, April 21, 1978, 17–22; Kiernan, "New Light," 61–65.

<sup>39</sup> Murray Hiebert, "Withdrawal Symptoms," *FEER*, July 14, 1988, 14.

gần biên giới để an toàn vào sâu hơn trong nước, và đến cuối năm 1978, khoảng 350.000 người tị nạn Khmer đã chạy từ Campuchia vào Việt Nam.<sup>40</sup>

## ***Cuộc Di cư – (hay ‘Cuộc Vượt biên/ ‘Vượt biển’)***

Tuy nhiên, cuộc di cư (hay vượt biên, vượt biển) tị nạn sắp tới từ Việt Nam sẽ còn lớn hơn. Khi một cuộc chiến tranh toàn diện bùng phát và sự tuyên truyền ủng hộ của Bắc Kinh dành cho chính quyền Kampuchia Polpot tăng cường, nhiều người Hoa ở miền Bắc Việt Nam cảm thấy như bị kẹt giữa Trung Quốc và Việt Nam. Từ tháng 3 năm 1978, Hà Nội bắt đầu cho Hoa quyết định lựa chọn nhập quốc tịch Việt Nam hoặc xuất cảnh. Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1978, khoảng 160.000 người gốc Hoa đã dùng thuyền ra biển hoặc vượt biên sang Trung Quốc. Vào tháng 5-6, Bắc Kinh chấm dứt chương trình viện trợ cho Việt Nam, sau đó vào tháng 7, Hà Nội bắt đầu khuyến khích Hoa nên rời khỏi đất nước hoặc chuyển đến các khu vực Bắc Kinh, và đến tháng 12 năm 1978, tổng số người Hoa tị nạn lên tới hai trăm nghìn.<sup>41</sup> Cuộc di cư lớn thứ hai này từ Việt Nam sau chiến tranh chủ yếu bao gồm công nhân và ngư dân gốc Hoa từ miền Bắc. Nhưng những người khác cũng đã chạy trốn khỏi miền Nam, như nhà báo Barry Wain đã báo cáo: “Trận đại hồng thủy tấn công vùng Đông Nam Á vào giữa năm 1978 cùng với hàng loạt các cơn bão nhiệt đới kinh hoàng.”<sup>42</sup> Năm 1978, dân gốc Việt chiếm đến 29 phần trăm người tị nạn đến bằng thuyền trên đảo Pulau Bidong của Malaysia. Các quan chức Việt Nam thường xuyên thu tiền những người tị nạn các khoản phí ngoại lệ để xin giấy phép xuất cảnh. Tuần báo Kinh tế Viễn Đông của Hồng Kông ước tính rằng chính phủ Việt Nam đã kiếm được khoảng 115 triệu đô la từ những tố cáo này trong suốt năm 1978.<sup>43</sup>

Vào tháng 12 năm 1978 các lực lượng quân đội Việt Nam xâm lược lãnh thổ Campuchia. Họ lật đổ chế độ Pol Pot vào ngày 7 tháng 1 năm 1979, và thành lập một chính phủ Campuchia do cộng sản lãnh đạo mới, bao gồm các đồng minh Khmer của Hà Nội và một số người tị nạn Campuchia đã chạy sang Việt Nam từ năm 1976–78. Quân đội Việt Nam đã đưa cuộc diệt chủng đang tăng tốc ở Campuchia kết thúc đột ngột. Tuy nhiên, vào tháng 2 năm 1979, Trung Quốc đã đáp trả bằng cuộc xâm lược quy mô lớn của chính họ vào miền Bắc Việt Nam. Đó thì ít thành công hơn; Lực lượng Trung Quốc rút lui sau khi chịu 60 nghìn thương vong.<sup>44</sup>

Phản ứng của Hà Nội, bắt đầu ngay sau ngày thứ hai của cuộc xâm lược Trung Quốc, là một lần nữa gia tăng sự ép buộc cư dân gốc Hoa ở Việt Nam phải rời bỏ đất nước. Một trong số họ, một cựu thiếu tá QĐNDVN (quân đội Bắc Việt), hồi tưởng lại trong trại tị nạn vài tháng sau đó: “Năm 1952 tôi cùng Hồ Chí Minh ở Việt Bắc, năm 1954 với Võ Nguyên Giáp ở Điện Biên Phủ. Nhưng chung quy lại, vào thời điểm Việt Nam đang bị Trung Quốc uy hiếp, người Việt không còn dám có người Hoa trong quân đội nữa. Sau cuộc xâm lược của Trung Quốc, họ sợ một cuộc tấn công thứ hai, lần này với mục tiêu chính của Hà Nội, và vì vậy vào ngày 18 tháng 2 [1979], họ bắt đầu trục xuất chúng tôi ra nước ngoài.”<sup>45</sup> Giờ đây, hàng chục nghìn người Trung Quốc từ khắp Việt Nam đã ra biển. Với hy vọng được phép định cư ở một nơi khác, nhiều người Việt Nam khác cũng đã tham gia cuộc di cư.

Vào giữa năm 1979, tỷ lệ người gốc Việt trong số những người tị nạn đến đảo Pulau Bidong đã tăng lên 52 phần trăm. Tổng cộng có 240.000 người tị nạn đã đến Trung Quốc, và hơn 160.000 người khác đang ở trong các trại tị nạn ở Hồng Kông, Malaysia và Indonesia. Bao gồm những người tị nạn đã được tái định cư ở Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Úc và Châu Âu, một triệu người Việt Nam đang sống lưu vong. Hàng nghìn người khác đã bỏ mạng trên những chiếc thuyền nhỏ trên Biển Đông.<sup>46</sup> Một chiếc tàu, ngoài những người khác chở theo một người tên là Lâm Hiệp, bảy tuổi và gia đình cô, trôi

<sup>40</sup> Kiernan, *Pol Pot Regime*, 389; Wain, *Refused*, 42.

<sup>41</sup> Godley, “Summer Cruise,” 52, 41, 35; Benoit, “Viet Nam’s ‘Boat People,’” 151, and draft ms., 1–2.

<sup>42</sup> Godley, “Summer Cruise,” 37, 40; Wain, *Refused*, 66.

<sup>43</sup> U.S. Department of State, “Vietnam’s Refugee Machine,” 5, 4.

<sup>44</sup> FEER, May 30, 1985.

<sup>45</sup> Benoit, “Viet Nam’s ‘Boat People,’” 140. See also Wain, *Refused*.

<sup>46</sup> U.S. Department of State, “Vietnam’s Refugee Machine,” Introduction and Overview, 5, 1; Benoit, “Viet Nam’s ‘Boat People,’” 140; Patrick Smith, “Pull Factor Gets the Push,” FEER, July 17, 1981, 26–31.

đạt một cách bất lực suốt trong 25 ngày mà không có thức ăn và nước uống trong khi đó những ngư dân Thái Lan tàn bạo tấn công con thuyền và người trên thuyền không ít hơn hai mươi bảy lần.<sup>47</sup> “Thuyền nhân đầu tiên của Úc” đã lao vào cảng Darwin phía bắc của đất nước đó vào ngày 27 tháng 4 năm 1976. Mặc dù rõ ràng “không ai ở Úc” đã ước được những người tị nạn có thể mạo hiểm bốn nghìn dặm trong chuyến đi trên biển, 5 người Việt Nam đã leo lái thành công một con tàu từ đầu này sang đầu kia của Đông Nam Á. Họ là “những điểm báo trước như đó chỉ là một giọt nước nhỏ giọt, sau đó là những làn sóng đến từ phía bắc nước Úc bằng đường biển.” Hai chiếc thuyền nữa đến vào tháng 11 tháng 12, chở 106 người Việt Nam. Sáu tháng sau, bốn chiếc thuyền cập bến, rồi nhiều hơn nữa, và vào năm 1977, số người tị nạn “không được trợ giúp” này đã lên tới 868 người. Đến cuối năm 1979, hơn hai nghìn người Việt Nam đã đến Úc bằng đường biển.<sup>48</sup>

Chính ngay trong hành động rời xứ sở ra đi của họ, “Thuyền nhân” đã thể hiện bản tính Việt Nam theo cách riêng của họ. Cũng giống như lịch sử và xã hội Việt Nam kết hợp các yếu tố của cả văn hóa địa phương và văn hóa Trung Quốc, những người tị nạn từ đó cũng tỏ ra không khác biệt. Một mặt, họ theo chân những “thuyền nhân” (người tầu) đầu tiên — những người tị nạn nhà Minh ở thế kỷ thứ mười bảy đã đi thuyền từ Trung Quốc đến Đàng Trong. (Chữ tầu trong tiếng Việt có nghĩa là “Tàu” cũng như “tàu”.) Bằng cách vượt qua những nguy hiểm và những khoảng cách xa xôi mà họ đã làm, những boat people hiện đại (thuyền nhân) đã thể hiện một mệnh lệnh truyền thống của Việt Nam mà triều đình Minh Mạng thế kỷ XIX đã đặt ra. “Niềm ưu ái của gió và nước.”<sup>49</sup> Nhưng số người mất tích trên biển cả quả thật rất cao. (còn tiếp)

Nguyễn Duy Vũ

## VUI BUỒN NGHỀ KHAI THUẾ (tiếp phần 1)

Mây Chiều

Khi đi khai thuế, thường thì chúng ta ít khi nào yêu cầu người khai thuế cung cấp cho chúng ta một bản sao để sử dụng sau này nếu cần, mà nhân viên khai thuế cũng ít khi nào tự ý cung cấp cho chúng ta bản sao, mà thường cung cấp cho chúng ta một tờ tóm lược gọi là tax computation, theo đó chúng ta sẽ nhận được tiền hoặc thiếu tiền Sở thuế.

Đối với những bạn nào mà việc khai thuế đơn giản thì bản sao xem ra cũng không cần thiết, nhưng đối với các bạn có nhà cho thuê hoặc làm kinh doanh buôn bán, thì việc xin bản copy vô cùng cần thiết, vì nếu sau này muốn đổi người khai thuế, mà không có bản copy, thì việc khai thuế nơi nhân viên khai thuế mới sẽ trở nên khó khăn rất nhiều, vì có những phần như chiết cừu đồ đạc máy móc mình phải claim trong nhiều năm, mà người khai thuế mới phải dựa vào đó mà tiếp tục claim. Theo quy định cùng nghề, họ sẽ gửi thư yêu cầu người khai thuế trước đây gửi cho một bản copy, nhưng không có qui định nào bắt buộc phải gửi tức thời, nghĩa là chúng ta phải chờ đợi lâu mới có, làm mất thì giờ của chúng ta.

Theo luật thì chúng ta phải khai thuế từ 01 tháng 7 đến 31 tháng 10 trong năm. Tuy nhiên, nếu không thể khai thuế trong thời gian này, chúng ta có thể xin Sở thuế gia hạn, hoặc khai thuế qua nhân viên khai thuế có đăng ký. Nếu khai thuế trễ hạn, hình phạt được qui định như sau:

Quá hạn từ 1 đến 28 ngày:	phạt tiền \$ 222.00
Quá hạn từ 28 đến 56 ngày	phạt tiền. \$ 444.00
Quá hạn từ 57 đến 84 ngày	phạt tiền \$ 888.00
Quá hạn từ 113 ngày trở lên	phạt tiền \$1,110.00

Hình phạt được qui định là như vậy, tuy nhiên chính sách của Sở thuế là không áp dụng hình phạt, nếu như chúng ta tự nguyện nộp tờ khai thuế, và không thiếu tiền Sở thuế. Nếu chúng ta khai thuế qua nhân viên khai thuế có đăng ký, thì họ có thời gian rộng rãi hơn để khai thuế trễ hạn cho chúng ta. Có người đã không khai thuế cả 10 năm trôi nhưng cũng không sao nếu không nhận thư từ gì

<sup>47</sup> Benoit, “Viet Nam’s ‘Boat People,’” draft ms., 1.

<sup>48</sup> Viviani, Long Journey, 68–69, 73–74, 85.

<sup>49</sup> Alexander Barton Woodside, Vietnam and the Chinese Model (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1971), 283.

của Sở thuế. Nếu quên khai thuế nhiều năm mà nhận thơ của Sở thuế yêu cầu mà chúng ta vẫn không chấp hành thì hình phạt sẽ rất nặng, có thể bị buộc tội hình sự và phạt tù một năm cho mỗi năm không khai thuế và phạt tiền tới mức \$25000 cho mỗi năm không khai thuế, may mắn thay, hình phạt này thật ra chưa thấy áp dụng.

Mới đây có người hỏi tôi rằng sao chẳng nhận được tờ payment summary để đi khai thuế. Thì ra người này không hề biết rằng từ ba năm qua, chủ nhân không còn gửi cho công nhân tờ payment summary nữa mà báo cáo thẳng về Sở thuế. Nếu chúng ta muốn có tờ này, thì bắt buộc mình phải mở một *MyGov account*, cũng tựa như mở một chương mục ngân hàng, rồi kết nối với Sở thuế hoặc *Centrelink* để xem tờ *Income statement* mà trước đây gọi là tờ payment summary. Với sự thay đổi này, chủ nhân hãng nhỏ hay lớn đều bắt buộc phải báo cáo trên tờ income statement là đã đóng tiền hưu liễm luật định cho công nhân là bao nhiêu, thế là các hãng xưởng nhỏ trước đây nếu ầm ờ trong việc đóng tiền hưu liễm cho công nhân thì nay phải minh bạch hơn.

Hiện tại, nếu chúng ta chỉ là người làm công đồng lương ba cọc ba đồng mà không làm kinh doanh hay có nhà cho thuê, thì việc tự mình khai thuế vô cùng dễ dàng và đơn giản. Một khi đã tạo ra được *MyGov account* và đã kết nối được với Sở thuế, chúng ta có thể khai thuế online dễ dàng vì tất cả các dữ liệu như tiền lương, tiền lời ngân hàng, tiền lời cổ phần, bảo hiểm sức khỏe, tất cả đều được Sở thuế *PREFILL* và chúng ta claim thêm phần chi phí phát sinh do công việc, sau đó nhấn vào nút *CALCULATE* thế là chúng ta sẽ biết ngay là thiếu tiền hay lấy về tiền và trong vòng 10 ngày, Sở thuế sẽ cho chúng ta kết quả chính thức qua tờ *Notice of assessment*.

Vì chúng ta có *MyGov account*, nên các thơ từ Sở thuế đều gửi qua *MyGov* của chúng ta, kể cả tờ *Notice*, thế mà còn nhiều người cứ nghĩ rằng sao chờ lâu quá mà không nhận tờ *Notice* từ Sở thuế mà không biết rằng giấy báo thuế đã được gửi trong hộp thơ *MyGov* và từ đây, chúng ta có thể in ra tờ này không những năm hiện tại mà có thể lui lại 10 năm trước đây. Trong khi đó, trước đây, muốn biết kết quả, ta phải tính toán bằng tay, mà đối với một người mới nghĩ việc, ngoài tiền lương còn có tiền lump sum, tiền super, cách tính bằng tay rất phức tạp không hề dễ dàng chút nào, nay Sở Thuế tính sẵn cho tất cả, ngay cả người khai thuế cũng rảnh rang, chỉ việc bấm nút là xong.

*MyGov account* cũng như cái chìa khoá giúp chúng ta mở khoá để nối kết với nhiều cơ quan chính phủ như là Sở thuế, *Centrelink*, *Medicare*, *Child support*, *Department of veterans affairs*, *My aged care*, v.v. Cũng như tại nhà, chúng ta có chìa khoá để mở cửa ra vào, chìa khoá mở cửa sổ, chìa khoá mở cửa garage, chìa khoá xe hơi, và nhiều chìa khoá khác nhau.

Lại có người nghĩ rằng nhờ người khai thuế thì Sở thuế ít xét hơn, thế nhưng điều này không đúng vì người khai thuế có đăng ký thì phải làm đúng theo luật, có chứng minh được chi phí thì họ mới ghi vào, chứ không phóng tác thêm thắt như mình yêu cầu. Nếu chúng ta có gì khai đó thành thật, thì có gì mà sợ nọ.

Mỗi năm, Sở thuế đều phát hành tập hướng dẫn khai thuế, gọi là *Individual tax return instruction* để giúp chúng ta khai thuế. Thế là chúng ta có thể dễ dàng tự mình khai thuế, và không tốn tiền khai thuế mà bây giờ rẻ nhất cũng phải trả số tiền từ \$60 đến \$80 cho một tờ khai thuế đơn giản. Nếu có nhà cho thuê, chúng ta sẽ tiết kiệm được ít nhất là từ \$150 đến \$200 cho một người. Nếu hai vợ chồng cùng đứng tên có nhà cho thuê, thì tiền tiết kiệm sẽ tăng gấp đôi. Muốn tìm hiểu thêm về khai thuế, hoặc truy tìm tài liệu giúp cho việc khai thuế dễ dàng hơn, chúng ta cứ việc điện thoại xin Sở thuế gửi tài liệu cho chúng ta mà chẳng tốn phí một đồng.

Tóm lại, dành một chút thì giờ để học hỏi và tra cứu, chúng ta có thể tự mình khai thuế cá nhân, vừa tiết kiệm tiền, vừa làm chủ thì giờ, thì đáng quý biết bao.

*Mây Chiều*

## **Đằm Mình Trong Vũng Tội ư?**

*Gm John Shelby Spong*

### **Chương 5**

**Đồng tính luyến ái là một phần của sự sống  
chứ không phải tai-ương.**

Động từ “*Là*” lâu nay được coi như tự-vưng chính xuất-hiện ở ngôn-ngữ suốt mọi thời. Nay, ta sử-dụng tự-vưng này để mô-tả những điều cốt-thiết trong bài.

Giả như tôi bị gãy chân, tôi sẽ không bảo: “*Tôi là cái chân gãy*”. Nhưng, nếu chân tôi bị cắt bỏ vì lý do nào đó, hẳn tôi sẽ nói: “*Tôi bị cụt chân*”. Việc cắt bỏ ống chân cụt của tôi đã khiến ngôn-ngữ phải định-vị lại con người tôi. Lại nữa, có thể tôi cũng nói: “*Tôi mắc bệnh đậu mùa*” là để nói về lớp vảy màu đỏ xuất-hiện ở ngoài da; hoặc tôi lại nói thêm: “*Tôi bị ung-thư*”, là để cắt nghĩa cơn đau thể xác đang hành-hạ bản thân tôi.

Động-từ “*Là*” được sử-dụng một cách khá rộng khi ta khẳng-định: “*Tôi là người có chiều cao cũng khá*”; hoặc: “*Tôi là người có đôi mắt rất nai tơ*”; hoặc: “*Tôi đây đường đường là đấng nam nhi đây chí khí*”; hoặc: “*Tôi là nữ-phụ trời Tây đây sắc-thái*”. Ngôn-từ đại loại như thế, được sử-dụng trong nhiều trường-hợp cốt để diễn-tả đặc-trưng thiết-yếu ở cuộc sống mà tôi không kiểm soát được; hoặc có lúc tôi lại bảo: đó là phần chính-yếu nơi con người khiến tôi không thể nói về mình mà lại không bộc-lộ điều ấy ra bên ngoài.

Ngôn-ngữ loài người thường biểu-tò nhiều điều hơn ta tưởng, nhất thứ là khi ta nói những câu như: “*Tôi là người đồng tính luyến ái*”, hoặc: “*Tôi đây, đích-thực là gà mái ghe*”, hoặc: “*Tôi là nữ-phụ có tính-khí giống nam-nhì!*” Thế nên, ta mới khẳng-định rằng: đồng-tính luyến ái, là thành-phần thiết-yếu của những hơn 10% dân-số Hoa kỳ, mới là điều lạ.

Theo thống-kê, điều này có nghĩa là: trên khắp nước Mỹ, nam-nhân lẫn nữ-phụ đồng-tính luyến-ái có cùng xu-hướng tình-dục với hơn 28 triệu dân số. Nói thế, còn có nghĩa bảo rằng: khi ta thấy một trăm người tụ-tập ở nhà thờ nào đó trên nước Mỹ, thì xác-suất toán-học lại cũng cho biết: 10 trong số các vị ấy là nam-nhân đồng-tính luyến-ái hoặc nữ-phụ có cùng xu-hướng dục tình.

Điều đó có ý bảo rằng: không ai trong chúng ta để ra nguyên ngày giao-du thân mật với 10 người mà không được bảo: trong mười người đó, có một người là đồng-tính luyến-ái. Điều này, lại có nghĩa: bất cứ gia-đình nào sống trên đời được gọi là đồng-đúc, tức: có số nhân-khẩu lên đến trên/dưới mười người, thì điều này hẳn có ý bảo rằng: chắc chắn một trong những người như thế phải là nam-nhân đồng-tính luyến-ái hoặc nữ-phụ cùng xu-hướng dục tình.

Nam-nhân đồng-tính luyến-ái hoặc nữ-giới cùng xu-hướng dục tình sống cạnh bên ta, đụng chạm vào cuộc sống của ta, tức: có nhiều điểm tương-đồng nói lên cùng một hiện-trạng, tức: thông thường, ta hay tiếp-nhận lòng thương triu mến và/hoặc tình bằng-hữu phục-vụ ta một cách tuyệt diệu qua mọi hình-thức, cả vào cách nghe ta nói năng, cười đùa cùng các hình-thức khác, như: khôi-hài, điệu cợt, nói bóng gió/xỏ xiên cách nào đó về tình-trạng “*đồng-tính luyến-ái*”, ở đời thường.

Thời xưa, người đồng-tính luyến-ái sống âm-thầm trong bóng tối, hoặc ẩn mình hòa-trộn trong xã-hội mà đa số quần-chúng chẳng người nào biết đến người nào. Ngày nay, nam-nhân và/hoặc nữ-phụ đồng-tính đã ra khỏi vỏ sò khép kín, tức: tự mình định-dạng đòi hỏi công-lý cách minh-nhiên, thuần thành ngõ hầu mọi người công-nhận và đón tiếp họ một cách quang-minh chính-đại.

Người đồng-tính luyến-ái, đại-diện cho hình-thái ‘thêm vào’ tình-trạng dục-tình đang ngày càng phát-triển. Đối xử với những người như thế, ta không thể tránh được cảnh-tượng văn-hóa thường tình vẫn chống đối cả nam-nhân lẫn nữ-phụ đồng-tính luyến ái hoặc quên bẵng đi hiện-tượng “*đồng tính*” đang ở sát bên ta.

Thời trước, đồng-tính luyến-ái được coi là thứ tâm-bệnh thực-thụ, tức: căn bệnh trầm-kha ở nhiều người. Đồng-tính luyến-ái, xưa nay vẫn được coi là ‘tật/bệnh’ đích-thật kể từ khi có cái-gọi-là ‘*Bản Tường-Trình Kinsey*’ xuất-hiện vào năm 1948 và 1953 (\*1). Vẫn nạn mà Bản Tường Trình nêu ra, cứ mãi phát-triển kịp đến khi Hội-đồng Quản-trị Phân-Tâm Hoa-Kỳ chính-thức loại bỏ nó khỏi Cẩm-Nang Chẩn-Đoán Rối-Loạn-Tâm-Thần, vào lần xuất bản thứ nhì năm 1973. Và, tập Cẩm Nang Chẩn-đoán này, đã giải-mã quyết-định ấy một cách rõ-rệt khi quả-quyết:

*Vấn-đề chủ-chốt khi ta xem xét vụ việc Đồng Tính Luyến Ái, có coi đó là ‘Rối-loạn tâm-thần’ hay không, chuyện chính-yếu vẫn để bảo rằng: xưa nay, những gì khiến người người định-vị như ‘rối-loạn tâm-thần’, lại có tỷ-lệ đáng kể về đồng-tính ở mặt ngoài. Các vị cũng hài lòng khi xu-hướng dục-tình ở những người như thế, không mang dấu hiệu gì đáng ta để bận-tâm về căn bệnh.*

*Có thể, nó cũng hoạt-động theo tính xã-hội hoặc chuyên-nghiệp, nhưng không gây hại chút nào hết. Giả như ta áp-dụng tiêu-chuẩn buồn/khổ hoặc tật/bệnh để xem xét, thì “đồng-tính luyến ái” tự nó không là rối-loạn thần-kinh bao giờ hết.*

*Giả như mọi người đều sử-dụng tiêu-chuẩn ‘vô-vụ-lợi’ khi xem xét những chuyện tương-tự, thì qua cũng không rõ là “đồng-tính” có được coi như vụ việc ‘vô-vụ-lợi’ trong các nền văn-hóa lớn/nhỏ không? (\*2)*

Ngành nghiên-cứu nhân-chủng-học cũng công-nhận kết-quả thứ hai nói ở trên. Bởi, lâu nay ta thấy xã hội thời đầu vẫn chấp-nhận hiện-trạng dục-tính nghiêng về phía nam-nhân, không coi đó như hành-động đòi-truy cần loại bỏ. Trái lại, xã-hội thời trước vẫn coi đây là chúc lành đặc-trung do thần-linh ban phát.

Bởi, thông thường thì: nam-nhân đồng-tính vẫn chấp-nhận vai-trò pháp-sư hay đứng lành thánh. Đôi lúc, các vị lại coi đây như giới-tính thứ ba xuất-hiện ở bộ-tộc nào đó vốn cho phép những người sống trong bộ-tộc được ăn vận theo kiểu phụ-nữ hầu chủ-sự các buổi cầu kinh tế tự hoặc các hoạt-động bên ngoài mặt ngã về phía phụ-nữ (\*3).

Trong khi đó, có một số nghiên-cứu nhân-chủng-học lại cho thấy: nữ-phụ đồng-tính luyến-ái không sáng-giá như nam-nhân. Là thành-phần xã-hội trong tư-thế luôn bị đặt làm đề-tài cho các cuộc nghiên-cứu chuyên chú trọng vào nữ-phụ đồng-tính luyến-ái thời trước bỏ buộc các vị phải ngang qua thủ-tục cúng-bái về tinh dục một cách đều-đặn ở bộ-tộc, như tục giao-phối rồi sản-sinh, chẳng hạn.

Ngày nay, đây là động-thái khó tách-bạch, rạch ròi; bởi lẽ, các vị sống vào thời bộ-tộc vẫn cứ coi việc giao-du tình dục như sinh-hoạt bản-năng đặc-biệt, ở xã-hội. Nhiều vị, còn có định-kiến thâm sâu, khép kín do nam-nhân kiểm-soát, không-chế.

Xã-hội, nay hoàn toàn loại bỏ khái-niệm cho rằng: tình-dục là mớ bòng bong khá rắc rối thuộc ngành tâm-bệnh-học từng bén rễ sâu từ luận-thuyết của vị sáng-lập ngành phân-tâm-học, là: *Sigmund Freud* cứ cho đó là sai lầm lớn, nếu các hoạt-động bình-thường bị bóp méo, vắn vẹo kể từ lúc trẻ em lên 4 cho đến lúc bé em tròn 9 tuổi (\*4).

Có vị, lại rập theo nguồn hứng vốn xuất phát từ vị sáng-lập ngành phân-tâm-học, đã bàn nhiều về các bổ-sung tâm-linh hoặc các ảnh-hưởng do từ người lớn (phần đông là cha mẹ) chuyên đặt nặng sự việc nam-nhân hoặc nữ-phụ đồng-tính luyến ái đã trưởng-thành. Luận-điểm này, quả thật nghiêm-ngã. Bởi, nó dồn hết mọi tội đổ lên đầu bậc cha mẹ mà bảo: chính các cụ từng tạo nên những thứ mà người thời xưa coi đó như mực-độ phát-triển của não bộ thần-kinh. Thế nên, nó tạo nên thứ mặc cảm tội lỗi nơi nhiều người và cũng bác bỏ những gì tiêu biểu cho quan-hệ giữa những người con đồng-tính luyến-ái và cha mẹ bình thường của họ.

Dù sao thì, luận-thuyết y-học nói ở đây, lại đề-cao tình-dục như thứ tật/bệnh không thể chữa được. Thế nên, đã có lúc con người hy-vọng sẽ chỉnh sửa hoặc chữa trị nó mãi về sau.

Ngành phân-tâm-học cùng lối chữa-trị bằng nỗi niềm tin-yêu/nguyện cầu ở tôn-giáo vốn là lối chữa-trị được đề-bạt xuyên suốt, do bởi họ dựa vào mẫu mực hành-xử không thích-đáng hoặc vào quyết-định tìm hiểu cho kỹ rồi định-liệu. Cuối cùng, có một số đổi thay mà nhiều người coi đó như thứ thay-đổi tận gốc.

Tuy nhiên, nhiều nghiên-cứu/khảo-sát trong các ngành/nghề khác nhau lại không đề-cập đến lối chữa-trị nào tựa hồ như thế. Thay vào đó, nó lại làm băng-hoại ý-tưởng cho rằng: đồng-tính luyến-ái là thứ tật/bệnh về tâm-thần, mà thôi. Một số các nhà nghiên-cứu khác lại tin tưởng rằng: không có bằng-chứng nào được đưa ra, hầu chứng-tỏ một cách bài bản các luận-thuyết coi đó như tật/bệnh.

Nếu đây là trường-hợp ta gặp hôm nay, thì các đấng bậc vị vọng trong ngành y-khoa không còn lý-lẽ nào để gọi hiện-tượng 'đồng tính' là tật/bệnh nữa. Với các giáo-hội khác nhau, chừng như ta vẫn thấy các vị ở cấp cao lại cứ đề ra nhiều giải-quyết dựa vào y-học nhưng lại thiếu tin tưởng. Nhiều giáo-phái đã thất-bại trong việc hiện-thực cách vô tri/vô giác hoặc mãi đổi đầu/xử-sự như các lãnh-tụ nhà đạo vẫn cứ lảng lạng, chẳng nói chẳng rằng về gốc-nguồn đặc-trung tư riêng của các ngài.

Nhiều vị, lại xét đoán các vụ/việc đồng-tính như một thứ làm lạc do kẻ sa đọa, truy lạc, đầy tội lỗi cố tình chọn lối sống lạc-loài đến là thế. Nhiều vị sống cuộc sống đầy dục-tính với người khác giới-tính có lẽ không tưởng-tượng ra cảnh người đồng tính lại có thể ăn nằm xác thịt tạo sảng khoái, thích thú. Có vị lại bảo: nội cứ nghĩ đến chuyện người đồng tính ăn nằm với nhau đã thấy ghê tởm, 'lợm giọng' rồi.

Thành viên nhóm/hội có xu-hướng hoặc chủ-trương đặt nặng chuyện dục-tính đồng tính lại biện-luận bảo rằng: các hành-xử của họ là chuyện tự-nhiên như cây cỏ, thôi. Giả như thứ gì đó, đối với họ, không mang tính bình thường, hẳn chuyện đó ắt phải là việc suy đồi, lệch lạc. Mọi khác-biệt trong lập-trường/quan-điểm hẳn sẽ đưa đến kết-luận cho rằng: do bởi hành-xử đồng tính mang ý nghĩa 'bất thường', nên nó phản lại trật tự của tạo hóa.

Đằng sau nhận-định này, là những giải-thích mang tính 'rập khuôn' ở tình-huống nam-nhân hoặc nữ-phụ phản-ánh quá cứng nhắc về phái tính, khiến nó vượt khỏi xã-hội lâu nay do nam-giới chủ-trì. Giới tính "tự-nhiên" đặt nền-tảng trên những gì mang tính bổ-sung cho bộ-phận sinh-dục nam/nữ. Thế nhưng, vấn-đề cấp bách cần đặt ra là hỏi rằng: bộ-phận sinh-dục của con người quan-trọng đến mức độ nào so với khát-vọng dục-tình?

Tác-giả *Rosemary Ruether* đã biện-luận rằng: nam-nhân lẫn nữ-phụ sở-hữu đồng đều cấu-trúc thể-lý cần-thiết cho việc giao-du tình-cảm (\*5). Thế nhưng, lẽ thói suy-tư của con người lại chịu ảnh hưởng từ các giá trị nam-tính cho thấy rằng tương-quan nam-nữ chỉ được tưởng-tượng theo chiều hướng quyền lực nằm về phía nào,



nam hay nữ có quân bình đồng đều hoặc có trên có dưới, bên nam hay nữ ở trên hay không mà thôi. Tính chất nhấn nhạch chịu đựng của người nữ ở thế nằm dưới nam-nhân khi giao-hợp đã trở thành mô-hình tiêu biểu đồng nghĩa với tự-nhiên.

Trong chiều hướng này, hoạt-động giao-hợp giữa người khác phái được định-nghĩa là lối diễn-tả tình thương độc-nhất có giá-trị mà thôi. Hệ-quả của lối giả-định này đề ra cho thấy nam-nhân là giới tính có khả năng đặc-biệt về thứ trực-giác thụ-động, tức giác-quan thứ sáu nếu muốn gọi là như thế tưởng cũng không sai.

Nay, mọi người chúng ta đang xa rời lẽ lối có não-trạng như thế rồi. Tư-cách con người không trôi-hiện khỏi vai-trò giới-tính đã hoạch-định nhưng là ra khỏi khả-năng lắng nghe, cảm giác thấy được, suy nghĩ và có liên-hệ với nhau. Không quan-năng nào nói ở đây lại đòi-hỏi các bộ-phận sinh-dục phải có bất cứ hình-thù hoặc miêu-tả tương-tự. Là người, nam hoặc nữ đều có chức-năng sinh-lý cần-thiết để nói năng và lắng nghe; để mến-thương và được thương-mến.

Ts Ruether xác-nhận rằng: khi con người nối kết 'các cơ-phận con người mình ngang qua tương-quan với người khác theo nhiều cách' (\*6). Chẳng có gì là phản tự-nhiên khi nói về tình thương-yêu san sẻ, cả với thứ tình-tự giữa hai thành-phần cùng một phái-tính giả như kinh-nghiệm gọi cả hai bên đi vào tình-trạng đầy-tràn của bản-chất người. Có khi nào một truyền-thông tôn-giáo từng trải dài thực-hiện việc cắt bì và thể-chế-hóa cuộc sống độc-thân lại làm mất đi bất cứ tập-tục nào trên căn-bản tính-khí trái tự-nhiên không?

Các nghiên-cứu thời nay, đã lật tẩy cho thấy nhiều sự-kiện mới từng tạo xác-tín sôi động nói lên rằng: đồng-tính luyến-ái, thay vì là bệnh-hoạn, tội lỗi, lầm lạc hoặc hành-động phản tự-nhiên lại chính là hình-thức lành mạnh, hợp với thiên-nhiên chuyên khẳng-định tính dục của nhân-loại với một số người. Nói một cách tương đối, công cuộc nghiên-cứu như thế khi tìm-hiểu tuổi ấu thơ đã chứng-tỏ khả-năng đối đầu và thách-đố nỗi hãi sợ về dục-tình và các thành-kiến cực-đoan trải dài nhiều thế-kỷ về trước. Chỉ chừng vài thập-niên mới đây thôi, con người chúng ta đã bắt đầu hiểu được những chuyện như thế coi như cấu-trúc và chức-năng của não-bộ thần-kinh, đó là không nói gì về tầm quan-yếu của nhiễm-sắc-thể. Các phát-hiện trong lãnh-vực như thế lâu nay tạo hệ-quả lên nhận-thức của con người qua hành-xử.

Đặc biệt hơn, công-cuộc nghiên cứu nói đây vẫn không ngừng hỗ-trợ một khẳng định chuyên bảo rằng: chiều-hướng dục-tình không là vấn-đề chọn-lựa có liên-quan đến bất cứ ảnh-hưởng nào từ môi-trường. Đó, cũng không là kết quả từ sự việc người mẹ cư-u-mang quá mức chịu đựng hoặc của người cha thiếu cả nam-tính hoặc vắng nhà hoặc của đối-tượng dục-tình đầy cuốn hút.

Nhiều nhà nghiên-cứu lại cũng khám phá ra rằng: một số sự kiện hóa sinh trong lúc cư-u mang thai cũng có thể khẳng-định chiều-hướng dục-tình nơi người lớn và một khi đã định-vị rồi, sẽ không còn thay đổi nữa. Dù các dữ-kiện mới vừa được phát-hiện đã và đang xuất hiện từng ngày, khiến một số vị đang hoạt-động trong lĩnh-vực nghiên-cứu não bộ thần kinh kỳ vọng đảo ngược kết-luận trên.

Dù rằng nhiều thế-kỷ trước, mọi người đều tin tưởng chuyện trái-nghịch lại, từ từ xuất trong đầu ta ý-niệm bảo rằng nơi chốn định-vị khát-vọng dục-tình là nằm ở trong đầu, chứ không ở bộ-phận sinh-dục. Nói một cách thẳng thắn ra thì điều này có nghĩa bảo rằng não bộ thần kinh là cơ-phận sinh-dục khởi đầu của toàn cơ thể.

Xu-hướng dục-tình của con người và những gì khiến chàng và nàng thấy hứng chí về tình-dục là các hoạt-động nơi não bộ của người đó. Hiểu được điều mới vừa khám-phá ấy trong địa hạt tình-dục phải khởi sự bằng cái nhìn và những khám-phá tân-kỳ về chức-năng thể-lý và vai-trò của nó khi học hỏi về cơ thể con người.

Ở thế giới loài vật, lằn ranh vạch thẳng giữa trống/mái lại không cứng nhắc như nhiều nhà nghiên-cứu vai trò của dục-tình muốn ta tin tưởng. Năm 1985 Giáo hội Luther ở Hoa Kỳ có viết lên bản tường-trình về dục-tình nơi con người cũng trích dẫn một số bản văn nghiên-cứu sinh lý đã khiến người đọc ngỡ ngàng trước những khảo sát như bên dưới:

*Với loài cá có hình-thái khác nhau, đặc-biệt là loài sống ở biển san-hô, người ta thấy một số các loài cá đã thay đổi cả giới tính để đảm bảo cho việc sinh sôi nảy nở. Giả như các con cá trống bắt chợt bị các con cá mái đã chết, thì cá mái này phải hành-xử như cá trống, rồi trở thành loài cá trống sống mãi như thế đến mức-độ sản xuất cả tinh-trùng như loài cá trống thực-thụ. Với chuột lang cũng thế, toàn-bộ danh tánh hành-xử tính dục của loài này xảy đến lúc chuột lang cái trưởng-thành xuất-hiện trước mắt chuột đực để chuột đực có thể giao cấu và sinh sản. Kinh nghiệm này thay đổi hoàn toàn khi chuột lang cái có thai lại tiết ra kích-thích-tố hoặc ngăn không kích-thích việc sản-sinh. Thoạt khi cá đạt giai đoạn trưởng-thành, cá trống bèn leo lên mình cá mái mà giao-thoa. Trong khi đó, với loài chuột, thì chính con cái của chuột lại xuất-hiện rồi nhao lên trên lưng chuột đực, mà hành sự. Ngoài trường-hợp này ra, không thấy có hành-xử nào trái tự nhiên hết (\*7).*

Các dữ-kiện này chừng như chứng-tỏ cho thấy xu-hướng tính-dục và hành-xử nổi lên từ khuynh-hướng ngã mình về phía nào đi nữa đều được giải-thích theo nghĩa tâm-sinh-lý.

Kết-luận này được xác chứng mạnh mẽ hơn nhờ các thử-nghiệm trên loài khỉ nâu ở Ấn Độ. Các xét nghiệm nói đây, chứng-tỏ rằng khi kích-thích-tổ bị chặn đứng không để cho thai nhi xâm nhập tử-cung, nó tạo nên thứ hành-xử theo kiểu nam-tính rồi truyền xuống đám con cháu trai điều mà truyền thống có thói quen liên-kết với đám khỉ cái.

Dù các xét nghiệm tỏ cho thấy không một dấu hiệu nào về kích-thích-tổ bất thường được phát-hiện sau khi sinh, cũng chẳng cần chỉnh sửa kích-thích-tổ xảy ra sau đó khiến loài khỉ phải thay đổi hành-xử cho thích hợp với giống đực của loài này. Các xét-nghiệm nói đây đưa ra xác-chứng bảo rằng tiến-trình thay-đổi các đặc-trưng của hóa-chất đã tạo nên bản-chất phản-ứng giới-tính có thể thay đổi nơi não bộ trong thời kỳ thụ thai.

Hoặc nói rõ hơn, thì: ‘việc não bộ định-đoạt giới tính’ xảy ra ở thời kỳ trước khi sinh nở qua đó chẳng phải thai-nhi cũng chẳng phải bậc cha mẹ có khả-năng kiểm-soát thứ gì hết.

Kết-luận này còn được bổ-sung thêm nhờ có xét nghiệm của tác giả *Gunter Dörner, Giám đốc viện Nghiên-cứu Xét-nghiệm tại Đại học Humboldt ở Đông Berlin* nên đã khẳng-định như thế. Thoạt khi nhóm khoa-học-gia chuyên-biệt khởi sự hiểu ra rằng chính ra thì các kích-thích-tổ vùng gò dưới đồi não, tức: gò để nằm bên dưới đồi não hệ thần kinh là cái kiểm soát sản lượng kích-thích-tổ, tác giả *Dörner* đã phát-hiện nơi đồi não của giống chuột mà theo ông đó là sự khác biệt của trung-tâm định-đoạt giới-tính đực hay cái.

Các xét nghiệm của tác-giả đây bộc lộ cho thấy là: giả như chuột bọ đây không có đủ số học-môn giới tính trong lúc phát-triển thì chuyện giới-tính được tạo-dựng theo cách khác hẳn, khiến tạo nên nơi đám chuột đực các hành-xử giới tính của đám chuột cái và ngược lại.

Rút tĩa từ các dữ kiện này, tác-giả *Dörner* biện-luận rằng việc định-đoạt hướng tính-dục nơi thai-nhi con người cũng là kết-quả của tiến-trình tạo kích-thích-tổ hóa-sinh vốn dĩ từng xảy ra trong bụng/dạ. Tác giả bèn định-vị rằng giới tính nam/nữ nơi loài vật là do số-liệu đạt trên não bộ tùy vào số lượng kích-thích-tổ học môn và/hoặc sinh-dục đã và đang thay đổi. Số lượng tương đối về kích-thích-tổ có được trong các thời kỳ quan-trọng khi phát-triển ở bộ não sẽ định hình giới tính của trẻ bé bằng việc cháu mang giới tính nam-nhân hay nữ-giới, thông thường nhưng không phải lúc nào cũng thế, vẫn thích-ứng với giới tính phát-sinh của thai nhi.

Tác-giả biện luận thêm rằng: điều có thật không chỉ với loài người mà thôi, nhưng cả ở loài khỉ, chuột, con bọ hoặc chim chóc và trên thực-tế sẽ diễn ra ở khắp nơi trong thiên-nhiên. Còn lại, duy chỉ mỗi sự-kiện là: với loài có vú ở cấp-độ có giới-tính cao hơn được phát-hiện cách sơ sơ cùng một tỷ-lệ như gặp ở loài, là *homo sapiens*. (\*8)

Tác-giả *Dörner* từng thực-hiện một số xét nghiệm để xem các giả thuyết do ông đưa ra, nó như thế nào. Chuột đực bị tước bỏ mất hoạt-chất kích-thích trong giai-đoạn có gì khác-biệt về giới-tính vốn sản-sinh trong óc/não? Như đã đoán trước, tiến-trình này tạo một số hành-xử đồng-tính luyến-ái nơi chuột đực, nay trưởng-thành.

Vốn phấn-kích với kết-quả đầu-luận được lúc ban đầu, tác-giả *Dörner* tiến thêm bước nữa với lý-luận bảo rằng: giả như chuột đực sở-hữu não-bộ thần-kinh của chuột cái bằng cách chích vào người chúng các hoóc-môn “khơi dậy lòng dục”, hẳn từ não-bộ thần-kinh của chúng cũng thấy sản-sinh một loạt các hoóc-môn có khả-năng gây rụng trứng gọi là “*hóc-môn hoàng-thể-hóa*”.

Nhằm đáp-ứng dấu-hiệu có mặt ở buồng trứng chưa hiện-hữu vào lúc chưa bắt đầu thực-hiện xét-nghiệm, kết quả tiên-đoán lại xảy ra một cách khá cụ thể. Sau đó, tác-giả *Dörner* lại thực-hiện cùng một xét-nghiệm như thế, trên bản-thể đồng tính luyến ái ở nam-nhân.

Não-bộ thần-kinh của nam-nhân đồng-tính-luyến-ái, khi xét nghiệm, đã đáp-ứng việc chích vào cơ thể của người này lượng hoạt-chất *estrogen* thấy xuất-hiện hóc-môn được hoàng-thể-hóa. Trong khi đó, các não-bộ của nam-nhân có giới-tính khác-biệt có kiểm soát, lại không phản-ứng gì hết. Người thực-hiện xét-nghiệm tin rằng: việc này chứng-tỏ là não-bộ thần-kinh của nam-nhân đồng-tính luyến-ái quả đã bị nữ-hóa trước khi chào đời và hoạt-chất đồng tính ấy được định-vị theo thể-lý do hoạt-chất sinh-hóa tạo nên (\*9).

Nếu quả đúng như thế, thì khám phá này đã tạo bước vững-chãi tiến về phía trước chứng-minh được nguồn-gốc và ý-nghĩa đích-thực của hiện-tượng đồng-tính luyến-ái. Nhưng rủi thay, tác-giả *Dörner* cố tránh tình-trạng rõ ràng là thiên-vị, đã kéo theo nhiều kết-luận mà nghiên-cứu của ông không thể giải-thích được, nên vì thế đã mau chóng đưa ông đến tình trạng xung-đột với y-khoa Đức.

Tác giả *Dörner* coi đồng-tính luyến-ái như thứ gì đó được thanh-lọc khỏi cuộc sống con người bằng cách chặn đứng nó trước khi thành-hình. Thành thử, ông diễn-tả các kết-luận do chính ông đưa ra theo nghĩa đen và tìm cách tạo cách ngăn chặn ngay ở tử-cung các sự việc có chiều-hướng đồng-tính luyến-ái ở con người.

Nghĩ thế rồi, ông còn đi xa hơn những gì do chính ông đề xuất để hỗ-trợ. Nhưng, các nhà phê-bình đã phản-ứng chống lại tiến-trình này, nên mới tìm cách gạt bỏ các khám-phá do ông đạt.

Tuy nhiên, các khám-phá nói ở đây, nếu không mang tính kết-tụ thành-tựu, thì cũng đáng kể là ở chỗ nó đã khích-lệ rất nhiều người. Bởi thế nên, khi áp-đặt thành-tựu do mình đạt được, tác-giả *Döner* đã trượt ngã trên lớp băng mỏng dần, dễ bề.

Ông tìm cách đưa ra nhiều kết-luận tiến xa hơn tầm nhìn phát-xuất từ dữ-liệu do ông đề ra. Chính ông cũng không nhận ra rằng đồng-tính luyến-ái có thể vừa là khuynh-hướng bình thường vừa có giá-trị với việc phát-triển nhân-tính con người.

Muốn hiểu duyên do/cớ sự của nó, đâu phải chỉ đề ra cung-cách này khác hầu ngăn chặn không cho nó xuất-hiện là xong đâu. Nhưng, có cái gì đó còn tốt hơn đã rút lại ở tiến-trình biến-hóa vốn cư-mang ta khỏi các tế-bào đơn-độc, hầu nhận ra được chính mình trong quá-trình trải dài cả trăm triệu năm.

Sử-dụng dữ-liệu không đúng cách, thật không là điều phải lẽ. Thành thử, khám phá của tác-giả *Döner* phải được cứu xét một cách nghiêm-túc mới xứng-hợp.

Câu chuyện về đám trẻ ở Cộng Hòa Đôminíc do *Jo Durden-Smith* và *Diane de Simone* thu thập, cũng tạo thêm khẳng-định vững-vàng về giả thuyết cho rằng não-bộ thần-kinh con người đã định sẵn “giới tính” một cách không thể dứt bỏ vào lúc ta sinh ra cũng như sau thời-gian đó.

Và, kinh-nghiệm con người tạo được sau khi sinh, không thể thảo-chương óc/não thêm lần nữa theo chiều-hướng có giới-tính đã đổi. Chuyện này xem ra hơi khác thường, nên tôi sẽ để các tác-giả được quyền phát-biểu nó ra bên ngoài.

*Thập niên 1970, vốn thoát khỏi tầm nhìn của quần chúng, đám con cháu của Amaranta Ternera đã bị phát-hiện. Và từ đó, nhiều tranh cãi trong giới khoa-học cũng đã khởi đầu.*

*Amaranta Ternera –(chúng tôi buộc phải đổi tên chị cũng như các chi-tiết về thân-thuộc của chị là vì chị yêu cầu như thế)- sinh ra cách nay 130 năm tại vùng Tây Nam Cộng Hòa Đôminíc. Với Amaranta, như chúng tôi được biết, thì chẳng có gì sai trái hết. Xem ra chị vẫn có cuộc sống bình thường, và đơn-giản.*

*Thế nhưng, khi trước đã có một vài trái khuấy về mầm “genes” còn sót lại nơi chị lúc còn trẻ. Và, cũng có đôi điều không tốt đẹp xảy ra với một số con cháu của chị. Bảy thế-hệ tiếp theo sau, mầm gene của Amanta được định-vị trong 23 gia-đình sống ở 3 thôn làng khác nhau.*

*Và, có đến 38 nhân-mạng khác nhau thuộc các gia đình này đều thừa-hưởng những sự lạ do Amranta truyền xuống cho họ thật rất rõ. 38 người này, khi sinh ra đã có ngoại-hình là bé gái. Chúng lớn lên như trẻ gái, và đến tuổi dậy thì, chúng lại trở-thành con trai.*

*Lấy thí dụ 10 người con của Gerineldo và Pilar Babilona. 4 đứa trong số này đã trải qua tiến trình thay đổi giống. Đứa lớn nhất là Prudencio sinh ra rõ ràng đã có âm-hộ và có hình thù cơ-thể của bé gái, hết như đứa em vừa trai vừa gái kế tiếp theo có tên là Mathilda.*

*Bé Prudencio nhập Đạo với tên tục là Prudencia. Và, Pilar nói tiếp: bé em đây lớn lên gần gũi bên gút áo tạp-dề của mẹ, cứ sống xa với mọi bé trai khác trong làng và còn giúp mẹ đủ mọi công việc.*

*Thế rồi, có cái gì đó hơi lạ xảy đến nơi cơ thể của bé. Giọng nói của bé trở nên trầm dần và sâu lắng. Vào độ lên 12, “màng đóc” của bé cứ lớn dần rồi trở thành “dương-vật” với hai hòn dái thòng kín bên trong bìu thành mép “âm hộ”. Bỗng, hần ta trở thành nam-nhân giống đực. Bố Gerineldo từng bảo: “Hần tự thay quần áo mặc lấy một mình khiến hàng xóm thấy cũng quen dần với lối ăn mặc lạ kỳ ấy”.*

*Bỗng chốc, hần phải lòng một đứa con gái ngay lập tức. Hiện giờ, Prudencio đã ở vào độ tuổi hơn ba mươi. Giống hết người em Mathilda, nay gọi là Matêô, bé trở thành nam-nhân có cơ bắp rắn chắc không chê vào đâu được. Về tình dục, y ta có khả-năng không hề bị liệt-dương, hằng ngày vẫn ăn ở với vợ tại Hoa Kỳ.*

*Với tác giả Julianne Imperato-McGinley ở đại-học Cornell, thì giống như 17 đứa bé trong số tổng cộng 18 đứa, thì tất cả các em đều được dưỡng-dục rõ ràng hết như với con gái; và xem ra Prudencio không thấy khó khăn nào để chỉnh sửa cho phù hợp với giống đực, tức: có khuynh hướng tình dục nghiêng về nam-giới và sống đúng vai trò của nam-nhân.*

*Chính điều này đã khiến cho Prudencio và các trẻ người Đôminích trở nên quan-trọng. Chúng không thấy khó khăn gì để điều-chỉnh thành giống đực, và có khuynh hướng dục tình như mọi nam-nhi nào khác và đóng vai trò của nam-giới.*

*Prudencio và các đứa khác nói chung đều có mầm giống nam-nhân, nhưng những điều chúng thừa-hưởng từ Amaranta, nói chung, lại không dừng dừng với chất testosterone mà chỉ bắt-lực có mỗi một*

chuyện là không tài nào làm chúng biến-hóa qua hóc-môn của đũa khác, tức là chất "dihydrotestosterone, một hoạt-chất có trọng trách về việc này nơi bào thai phái nam, để rồi sẽ tạo thành bộ-phận sinh-dục giống đực.

Chính điều này đã khiến Prudencio và các trẻ em người Dominican trở thành quan-trọng. Các em này không có vấn đề nào để điều-chỉnh qua thành giống đực, có chiều hướng dục-tình với phái nam và có đủ vai trò của nam-giới. Prudencio và mọi người đều là nam-giới hiểu theo di-truyền.

Tuy nhiên, điều mà các em này thừa hưởng được từ Amaranta, đó không là tính vô-cảm nói chung đối với chất "testosterone", mà là sự bất-lực biến-hóa nó trên hóc-môn của trẻ khác, tức danh-từ khoa-học gọi đó là "dihydrotestosterone", tức: hoạt-chất chịu trách-nhiệm trong bụng dạ giống đực, hầu tạo hình hài thành bộ-phận sinh-dục nam phái.

Vấn thiếu hẳn điều này, nên các trẻ em người Dominican khi sinh ra trông giống như con gái vì thế nên mới được dưỡng-dục theo kiểu con gái. Đến tuổi dậy thì, mặc dù thế, cơ thể của các em đều tràn đầy hương-sắc mới mẻ toàn hóc-môn nam-giới khiến chúng rất nhạy-cảm.

Các cơ-phận nam-phái của chúng, có thể nói là lâu nay đợi chờ ở phía cánh cuối cùng rồi cũng tự mình triển nở, thôi. Và thiên-nhiên lãnh việc hoàn-tất mọi chuyện mà trước đó chúng đã làm hư hao, và vớ.

Dù sao đi nữa, đám con trẻ này đã không bị suy sụp tâm-lý theo điều mà khôn ngoan theo qui ước từng tiên-đoán là chúng sẽ phải như thế. Đây là điều cốt yếu, bởi nó phải có nghĩa như một trong ba điều; đó là: hoặc đám trẻ đã thực sự được nuôi dưỡng như con trai ngay từ ban đầu. Hoặc, chúng được dưỡng-dục ít ra với một mở lẩn lộn về giới tính của chúng; và trong trường-hợp như thế mọi người sẽ kỳ vọng là chúng bị rắc rối về phái-tính như người lớn vẫn bị.

Hoặc, chúng sinh ra đã có sẵn não-bộ thần kinh phái nam ở đó trước ngày sinh ngay trong cơ thể "phái nữ" của chúng, một não bộ đã trượt lướt cách thoải mái vào lối diễn tả của nam giới khi cơ-thể chúng thay đổi vào lúc dậy thì.

Theo lối lý-luận này, thì thiên-nhiên bằng vào cách hành-xử có giới tính là thứ quan trọng giống như chất dinh dưỡng. Quả thật, học hỏi có lẽ cũng có đôi chút tác-dụng trong việc này.

Về phần cha mẹ, như chúng tôi từng nói -và Julianne Imperato-McGinley có mặt trong đó- từng nhấn mạnh là đám con trẻ người Dominican được nuôi dưỡng đồng loạt cách mơ hồ theo kiểu của con gái. Điều này có nghĩa là: giả-thuyết thứ ba -từng bảo: não bộ của chúng có nam-tính trước khi sinh là do hóc môn chính nam-tính "testosterone bị lấy đi một cách rất nghiêm-túc (\* 10)

Những điều nêu trên, qua tính cá-thể hoặc tập thể, đã hỗ trợ nhận-định mang tính khoa-học vốn bảo rằng: khuynh-hướng dục-tình, có thể là chuyện não-bộ thần-kinh đã có hướng dục-tình này cả vào lúc trước khi sinh và như thế, chuyện đồng-tính luyến-ái là dữ-kiện được ban phát cách nào đó khá đáng kể dựa vào khí-tính của con người; và điều này không thay đổi từ khi con người được tạo dựng. Với thiên nhiên, điều đó không thuộc về di-truyền, nên không thể "phát-sinh" từ giòng-tộc được.

Duy nhất chỉ một lý do khiến nó tồn-tại, là hỏi rằng: điều đó có chứng-minh được hoạt-động sai sót của thiên-nhiên trong tiến-trình tiến-hoá không, hoặc thay vào đó, nó chỉ là biến chuyển thông thường nhằm phục vụ mục-đích nào đó trong tiến-trình tiến-hóa mà ta chưa nhận ra, thôi.

Tuy nhiên, bất cứ tiến-trình nào của thiên-nhiên vốn xảy ra một lần trên mười khiến ta khó có thể gọi đó là trực-trực được. Thiên-nhiên quả là chính-xác, tôi tin như thế, để ta có thể thừa-nhận nó như lỗi lầm. Ta bị lôi kéo đi vào nhận định mà bảo rằng: những gì lâu nay mình thấy như chuyện đức-hạnh, trên thực tế, chỉ là vấn-đề bản-thể-học mà thôi. Đồng-tính luyến-ái, là sự việc mình trở nên chính mình, chính con người mình.

Đi vào địa hạt di-truyền-học, ta còn khám phá ra một số đề tài nghiên-cứu được thêm vào hầu giúp ta hiểu thế nào là dục-tính. Quả, có đến 23 cặp nhiễm-sắc-thể trong hạt-nhân của tế-bào con người, trong đó có duy-nhất là cặp nhiễm-sắc-thể về tính dục. Phụ nữ có hai nhiễm-sắc-thể tính-dục X; nam-giới là bộ nhiễm-sắc thể XY đơn lẻ.

Thế nên, giới-tính được định-vị vào lúc cưu mang do nam-nhân tạo ra thoát vào lúc tinh-trùng X hoặc Y kết hợp với nhiễm-sắc-thể X ở buồng trứng. Nhiễm-sắc-thể Y có trọng-trách phát-triển các tinh-hoàn trong tuần thứ bảy ở thời-kỳ thai-ngén.

Khi thành hình, các tế bào ở tinh-hoàn Sertoli tiết ra một hoạt-chất khả dĩ ngăn chặn việc phát-triển hệ-thống sinh-sản của giống cái. Thành thử, cấu-trúc sinh-lý làm nền sự sống con người được hướng về việc sản-sinh ra nữ-giới. Nhiễm sắc thể Y là thứ sản sinh ra tinh-dịch tạo án-ngữ can thiệp vào tiến-trình này như thế cho

phép nam-nhân nào có bộ-phận sinh-dục bên ngoài được tái sinh thay cho nữ-giới bằng bộ-phận sinh-dục bên trong. (\* 11)

Mọi biến-đổi theo hình-thái sản-sinh cách thường tình như thế nay xảy đến. Và, cứ một trường-hợp sinh sản trong số năm ngàn trường-hợp sinh, chẳng hạn, thì mỗi cá-thể sinh ra chỉ có duy nhất một nhiễm-sắc-thể đục-tính có một nhiễm-sắc-thể X mà thôi. Người ấy chắc chắn là nữ, nhưng người nữ này lại không có buồng trứng gì hết. Có một trường hợp biến-đổi khác gặp ở triệu-chứng *Klinefelter* trong đó lập-luận rằng: con người có đến 3 nhiễm-sắc-thể là: XXY.

Thành ra, nam-nhân nào mất khả-năng sinh-sản có thể triển-khai vài đặc-trung của nữ-giới; đôi khi, trong quá-khứ, những người như thế đã sống như gánh xiếc. Biến-đổi XXY không nhất-thiết mang đặc-trung nam-tính mất khả năng sinh-sản, nhưng những người được định-hình theo kiểu này lại theo hướng có đặc-trung hay gây hấn cách công-khai mà theo một số nhà nghiên cứu thì những người có hành-xử siêu hung-bạo đôi khi phản-chống xã-hội.

Sai lầm của thiên-nhiên có thể trở nên bi-thảm cho con người, nhưng không phải mọi người nói chung, bởi lẽ nhiều khiếm khuyết trong thể-loại đục-tính lạ thiếu mất khả năng sinh sản nữa.

Lâu nay, tôi kiểm điểm lại xem kết luận mình đưa ra cũng sở hữu nhiều xác suất may nhờ có sự giúp đỡ của *Ts Robert Lahita*, phó Giáo sư ngành y đóng trụ tại *Đại học Cornell New York City*.

Tiến sĩ *Lahita* lâu nay được nhiều người ưa thích trong vấn đề này qua chủ trương định-vị xem tại sao một số bệnh/tật, như chứng ban đỏ hình đĩa, ảnh hưởng trước tiên lên phụ nữ trong khi các triệu-chứng khó đọc hoặc viết và chứng tự-kỷ, trước nhất ảnh-hưởng lên nam-giới.

Tiến sĩ này cũng giống nhiều khoa-học-gia khác lâu nay vẫn yên-chí rằng các chức sắc trong Giáo-hội là những người cầm cân nảy mực về mọi sự, có những tuyên-bố dựa trên cơ ngơi lý luận không được cộng-đồng khoa-học-gia hỗ trợ. Riêng tôi, vẫn thông cảm và sẽ sản với lập trường của ông. Bởi, ngu dốt một cách lành thánh vẫn đích-thực là ngu và dốt.

Bởi, mọi bằng-chứng đều kéo theo kết-luận bảo rằng: người đồng-tính không chọn khuynh-hướng đục-tinh cho mình, lại không thể thay-đổi nó và như thế đã tạo phản-ứng thông-thường nhưng ít ỏi về cung-cách đục-tinh của con người.

Rõ ràng là, thành-kiến từ những người có tâm trạng theo hướng đục-tinh với người khác phái vẫn kinh-chống người đồng-tính nên mới phải chọn đồng-hành với những gì là mà-thuật, làm thân nô-lệ và có niềm tin ngu-muội cũng như thể-chế áp-bức bị ta bỏ rơi.

Một số người lại sợ rằng: chấp-chận lập-trường này, có nghĩa là việc xét-đoán tiêu-biểu phải ngưng đọng ra khỏi mọi hình-thức xử-sự theo cách đồng-tính. Lại nữa, đây cũng là hình-thức biểu lộ thành-kiến rất phi lý. Tất cả mọi xử-sự theo hướng đục-tinh với người khác phái đều không được chuẩn-thuận, bởi lẽ tất cả chúng ta đều khẳng-định sự tốt đẹp của đục-tinh khác phái. Bất cứ hành-xử đục-tinh đều mang tính hủy-hoại, bóc lột, có tà-tâm hoặc bừa-bãi; vì thế nên, đó chính là sự dữ/ác-thần không cần phân-định xem người can-dự là đàn ông hay đàn bà.

Bất cứ khi nào thấy một trong các điều kiện này hiện-hữu, cũng cần nói lên lời kết án đạo đức. Khó khăn xảy đến khi xã-hội con người đánh giá 1du5c-tính khác phái tự nó đã tốt đẹp và đồng tính luyến-ái tự nó là chuyện xấu xa.

Tính chuyên-chế về đạo-đức dẫn đến kết quả là lối chữa trị thiên về đạo-đức/chức năng cho đục-tinh khác phái: các khác-biệt giữa việc ban tặng sự sống và hành-xử hủy-hoại sự sống sẽ hiện diện với người theo hướng đục-tính khác phái, trong khi đó thì bất cứ và tất cả mọi kiểu hành-xử mang tính đục tinh xuất hiện từ một định hướng đục-tinh đều bị lên án như một tội phạm.

Lập-trường luân-lý/đạo đức như thế sẽ khiến các người đồng tính nam/nữ không còn chọn lựa nào khác ngoài việc tìm cách chối bỏ hoặc đè nén nó. Quả thật, đa số các vị trong hội-đồng nhà thờ lại đưa ra đề-nghị bảo rằng: trên thực tế, đó chỉ là chọn lựa đạo-đức mở ra cho người có hướng chiều đục-tinh thôi.

Có lẽ ta cũng nên nhớ rằng: phần đông con số những người có đục-tinh khác phái đều can dự vào những chuyện như: lang chạ, điểm đảng, hiếp dâm, xách nhiễu trẻ em, loạn luân và mọi hình-thức coi như ác-dâm và thông-dâm thôi. Càng về sau, do chối-từ không chấp-nhận bất cứ hành-xử đồng-tính nào như chuyện bình thường, xã-hội đơn-âm ngày nay sẽ lèo lái rất nhiều người đồng-tính nam/nữ vào lề-lối rất hành-xử mà thế giới ngay thẳng lo sợ cũng như lên án.

Thành-kiến, thường hay định-hình nạn-nhân một cách tiêu-cực bằng việc trùm lên người họ đủ mọi hình-thức cốt sao không cho ai thấy được tính nhân-bản ở những người như thế. Nguyên-tắc này hiện rõ trong đầu tôi

chỉ mới đây thôi, khi tôi quan-hệ với một Giáo-hội từng bầu chọn nữ-phụ làm thủ-trưởng cộng đoàn (chứ không phải mục-sư). Thủ-lãnh cộng-đoàn, đã can-đảm chọn nữ-phụ vào vai-trò này. Đây, là việc có một không hai trong đời sống giáo-xứ. Và cho đến nay, việc này vẫn là chuyện khác thường đối với Giáo-hội nói chung.

Tuy thế, mục sư ngoại thường này còn cho thấy: đây không là chọn-lựa tốt, xét trên nhiều lãnh vực. Bởi, chỉ một thời-gian ngắn sau ngày bầu chọn, mọi người lại bàn về chuyện ra đi của vị ấy.

Và, Giáo-hội sở tại lại phải bắt đầu tìm mục-sư khác thay thế. Thoạt khi tên tuổi của nữ-phụ thứ hai được cất lên, thì chủ-tịch tuyển chọn đã công-bố chắc-nịch rằng: lần này ủy-ban không còn trông chờ ứng-viên nào khác khi ông qua quyết: *“Chúng tôi đã thử nhiều lần mà lần nào cũng thất bại, nên đành thôi”*. Nghe thế, người ngồi bàn bên cạnh đã gật gù tỏ bày đồng ý.

Tiếp đó, ông còn nói thêm:

*“Giả như quý vị có nam mục-sư nào không làm nhiều người mãn nguyện, hẳn quý vị cũng sẽ bảo: chúng tôi có vị trưởng-lão lâu nay không làm tốt trách-nhiệm do bề trên giao-phó, nên chúng tôi sẽ không kiếm mục sư nào khác mà làm gì!”*

Phòng họp bỗng trở nên im-ắng cách lạ thường. Từ đó, ta lại sẽ bảo: thành-kiến bao giờ cũng hợp tình/hợp lý cho đến lúc nó bắt đầu lộ diện, cách rõ ràng.

Thành-kiến dính-kết vào con người, để rồi từ đó sẽ thấy “khôn-ngoan cộng đoàn” duy-trì nó cho đến khi mọi người coi đó là ý Chúa, mới thôi. Thành thử, thành-kiến chỉ phai nhạt dần khi hai sự việc sau đây xảy đến, một là khi kiến-thức mới tạo đã rũ bỏ đi nền-tảng hiểu biết cũ và hai là, khi con người bắt đầu quan-sát sự việc xảy đến hầu bác bỏ mọi khác-biệt giữa hành-xử mang tính hủy-diệt và việc tỏ bày cuộc sống vốn cho đi và cho mãi.

Dấu hiệu cho thấy: thành-kiến phai-nhạt dần, là khi nạn-nhân từ-chối không để người khác nhận ra mình là ác-thần sự dữ, mới thôi. Thành thử, mọi người đều chào đón lời gọi mời từ “nhóm đồng tính kênh-kiệu.” Điều này tạo cảm-xúc cũng hết như những gì mà nhiều người thường bảo: *“Da màu trông vẫn đẹp!...”* Tự chấp-nhận, là thách-đố đối với đám đông quần chúng, nay trở-thành sức-mạnh chính hoạt-động trong giới đồng-tính.

Diễn-đạt theo cách bảo-thủ ở nhà Đạo, lại cũng cho thấy: ngày nay, mọi người ai cũng chịu ảnh-hưởng của phong-trào nhận ra rằng: người đồng-tính dù nam hay nữ, vẫn trội bật hơn nhiều người khác. Nói cách khác, thì: lịch-sử Giáo-hội cũng đã thay-đổi nhiều về cung cách hành-xử đối với người đồng tính luyến ái.

Diễn-tả rộng rãi hơn, phải nói là: mọi người đều thấy vấn đề đồng-tính luyến ái khi xưa bị Giáo hội lên án gắt gao hồi đầu thế kỷ, thì nay ai cũng ngần-ngại không đề-cập chuyện này khi tụ-tập tham-dự bí tích hoặc lễ lạ khác. Con người ngày nay, không còn coi chuyện đồng-tính luyến-ái như hành-động xấu xa khác gì chuyện giết người, hãm-hiếp, đốt phá và/hoặc xách nhiều con trẻ. Đã có thời, chuyện đồng-tính-luyến-ái được liệt vào một trong các loại-hình như thế.

Càng ngày con người càng thấy khó định-nghĩa thế nào là “*ác-thần/sự dữ*” theo cách giản đơn, nên các nhận-định về việc này nay cũng đổi thay rất nhiều. Và, việc phẩm-bình người đồng-tính luyến ái cũng như chấp-nhận phạm-trù đạo-đức, nay khác trước nhờ được tôi-luyện lại.

Cơ-chế Giáo-hội, lâu nay từng giáp mặt với đủ loại biện-luận như thế, đã bắt đầu thay-đổi mọi quyết-tâm, ngõ hầu làm nhẹ bớt thành-kiến sẵn có đối với người đồng tính luyến-ái. Việc chỉnh-sửa sớm nhất, lại ỉn-tàng trong lớp vỏ bọc đạo-đức xưa nay nhà Đạo từng bọc-bạch.

Nay, người đồng-tính luyến-ái được coi là con nhà có Đạo, nên mới hành xử theo cương vị của trưởng-lão trong thừa-sai mục-vụ. Nhiều năm qua, Giáo hội rất mãn-nguyện về công việc nhóm này thực-hiện, bởi: chẳng một ai thấy phiền-hà khi định-vị “vai-trò” thừa sai cho những người như thế.

Đôi lúc Giáo hội, với tư-cách là đứng bề trên/kẻ cả, lại cũng đề-nghị các bậc vị vọng là: “hãy thương yêu kẻ có tội” dù thành-viên nào cũng đều chán ghét tội lỗi. Có điều khôi-hài, là: người được định-vị là hối-nhân sai phạm lại chẳng có kinh-nghiệm gì hết về tình thương-yêu ấy.

Phần lớn người đồng-tính được khuyên bảo là: chớ nên tạo dịp cho tín-hữu thuộc giáo-phái khác tin vào tính nhạy cảm kiểu thể-xác nơi công tác mục-vụ mà Giáo hội từng bác bỏ. Mặc dù thế, giải-pháp được chọn có mang tính tiêu-cực cỡ nào đi nữa, nó vẫn chứng-tỏ là: ta tiến-bộ cũng khá nhiều, chỉ cần hướng về phía trước là xong ngay.

Ít ra thì, thành-kiến vẫn được bảo-vệ hết mình và nhiều dấu hiệu cho thấy có sự tính-toán, lưỡng-lự từ ban đầu. Ngoài ra, lại cũng có điều là: vấn-đề này cũng quan-trọng khiến mọi người suy nghĩ kỹ lưỡng hơn.

Giai đoạn hai của tranh-luận đã khởi sự một khi quyền-lợi kinh-tế và dân-sự của người đồng tính bị đe dọa; khi ấy Giáo-hội về phe với nạn nhân, nên đã thông qua các giải-pháp được định-vị ngõ hầu đạt công-bằng trước luật pháp khi phải giáp mặt với *tất cả* mọi giới, cả đến người đồng tính luyến ái cũng được chiếu cố, nữa.

Giáo hội lúc ấy mới khẳng định rằng: ta không nên chống trả mọi người chỉ vì họ đồng tính luyến ái. Và, không nên lạm dụng những người như thế về thể xác, dù họ có khuynh hướng tình dục khác-biệt thế nào đi nữa. Người đồng tính phải được phép dễ dàng có tài-khoản vay mượn ngân hàng với tiền lời hết người thường, dù họ có quá-trình vay mượn xấu/tốt thế nào đi nữa. Đàng khác, ta cũng không nên có biện pháp áp-đặt tài chánh đối với những người ấy.

Hãy tưởng tượng xem trường hợp nam-nhân hay nữ-phụ đồng tính nào đó buộc phải trả tiền phạt kinh-tế khi người ấy không có khả-năng cho bạn cho mình như nội-qui đề cập, hoặc trường hợp người đồng tính không có quyền lợi luật pháp nào hết nếu phối-ngẫu của người ấy chết tại tiểu bang khác.

Nguyên-tắc đặt ra như thế có lý không, khi 10% dân số không thể cưới/hỏi và sống với nhau theo luật của tiểu bang khác? Giả như có cặp phối-ngẫu đồng tính nào muốn lập thế-chấp mua nhà tại khu vực nào đó, ta có nên tỏ ra cởi mở với họ không?

Các chính-trị gia trong mùa bầu cử, thường vẫn phải phân biệt chính-kiến chống lại người đồng tính luyến ái. Tranh đấu cho quyền-lợi của người đồng tính luyến ái không là cách-thức để kiếm phiếu. Cảm-xúc tiêu cực xuất tự các cuộc vận-động tranh cử, thường tỏa chiếu sáng rực cho đến khi các vị buộc phải sử dụng những gì là dư thừa từ phe của mình.

Vào thế kỷ 17, ngay các phù-thủy từng lộng hành ở một số vùng như: Salem, Massachusetts, vv... cuối cùng, rồi cũng kết thúc cách đột ngột. Tuy nhiên, cho đến ngày ấy, nhiều nữ-phụ bị kết tội hoặc phải ra tòa chịu xét xử hoặc lên án là có tội, rồi bỏ tù và có khi còn bị hành quyết vì đã mê-hoặc. Thành ra, những sự việc như thế xảy ra khá thường xuyên đến ghê tởm, khi sự việc đồng tính được nêu lên như vụ chính-trị.

Và rồi, các giai-đoạn như thế lại phải trả một giá khá đắt, bởi chúng là thành phần của tiến-trình thay thế ý-thức quần-chúng. Như việc triệt-hạ nhóm thiểu số, xem ra đã đánh dấu giai-đoạn chuyển tiếp, cũng rất gần.

Khi có dấu hiệu cho thấy: phần lớn các nơi đặt nặng lên lưng/cổ các kẻ tin từng bảo là: ác quỷ đã trở thành quỷ dữ rồi thì bất cứ khoa-học-gia nào dù có đầu óc sắc-bén đến mấy cũng phải xét lại lối suy tư của mình để có hành-động thay cho nạn-nhân của mình, để rồi ít ra, đảm bảo quyền lợi cá nhân của mình nữa.

Hầu hết nhóm hội/đoàn thể ở Giáo hội, nay đã và đang chuyển động đi vào giai đoạn hai này. Quả đây là bước tiến cũng khá lạ ở chỗ nó luôn thu hút/hấp dẫn dù ở cấp độ ngây thơ đến không thể tin được.

Trong các giải pháp và/hoặc tuyên-bố của các nhà lãnh-đạo Giáo hội và giới chức từng chủ-trương phải vẽ lên sự khác-biệt giữa chiều-hướng tính-dục với hành-động dục tình mới được. Các vị đề-xuất ra chuyện bảo rằng: bởi lẽ con người không thể chọn lựa chiều hướng dục tính, thế nên việc định-hướng ấy không thể coi là hành động tội lỗi được.

Tuy nhiên, khi con người có thể chọn cách hành-xử bất kể mình có hướng bản-thể như thế nào, và do bởi các hành-động dục-tính của đám người có khuynh-hướng đồng tính bị cho là tội lỗi, nên không được phép hành-xử trong khuôn khổ những điều cấm kỵ của Giáo hội. Thành ra, nếu ta sinh ra đã bị định-hướng từ trước rồi, thì ta không thể hành-động trên căn-bản những gì đã định như thế. Và, năng-lượng dục-tính của ta phải bị kềm chế, o ép, thăng-hoa.

Điểm tích-cực của định-kiến này là ở chỗ nó báo hiệu một chân trời mới bảo rằng dục tính không phải là định-hướng có chọn lựa cho bằng thực tại đã được định-vị. Khi bước ngoặt của sự thật này được chấp-nhận thì các trạng-huống cũng như hành-xử khác phái tính bèn bắt đầu thích ứng theo đó, như chúng đã thích-ứng khi ta ngưng dừng lại để không còn nghĩ rằng những người "sử dụng tay trái" đều mang tính bất thường.

Chắc chắn đây là bước tiến về phía trước để nhận thức rằng đặc-trưng thiểu số không nhất thiết phải bất thường mà đúng hơn lại là lối suy-nghĩ về các khác-biệt trong cuộc sống con người. Và như ta thấy rằng con người không thể chọn lựa chiều hướng dục-tính của mình được thì không ai lại có thể chọn làm người "thuận tay phải" bắt đầu có được đường lối của mình, và một số ngôn-từ cũng như các câu kéo hoặc thành-ngữ có thành-kiến đã bắt đầu ra khỏi bảng ngữ-vựng của con người.

"Chọn-lựa phái tính" là một trong các thành-ngữ như thế; nó ngụ-ý bảo rằng con người không thể cứ ngang nhiên đứng giữa giao-lộ rồi mới quyết-định xem mình nên trở-thành người đồng tính luyến ái hoặc có cảm tình với người khác phái tính.

Tuy nhiên, trước khi ca tụng lối thẩm-định này, xin cho tôi phát biểu rằng đây là sự ngây thơ không thể tưởng tượng được. Bởi, làm thế chỉ để nói lên rằng: người có chiều-hướng đồng tính luyến ái cũng có khả-năng kèm

ché hoạt-động dục tình của mình như mọi người. Điều đó còn muốn nói rằng: 10% dân số vẫn có thể khẳng định và chấp-nhận độc thân mà người khác đã chuẩn thuận.

Người biết nhiều về đời sống độc thân vẫn hiểu rằng độc thân đích-thực là ơn gọi hiếm có chỉ một ít người được như thế. Ơn gọi hoặc lối sống theo kiểu không thể áp đặt một cách miễn cưỡng lên bất cứ người nào cũng thế.

Thành-kiến, thường hay định-hình nạn-nhân một cách tiêu-cực bằng việc trù lên người họ đủ mọi hình-thức cốt sao không cho ai thấy được tính nhân-bản ở những người như thế. Nguyên-tắc này hiện rõ trong đầu tôi chỉ mới đây thôi, khi tôi quan-hệ với một Giáo-hội từng bầu chọn nữ-phụ làm thủ-trưởng cộng đoàn (chứ không phải mục-sư). Thủ-lãnh cộng-đoàn, đã can-đảm chọn nữ-phụ vào vai-trò này. Đây, là việc có một không hai trong đời sống giáo-xứ. Và cho đến nay, việc này vẫn là chuyện khác thường đối với Giáo-hội nói chung.

Tuy thế, mục sư ngoại thường này còn cho thấy: đây không là chọn-lựa tốt, xét trên nhiều lãnh vực. Bởi, chỉ một thời-gian ngắn sau ngày bầu chọn, mọi người lại bàn về chuyện ra đi của vị ấy.

Và, Giáo-hội sở tại lại phải bắt đầu tìm mục-sư khác thay thế. Thoạt khi tên tuổi của nữ-phụ thứ hai được cất lên, thì chủ-tịch tuyên chọn đã công-bố chắc-nịch rằng: lần này ủy-ban không còn trông chờ ứng-viên nào khác khi ông quả quyết: *“Chúng tôi đã thử nhiều lần mà lần nào cũng thất bại, nên đành thôi”*. Nghe thế, người ngồi bàn bên cạnh đã gật gù tỏ bày đồng ý.

Tiếp đó, ông còn nói thêm:

*“Giả như quý vị có nam mục-sư nào không làm nhiều người mãn nguyện, hẳn quý vị cũng sẽ bảo: chúng tôi có vị trưởng-lão lâu nay không làm tốt trách-nhiệm do bề trên giao-phó, nên chúng tôi sẽ không kiếm mục sư nào khác mà làm gì!”*

Phòng họp bỗng trở nên im-ắng cách lạ thường. Từ đó, ta lại sẽ bảo: thành-kiến bao giờ cũng hợp tình/hợp lý cho đến lúc nó bắt đầu lộ diện, cách rõ ràng.

Thành-kiến dính-kết vào con người, để rồi từ đó sẽ thấy “khôn-ngoan cộng đoàn” duy-trì nó cho đến khi mọi người coi đó là ý Chúa, mới thôi. Thành thử, thành-kiến chỉ phai nhạt dần khi hai sự việc sau đây xảy đến, một là khi kiến-thức mới tạo đã rũ bỏ đi nền-tảng hiểu biết cũ và hai là, khi con người bắt đầu quan-sát sự việc xảy đến hầu bác bỏ mọi khác-biệt giữa hành-xử mang tính hủy-diệt và việc tỏ bày cuộc sống vốn cho đi và cho mãi.

Dấu hiệu cho thấy: thành-kiến phai-nhạt dần, là khi nạn-nhân từ-chối không để người khác nhận ra mình là ác-thần sự dữ, mới thôi. Thành thử, mọi người đều chào đón lời gọi mời từ “nhóm đồng tính kênh-kiệu.” Điều này tạo cảm-xúc cũng hết như những gì mà nhiều người thường bảo: *“Da màu trông vẫn đẹp!...”* Tự chấp-nhận, là thách-đố đối với đám đông quần chúng, nay trở-thành sức-mạnh chính hoạt-động trong giới đồng-tính.

Diễn-đạt theo cách bảo-thủ ở nhà Đạo, lại cũng cho thấy: ngày nay, mọi người ai cũng chịu ảnh-hưởng của phong-trào nhận ra rằng: người đồng-tính dù nam hay nữ, vẫn trội bật hơn nhiều người khác. Nói cách khác, thì: lịch-sử Giáo-hội cũng đã thay-đổi nhiều về cung cách hành-xử đối với người đồng tính luyến ái.

Diễn-tả rộng rãi hơn, phải nói là: mọi người đều thấy vấn đề đồng-tính luyến ái khi xưa bị Giáo hội lên án gắt gao hồi đầu thế kỷ, thì nay ai cũng ngần-ngại không đề-cập chuyện này khi tụ-tập tham-dự bí tích hoặc lễ lạ khác. Con người ngày nay, không còn coi chuyện đồng-tính luyến-ái như hành-động xấu xa khác gì chuyện giết người, hãm-hiếp, đốt phá và/hoặc xách nhiễu con trẻ. Đã có thời, chuyện đồng-tính-luyến-ái được liệt vào một trong các loại-hình như thế.

Càng ngày con người càng thấy khó định-nghĩa thế nào là “*ác-thần/sự dữ*” theo cách giản đơn, nên các nhận-định về việc này nay cũng đổi thay rất nhiều. Và, việc phẩm-bình người đồng-tính luyến ái cũng như chấp-nhận phạm-trù đạo-đức, nay khác trước nhờ được tôi-luyện lại.

Cơ-chế Giáo-hội, lâu nay từng giáp mặt với đủ loại biện-luận như thế, đã bắt đầu thay-đổi mọi quyết-tâm, ngõ hầu làm nhẹ bớt thành-kiến sẵn có đối với người đồng tính luyến-ái. Việc chỉnh-sửa sớm nhất, lại ẩn-tàng trong lớp vỏ bọc đạo-đức xưa nay nhà Đạo từng bọc-bạch.

Nay, người đồng-tính luyến-ái được coi là con nhà có Đạo, nên mới hành xử theo cương vị của trưởng-lão trong thừa-sai mục-vụ. Nhiều năm qua, Giáo hội rất mãn-nguyện về công việc nhóm này thực-hiện, bởi: chẳng một ai thấy phiền-hà khi định-vị “vai-trò” thừa sai cho những người như thế.

Đôi lúc Giáo hội, với tư-cách là đấng bề trên/kẻ cả, lại cũng đề-nghị các bậc vị vọng là: “hãy thương yêu kẻ có tội” dù thành-viên nào cũng đều chán ghét tội lỗi. Có điều khôi-hài, là: người được định-vị là hối-nhân sai phạm lại chẳng có kinh-nghiệm gì hết về tình thương-yêu ấy.



Phần lớn người đồng-tính được khuyên bảo là: chớ nên tạo dịp cho tín-hữu thuộc giáo-phái khác tin vào tính nhạy cảm kiểu thể-xác nơi công tác mục-vụ mà Giáo hội từng bác bỏ. Mặc dù thế, giải-pháp được chọn có mang tính tiêu-cực cỡ nào đi nữa, nó vẫn chứng-tỏ là: ta tiến-bộ cũng khá nhiều, chỉ cần hướng về phía trước là xong ngay.

Ít ra thì, thành-kiến vẫn được bảo-vệ hết mình và nhiều dấu hiệu cho thấy có sự tính-toán, lưỡng-lự từ ban đầu. Ngoài ra, lại cũng có điều là: vấn-đề này cũng quan-trọng khiến mọi người suy nghĩ kỹ lưỡng hơn.

Giai đoạn hai của tranh-luận đã khởi sự một khi quyền-lợi kinh-tế và dân-sự của người đồng tính bị đe dọa; khi ấy Giáo-hội về phe với nạn nhân, nên đã thông qua các giải-pháp được định-vị ngõ hầu đạt công-bằng trước luật pháp khi phải giáp mặt với *tất cả* mọi giới, cả đến người đồng tính luyến ái cũng được chiếu cố, nữa.

Giáo hội lúc ấy mới khẳng định rằng: ta không nên chống trả mọi người chỉ vì họ đồng tính luyến ái. Và, không nên lạm dụng những người như thế về thể xác, dù họ có khuynh hướng tình dục khác-biệt thế nào đi nữa. Người đồng tính phải được phép dễ dàng có tài-khoản vay mượn ngân hàng với tiền lời hết người thường, dù họ có quá-trình vay mượn xấu/tốt thế nào đi nữa. Đàng khác, ta cũng không nên có biện pháp áp-đặt tài chánh đối với những người ấy.

Hãy tưởng tượng xem trường hợp nam-nhân hay nữ-phụ đồng tính nào đó buộc phải trả tiền phạt kinh-tế khi người ấy không có khả-năng cho bạn cho mình như nội-quì đề cập, hoặc trường hợp người đồng tính không có quyền lợi luật pháp nào hết nếu phối-ngẫu của người ấy chết tại tiểu bang khác.

Nguyên-tắc đặt ra như thế có lý không, khi 10% dân số không thể cưới/hỏi và sống với nhau theo luật của tiểu bang khác? Giả như có cặp phối-ngẫu đồng tính nào muốn lập thế-chấp mua nhà tại khu vực nào đó, ta có nên tỏ ra cởi mở với họ không?

Các chính-trị gia trong mùa bầu cử, thường vẫn phải phân biệt chính-kiến chống lại người đồng tính luyến ái. Tranh đấu cho quyền-lợi của người đồng tính luyến ái không là cách-thức để kiếm phiếu. Cảm-xúc tiêu cực xuất tự các cuộc vận-động tranh cử, thường tỏa chiếu sáng rực cho đến khi các vị buộc phải sử dụng những gì là dư thừa từ phe của mình.

Vào thế kỷ 17, ngay các phù-thủy từng lộng hành ở một số vùng như: Salem, Massachusetts, vv... cuối cùng, rồi cũng kết thúc cách đột ngột. Tuy nhiên, cho đến ngày ấy, nhiều nữ-phụ bị kết tội hoặc phải ra tòa chịu xét xử hoặc lên án là có tội, rồi bỏ tù và có khi còn bị hành quyết vì đã mê-hoặc. Thành ra, những sự việc như thế xảy ra khá thường xuyên đến ghê tởm, khi sự việc đồng tính được nêu lên như vụ chính-trị.

Và rồi, các giai-đoạn như thế lại phải trả một giá khá đắt, bởi chúng là thành phần của tiến-trình thay thế ý-thức quần-chúng. Như việc triệt-hạ nhóm thiểu số, xem ra đã đánh dấu giai-đoạn chuyển tiếp, cũng rất gần.

Khi có dấu hiệu cho thấy: phần lớn các nơi đặt nặng lên lưng/cổ các kẻ tin từng bảo là: ác quỷ đã trở thành quỷ dữ rồi thì bất cứ khoa-học-gia nào dù có đầu óc sắc-bén đến mấy cũng phải xét lại lối suy tư của mình để có hành-động thay cho nạn-nhân của mình, để rồi ít ra, đảm bảo quyền lợi cá nhân của mình nữa.

Hầu hết nhóm hội/đoàn thể ở Giáo hội, nay đã và đang chuyển động đi vào giai đoạn hai này. Quả đây là bước tiến cũng khá lạ ở chỗ nó luôn thu hút/hấp dẫn dù ở cấp độ ngây thơ đến không thể tin được.

Trong các giải pháp và/hoặc tuyên-bố của các nhà lãnh-đạo Giáo hội và giới chức từng chủ-trương phải vẽ lên sự khác-biệt giữa chiều-hướng tính-dục với hành-động dục tình mới được. Các vị đề-xuất ra chuyện bảo rằng: bởi lẽ con người không thể chọn lựa chiều hướng dục tính, thế nên việc định-hướng ấy không thể coi là hành động tội lỗi được.

Tuy nhiên, khi con người có thể chọn cách hành-xử bất kể mình có hướng bản-thể như thế nào, và do bởi các hành-động dục-tính của đám người có khuynh-hướng đồng tính bị cho là tội lỗi, nên không được phép hành-xử trong khuôn khổ những điều cấm kỵ của Giáo hội. Thành ra, nếu ta sinh ra đã bị định-hướng từ trước rồi, thì ta không thể hành-động trên căn-bản những gì đã định như thế. Và, năng-lượng dục-tính của ta phải bị kềm chế, o ép, thăng-hoa.

Điểm tích-cực của định-kiến này là ở chỗ nó báo hiệu một chân trời mới bảo rằng dục tính không phải là định-hướng có chọn lựa cho bằng thực tại đã được định-vị. Khi bước ngoặt của sự thật này được chấp-nhận thì các trạng-huống cũng như hành-xử khác phái tính bèn bắt đầu thích ứng theo đó, như chúng đã thích-ứng khi ta ngưng dừng lại để không còn nghĩ rằng những người “sử dụng tay trái” đều mang tính bất thường.

Chắc chắn đây là bước tiến về phía trước để nhận thức rằng đặc-trưng thiểu số không nhất thiết phải bất thường mà đúng hơn lại là lối suy-nghĩ về các khác-biệt trong cuộc sống con người. Và như ta thấy rằng con người không thể chọn lựa chiều hướng dục-tính của mình được thì không ai lại có thể chọn làm người “thuận tay phải” bắt đầu có được đường lối của mình, và một số ngôn-từ cũng như các câu kéo hoặc thành-ngữ có thành-kiến đã bắt đầu ra khỏi bảng ngữ-vựng của con người.

“Chọn-lựa phái tính” là một trong các thành-ngữ như thế; nó ngụ-y bảo rằng con người không thể cứ ngang nhiên đứng giữa giao-lộ rồi mới quyết-định xem mình nên trở-thành người đồng tính luyến ái hoặc có cảm tình với người khác phái tính.

Tuy nhiên, trước khi ca tụng lối thẩm-định này, xin cho tôi phát biểu rằng đây là sự ngây thơ không thể tưởng tượng được. Bởi, làm thế chỉ để nói lên rằng: người có chiều-hướng đồng tính luyến ái cũng có khả-năng kèm chế hoạt-động dục tình của mình như mọi người. Điều đó còn muốn nói rằng: 10% dân số vẫn có thể khẳng định và chấp-nhận độc thân mà người khác đã chuẩn thuận.

Người biết nhiều về đời sống độc thân vẫn hiểu rằng độc thân đích-thực là ợn gọi hiếm có chỉ một ít người được như thế. Ớn gọi hoặc lối sống theo kiểu không thể áp đặt một cách miễn cưỡng lên bất cứ người nào cũng thế.

Kinh nghiệm Giáo hội cho thấy các linh-mục trong Đạo phải sống đời đơn chiếc tách bạch hẳn cuộc sống ngoài đời. Ăn mặc thì, duy nhất chỉ khoác lên mình mỗi chiếc chùng thâm bên ngoài. Kinh kệ, lại chỉ đọc mỗi kinh nhật-tụng giông dài và cứng ngắt. Danh xưng thừa/thốt, vẫn buộc mọi người phải gọi mình bằng cha/có rất đề huề, cốt tạo cuộc sống cách biệt người thường, tức: rõ một đời độc thân có lời thề nguyện cứ liên tục vi-phạm.

Người chủ trương sinh sống kiểu này, đã biến đời độc-thân thành chuyện bắt buộc cả với người đồng tính nữa. Chấp-nhận sống độc thân, o-ép như thế lâu nay đã trở-thành cái giá khá đắt mà người đồng tính dĩ nhiên phải trả, để nhận được phép lành từ Hội-thánh cho riêng mình.

Hãy cứ tưởng tượng trường-hợp Giáo hội sẽ phải đáp-ứng cách nào, khi cơ-chế này khác lại cứ nhân danh tình-yêu Thiên-Chúa và lòng đạo giáo-dân mà đề ra các thông-tri đại loại bảo rằng: từ nay, 10% dân số thế-giới sống đời tình-dục với người khác phái, nay cũng phải kiêng khem ăn nằm nếu muốn được Giáo hội chúc lành, hay sao đó!

Thật ra, ta không thể khẳng-định rằng: muốn có cuộc sống đúng đắn, hà tất phải nắm chắc là các giám mục, giáo sĩ và/hoặc giáo-dân vẫn chấp-nhận như thế, mới thành sự. Thật ra, cái khó là ở chỗ: ngay các chủng-sinh cũng như bậc thầy dạy đều phải cố gắng nhiều hơn nữa mới lướt vượt được thử thách.

Dù sao thì, lập-trường này thêm vào với tính ngây-thơ/mơ-hồ đầy bản sắc, là tình-huống cho thấy phong-trào đây có tiến về phía trước hay không. Nhưng, rõ ràng là: nó không thể ngăn chặn mọi cãi tranh, dành giựt. Cuối cùng thì, nó vẫn đắm chìm trong mâu-thuẫn nội-tại và từ đó trông chờ giải-thoát, cách không tưởng.

Hiểu được nguồn-gốc mọi sự việc ở nhóm người “đồng tính luyến ái”, ta sẽ không còn mang nặng ưu-tư quá đáng mà đám cháu/con mình từng bị cuốn hút vào đó để rồi buộc phải chống cự. Thành thử, việc săn bắt con mụ phù thủy lãng-xăng, cốt loại-bỏ “lập trường của các đấng bậc từng tạo ảnh hưởng trên sự sống của con/cháu, ta mới nhận ra là: quá-khứ của chúng nay dừng đứng một cách mau lẹ.

Chẳng mấy chốc, nam-nhân đồng tính luyến ái cứ phải che đậy bộ mặt hiện-từ nhẩn-nại của mình, trong khi đó đám nữ-lưu lại để lượt mắt tính ganh-đua tình tiết trong thi đấu, ngô hầu nắm chắc là không ai nghi ngờ mình có khuynh hướng xấu xa, bệ-rạc nữa.

Bước tiếp theo, là: thoát khi ta khởi-sự nhìn vào xu-hướng đồng tính luyến ái cũng như ngã mình vào khuynh hướng dục tình khác phái nằm ở bên trong hoặc làm đặc-trưng/đặc-thù coi đó không là hành-xử xấu mà chỉ cần biết đó có là hành-vi đích-thực chân chính không, mà thôi. Cả hai khía-cạnh tình-dục của con người, rồi ra cũng được thẩm-định một cách tự nhiên, thôi.

Nhận-thức này, ngày càng dâng cao để mọi người thấy được rằng: ở ngoài đời, người người hiện có một tầm nhìn rất chung chung về quần chúng, ngay cả khuynh-hướng không mấy thuần-khiết. Tựu trung thì, cả hai khuynh-hướng nói ở đây, đều có vai trò làm giàu cuộc sống con người, thôi. Thay đổi này, với thời-gian, sẽ còn xảy ra nhiều hơn nữa khiến có người hoặc vì không biết hoặc vì sợ sệt và thành-kiến đã phủ lên con người, nên mọi sự mới trở-nên khó khăn đến độ khiến mọi người phải buông lợi, bỏ rời.

Một khi đặc-thù tự-nhiên của quần chúng có khuynh-hướng đồng tính nơi đám thiểu số rồi, thì việc trông chờ người đồng tính phải sống đời độc-thân/đơn chiếc sẽ bị trừ khử ngay lập tức. Và khi ấy, ta lại thấy vấn-đề rõ ràng đặt ra mà hỏi: khi nào thì mọi việc sẽ như thế? Làm sao để người đồng tính luyến ái sống cuộc sống tình-dục tràn đầy trách nhiệm?

Rõ ràng là, luật-lệ của Giáo-hội và xã-hội ngoài đời khi ấy sẽ bảo-vệ và khẳng-định tư thế đồng đều cho nhóm này. Giải-pháp sốt-sắng có tính cột-buộc đạo-đức tính-dục vào với đời sống độc-thân, không cho thấy điều gì lạ ngoài niềm tin không hợp-lý vào một Đức Chúa “bạo dâm”, dưới làn ánh sáng mới của nhận-thức.

Đức Chúa đây, đã tạo dựng người đồng tính nam/nữ cốt để trừng-phạt họ mà thôi. Đức Chúa đã dựng nên họ trong một tạo-thành tuyệt-hảo có lòng thêm muốn tình-dục và bảo: đạo-đức/chức-năng buộc niềm ước ao này

phải bị đè nén. Một lần nữa, ta đang phải đối đầu với phán-quyết bảo rằng: sinh-lý tội-tệ cộng với nền-tảng sinh-hóa xấu, rốt cuộc đi vào thứ thần-học tẻ-hại.

Lập-trường truyền-thống chính qui của Giáo-hội, đặt nền-tảng vào cơ-ngôi sai lạc mà cho rằng: mọi tổ bày dục-tình theo hướng yêu thương giữa những người cùng phái lúc nào cũng xấu buộc ta phải giáp mặt với sự xấu ấy, thì lập-trường này tự nó có thể kiến-tạo chính Giáo hội. Làm sao Giáo hội có được sự sống đầy ắp những là thành-tựu được khi dân con của Chúa gặp trở-ngại do bởi thông-diệp truyền rao bảo rằng họ chính là kẻ vô luân-lý, thiếu đạo đức được cơ chứ?

Thế thì, chuyện xảy ra là: bất cứ ai đứng trước đẳng bậc luôn chê-bai/miệt thị người khác, lại có thể phát-triển ảnh-hình về chính mình theo cách tích-cực được? Ta không thể tạo cho mình quyết tâm thực sự yêu thương người khác được, trừ phi ta tin là mình cũng có một ít giá trị nào đó, rất nội-tại. Hai bản ngã đó gây, lại dễ vỡ, cứ ngày càng suy-thoái rồi bị coi rẻ ắt không có khả năng hỗ-trợ cho nhau cách dễ dàng trong tương quan một vợ một chồng, thật hổ tương.

Vì đã mất đi sự tương-trợ do từ cộng đoàn mình chung sống, nên người đồng tính cũng cần phải giấu đi cái tương-quan lạc điệu của mình, không cho người ngoài biết là mình đã bị căng-thẳng rất dễ sợ trên nguồn tâm-lý của đôi lứa.

Bằng hành động quay phắt lại, không để mình tự kiểm-điểm, không cho phép mình có được thiện chí, Giáo-hội lại đã thú-nhận là mình có con tim cứng ngắc qua thừa/thốt với Chúa bằng câu kinh như: *"Lạy Chúa, xin đoái thương chúng con và thứ tha cho chúng con về những phán-đoán méo mó xấu xa gây phương hại đến các người dân con nam/nữ của Ngài trong mọi thế-hệ của Giáo hội."*

Tiếp đến, Giáo hội còn phải suy-tư nghĩ lại chất đạo-đức của tính-dục ở con người. Bản thân tôi, nguyện sẽ khai-triển ý-tưởng này một cách đặc biệt hơn ở chương 15 sắp tới. Ở đây, tôi thấy cũng đủ để bảo rằng: tính-cách mật-thiết nơi tình thương, bản-chất hợp-pháp khi quần chúng công-nhận tương quan mình có được, đang là niềm vui kề cận bên nhau và cũng là sự an vui/hài-hòa của cuộc sống không có gì bí mật cả, không thành điều để chối bỏ một ai về sự việc người ấy đang đeo đuổi hạnh-phúc và cuộc sống tràn đầy của họ mà Tin Mừng từng nói đến. (Gioan 10: 10)

Vấn đề hỏi rằng: các hành-xử trong cuộc sống công-khai tương-phản lại cuộc sống riêng tư đã đạt hàng đầu trong Giáo hội vào lúc truyền chức linh-mục. Hỏi rằng: Giáo hội có được phép tấn phong linh mục cho người đồng tính là người chẳng bao giờ đối trá/loç lừa hoặc độc thân không? Câu hỏi này, tự bản-chất, khi được công-khai tranh-luận, đã cho thấy bước nhảy vọt về phía trước trong tâm-thức đạo-đức của mình.

Tuy nhiên, sự việc còn đó cho thấy lâu nay vẫn có nhiều người đồng tính luyện ái trong hàng giới linh-mục cũng như tu dòng. Hai ngàn năm qua, Giáo-hội cũng từng có nhiều giáo-sĩ đồng tính vượt quá con số mà nhiều người lượng-định. Các giáo-sĩ nói trên đã từng đảm nhiệm mọi vai-trò trong mọi hệ-cấp cầm quyền của Giáo-hội. Các vị này từng giúp đỡ Giáo-hội trong việc định-hình tín-lý, kỷ-luật, phục-vụ và y-phục trong Hội-thánh.

Khi đời sống độc thân được coi như lối sống duy nhất bắt buộc đối với các tiến-chức, vào thế kỷ thứ 20, thì mọi cửa ngõ đều được mở rộng cho nam-nhân đồng tính để có chân trong hàng giáo-sĩ của Hội-thánh như một chỗ đứng hợp pháp trong đó tình-trạng độc-thân sẽ đương từ nghĩa vụ biến thành ưu-điểm và từ đó cuộc sống của họ đã nghiệm sinh được tính sáng-tạo và cộng-đoàn. Giả như người đồng tính luyện ái bị loại trừ không còn đảm-nhiệm chức-năng thừa-tác-vụ của giáo-sĩ ngang qua quá-trình lịch sử của Giáo hội, thì kẻ hồ lớn lao sẽ hiện đến, có thời cũng lên đến mức 80% trong nhiều năm tháng lịch sử. Quả thật, đã có lúc tất cả những ai thề hứa sống độc thân đều bị nghi ngờ là người đồng-tính luyện ái. (\* 12)

Ngày nay, có người lý luận bảo rằng để xem người đồng tính có được phong-chức hay không, thì theo chừng mực nào đó, có vẻ cũng nực cười. Cuối cùng thì kết-cuộc mọi tranh-luận sẽ không tạo được sự thay đổi tình thế mà chỉ đổi thay mỗi bộ mặt công-khai/chính-thức của Giáo-hội mà thôi. Các vị có trọng-trách về luân-lý đạo-đức trong Hội thánh lại muốn "giữ bí mật" mọi chuyện. Hội thánh Công giáo cũng như các giáo-hội này khác, cho đến nay vẫn theo phương-cách đình chỉ, trục xuất hoặc bắt các thành viên nào công khai chọn-lựa cùng một phái tính để sống chung, buộc phải câm nín. (\* 13)

Đương nhiên là, người đồng tính luyện ái phải được coi như không được phép có thành kiến với tiến-trình đào tạo linh-mục. Các vị này đều bị thanh-lọc như mọi ứng viên khác, đều bị kiểm xem thực tình là mình có ơn gọi, tức: thứ quà tặng mà họ đem đến cho Giáo hội, và trí thông minh, nhạy cảm, tự mình tận hiến bản thân mình cho Chúa, có quyết tâm làm việc và năng-lực vận-dụng năng-lượng tính-dục có trách-nhiệm và quyết tâm hay không?

Dòng tu cá-biệt nào đó có kêu gọi hoặc chấp-nhận một người đồng tính nam/nữ làm mục-vụ là người đã thiết-lập tương quan một vợ một chồng có tình thương yêu và chưa bao giờ muốn từ bỏ người phối-ngẫu mà mình từng chung sống hoặc sống đời đối trá hay không?

Hiện nay, đang thấy xảy ra, đặc biệt là ở thành thị và chốn thị tứ trong đó có thể có sự ản mình nặc danh trong một cộng đoàn lớn rộng. Bản thân tôi có biết có giáo sĩ tương-tự từng được cộng-đoàn hỗ-trợ hết mình và tôi cũng thấy các vị ấy sống hết mình cho việc giảng rao Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô trong các dòng tu như thế.

Tôi ủng hộ các giáo-sĩ đó, cùng với người phối ngẫu của các vị này và dân con/quần chúng trong Giáo hội có được khả-năng thăng-hoa mỗi thành-kiến vẫn còn đang vây chặt chúng ta trong mọi địa hạt.

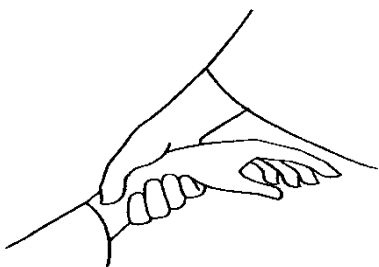
Tiếc thay, cũng có nhiều vị khác lúc này lại cứ sống trong sợ sệt đến độ họ không dám cởi mở cõi lòng mình ra bên ngoài. Những người như thế đang tạo các lớp phủ trùm bảo vệ hoặc che đậy lúc nào cũng tự vấn nạn xem mình có là người đáng tin cậy hay không. Một số vị đang san sẻ câu chuyện đời của họ cho tôi biết. Tôi vẫn hỗ trợ để họ có thể phần đầu sống trong tình thương và sự toàn vẹn cả hai mặt. Các vị này cũng đã dạy cho tôi nhiều bài học đáng kể. Và, tôi còn nợ họ rất nhiều thứ.

Có thể, một số vị sẽ đọc những điều tôi viết ở đây và sẽ đề nghị là: lập-trường/quan-điểm này đặt tôi như một giám mục chống đối lại thể-đứng của Giáo-hội mà tôi đại-diện, hoặc chống lại thể đứng lịch sử của Giáo hội Công giáo. Họ có lý. Tôi đây chỉ là số người nhỏ có tiếng nói yếu ớt trong cơ-cấu Giáo hội vững chãi bấy lâu nay. Nhưng thiểu số nói đây đang lớn mạnh dần và làn sóng mới ấy đang thẩm thấu toàn thể xã-hội ta ngày hôm nay. Thiểu số nói ở đây sẽ không còn là số ít đến muôn ngàn đời được nữa rồi.

Giáo hội nay đã và đang thay đổi tâm não của mình rất nhiều trong lịch sử và sẽ còn làm thế mãi. Câu hỏi sâu lắng hơn đặt ra, là: câu được đưa ra cho giới có quyền hành đặt ra với Kinh thánh. Phải chăng vấn đề này đang đặt ra với Kinh thánh không? Phải chăng các vấn-đề đặt ra cho đến nay sẽ được giải quyết một cách có lý lẽ với Sách thánh? Đó là những câu hỏi rất mạnh bạo đối với dân con Đạo Chúa để cứu xét. Các câu hỏi như thế đáng được mọi người lưu tâm và phải được chú ý trong phần tiếp sau đây.

#### Chú thích:

1. Alfred Kinsey et al., *Sexual behaviour in the Human Male* (Philadelphia: Saunders, 1948); *Sexual Behavior in the Human Female* (Philadelphia: Saunders, 1953).
2. John Fortunato, "Should the Church bless and Affirm Committed Gay Relationships?" *The Episcopalian*, April 1987.
3. John S. Spong, *Into the Whirlwind* (San Francisco: Harper & Row, 1983). Chapter 9.
4. Sigmund Freud, *Three Contributions to the Theory of Sex* (New York: Dutton, 1962); *Totem and Taboo* (New York: Vintage Press, 1946).
5. Rosemary Ruether, "From Machismo to Maturity," in Edwards Batchelor, Jr *Homosexuality and Ethics* (New York: Pilgrim Press, 1980), tr. 28ff.
6. Như trên
7. Các vấn đề của Ủy Ban Cố Vấn qui chiếu sự việc Đồng tính luyến ái, *A Study of Issues Concerning Homosexuality* (New York: Division for Mission in North America, Lutheran Church in America, 1986) tr. 21
8. Jo Durden-Smith và Diane de Simone, *Sex and the Brain* (New York Arbor House, 1983) tr. 101
9. Như trên, tr. 128
10. Như trên, tr. 104-6
11. *A Study of Issues* tr. 21
12. Spong, *Into the Whirlwind*, chương 8
13. John J. McNeill, "Homosexuality – The Challenge to the Church." *The Christian Century* 104, Số 8 (Tháng Ba 1987) tr. 242-46.



## **Giọng cũ xa gần**

Vào ngày 01/7/2021 Vũ Nhuận viết

Cám ơn anh Hải Văn và cám ơn tác giả Nguyễn Thế Mỹ với một công trình đầu tư nhiều tim óc.

Tôi sẽ chuyển cho anh Trần Ngọc Tá - là láng giềng của tôi ở Sydney. Chỉ tiếc là lúc này Sydney đang trong tình trạng phong tỏa, nên không gặp mặt trực tiếp anh Tá để trao đổi thêm.

Một lần nữa cảm ơn hai anh.

Vũ Nhuận

Ghi chú hình: Vợ chồng tôi với anh chị Tá & Mai tại tư gia Giáng Sinh năm 2020.

Anh Nhuận,

Gan dạy nhan ngay le Kim Khanh linh muc cua cha Tam, moi lien lac duoc voi The My...trao doi ve lien he giua DL va cha Thanh Tam....Luc do HV quen hoi anh them ve chi tiet cha Thanh Tam voi cha Linh voi DL....

Cam on The My da bo het thoi gio va tam huyet de biet on dau tau cua nhac Thanh Ca tre...

Xin anh Nhuận chuyen tiep theo y cua My duoi day.

Cam on anh Nhuận.

Hai Van.

**Thế Mỹ viết:**

Anh Hải Vân,

Em có hỏi dò ý kiến của cha Thành Tâm về việc gửi bài viết của em cho những người mà Anh đã giới thiệu. Đó là anh Vũ Đức Nhuận và các cựu chủng sinh Kontum cùng lớp với Anh. Ngài không có vấn đề gì với việc này. Còn các anh chị cựu ca viên ca đoàn Trẻ Đắc Lộ, anh chờ thêm một thời gian ngắn nữa nhé.

Nếu có thể được, nhờ Anh nói dùm anh Vũ Đức Nhuận cũng chuyển bài đến anh Trần Ngọc Tá. Cả hai Anh đều là những "nhân chứng sống", cựu chủng sinh và là những cựu thành viên của ban Halleluia ngày xưa. Khi đọc bài, em hy vọng sẽ gọi lên nơi hai Anh ấy những cảm xúc bồi hồi và ký ức của ngày ấy khi còn "tung hoành ngang dọc" nơi phố núi.

Với bản văn đính kèm bên dưới, em có đính chính lại vị trí của anh Hải Vân trong tấm hình, và chỉnh sửa thêm thất chút đính cho bản văn đầy đặn. Dù gì cũng phải nói cho đúng.

Xin anh Hải Vân chuyển đoạn văn dưới đây đến những người Anh sẽ gửi như em đã đề cập tên bên trên để họ hiểu được nguồn gốc bài viết của em:

"Như có lần em đã trao đổi qua email với cha Thành Tâm, không hiểu sao trong em có sự thôi thúc là phải viết về cuộc đời của Ngài (vấn gọn) và dòng nhạc Vào Đồi sao cho tương đối có hệ thống và tạm tạm về mặt nội dung. Đơn giản là trên "thị trường sách", chưa có cuốn sách nào viết đầy đủ về Ngài và sự hình thành của dòng Thánh nhạc Vào Đồi một cách có hệ thống cả. Còn trên mạng Internet thì có những bài viết rải rác đây đó, phản ánh hay nhận định một vài khía cạnh về nhạc Vào Đồi và về Ngài. Cảm tạ Chúa là em tìm được một số nguồn tài liệu trên Internet, kết hợp với những dữ liệu của chính Ngài soạn và được Ngài đánh máy lưu lại.

Vậy là em tiến hành quá trình sưu tầm, tổng hợp, chọn lựa cấu trúc bài viết, sắp xếp nội dung sao cho hợp lý để viết thành một bài tổng hợp tạm gọi là "có tính hệ thống" về Thánh nhạc Vào đồi, và kết hợp với những nhận định chủ quan của mình. Cuối cùng là em có thành quả ngày hôm nay.

Rốt cuộc thì em đã hoàn thành tâm nguyện của mình là viết về dòng nhạc của cha Thành Tâm, tạm gọi là "Đôi Nét Chấm Phá Về Dòng Thánh Nhạc Vào Đồi Việt Nam". Đặt tựa bài viết là như thế vì em không biết nhiều về dòng nhạc này một cách cặn kẽ. Động cơ viết bài đơn giản là sự thôi thúc cá nhân, vô vị lợi, và muốn dùng tài liệu này để làm món quà tinh thần để tặng Ngài vào dịp lễ Bồn mạng thánh Phê-rô vào ngày 29/6 năm nay (2021). Thế thôi!

Ngoài những sự kiện do chính Ngài soạn thảo và những nội dung sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau, em đan xen vào bài viết những nhận định mang tính chủ quan của mình. Vì vậy không tránh khỏi những suy nghĩ ấu trĩ và non nớt và mang tính "bệnh gà nhà". Thôi thì xin các Anh rộng tình bỏ qua và xem đó như là món quà tinh thần em tặng cho cha Thành Tâm mừng lễ Bồn mạng của Ngài.

Cũng vì bài viết mang tính chủ quan cao, nên xin quý Anh vui lòng không chia sẻ bài viết của em đến những trang mạng xã hội khác hay đến những người quen biết. Nếu quý Anh muốn chia sẻ, vui lòng báo cho em biết qua email cá nhân của em ([nguyenthemy1966@yahoo.com](mailto:nguyenthemy1966@yahoo.com)). Xin chân thành cảm ơn!"

Vậy nhen anh Hải Vân nhen!

em Thế Mỹ

*N.B.: À nếu như anh Vũ Đức Nhuận và Trần Ngọc Tá gửi email hỏi thăm cha Thành Tâm thì em tin chắc là Ngài sẽ mừng lắm, người cùng thời với Ngài mà.*

*Email của cha Thành Tâm là:*

*[peterthanhtam@yahoo.com](mailto:peterthanhtam@yahoo.com)*

Vũ Nhuận

*Cám ơn Hải Vân, Thế Mỹ & Vũ Nhuận.*

*Bản đạo Trần Ngọc Tá, bầy tôi đây đã đọc từ đầu đến cuối.*

*Rất cảm kích về bài viết quá tuyệt vời. Hy vọng sẽ có ngày gặp mặt.*

*Trần Ngọc Tá còn gọi là Trần Ngọc Mười Hai Sydney*

Mọi người van con đẹp doi. Chúc mừng.

Hải Vân

Vũ Nhuận xin bổ túc:

Chị Đàm Thị Mai là bà xã của anh Trần Ngọc Tá.

Vũ Nhuận

*Xin chuyển anh Trần Ngọc Tá tài liệu của anh Nguyễn Thế Mỹ - qua trung gian của anh Hải Vân ở Paris - về LM nhạc sĩ Thành Tâm DCCT Nhạc Vào Đời.*

*Xin anh cho biết ý kiến.*

*Cám ơn anh*

Vũ Nhuận còn viết thêm:

*Cám ơn anh Hải Vân và cảm ơn tác giả Nguyễn Thế Mỹ với một công trình đầu tư nhiều tim óc.*

*Tôi sẽ chuyển cho anh Trần Ngọc Tá - là láng giềng của tôi ở Sydney. Chỉ tiếc là lúc này Sydney đang trong tình trạng phong tỏa, nên không gặp mặt trực tiếp anh Tá để trao đổi thêm.*

*Một lần nữa cảm ơn hai anh.*

Vũ Nhuận

Hải Vân viết:

*Anh Nhuận,*

*Gan dạy nhan ngay le Kim Khanh linh muc cua cha Tam, moi lien lac duoc voi The My....trao doi ve lien he giữa DL va cha Thanh Tam....Luc do HV quen hỏi anh thêm về chi tiết cha Thanh Tam voi cha Linh voi DL....*

*Cám ơn The My đã bỏ hết thời giờ và tâm huyết để biết ơn đầu tư của nhạc Thanh Ca trẻ...*

*Xin anh Nhuận chuyển tiếp theo ý của My dưới đây.*

*Cám ơn anh Nhuận.*

*Hải Vân.*

## **ĐÔI NÉT CHẤM PHÁ VỀ DÒNG THÁNH NHẠC VÀO ĐỜI VIỆT NAM**

*Anh Hải Vân,*

*Em có hỏi dò ý kiến của cha Thành Tâm về việc gửi bài viết của em cho những người mà Anh đã giới thiệu. Đó là anh Vũ Đức Nhuận và các cựu chủng sinh Kontum cùng lớp với Anh. Ngài không có vấn đề gì với việc này. Còn các anh chị cựu ca viên ca đoàn Trẻ Đắc Lộ, anh chờ thêm một thời gian ngắn nữa nhé.*

*Nếu có thể được, nhờ Anh nói dùm anh Vũ Đức Nhuận cũng chuyển bài đến anh Trần Ngọc Tá. Cả hai Anh đều là những "nhân chứng sống", cựu chủng sinh và là những cựu thành viên của ban Halleluia ngày xưa. Khi đọc bài, em hy vọng sẽ gọi lên nơi hai Anh ấy những cảm xúc bồi hồi và ký ức của ngày ấy khi còn "tung hoành ngang dọc" nơi phố núi.*

Với bản văn đính kèm bên dưới, em có đính chính lại vị trí của anh Hải Vân trong tấm hình, và chỉnh sửa thêm thắt chút đỉnh cho bản văn đầy đặn. Dù gì cũng phải nói cho đúng.

Xin anh Hải Vân chuyển đoạn văn dưới đây đến những người Anh sẽ gửi như em đã đề cập tên bên trên để họ hiểu được nguồn gốc bài viết của em:

"Như có lần em đã trao đổi qua email với cha Thành Tâm, không hiểu sao trong em có sự thôi thúc là phải viết về cuộc đời của Ngài (vấn gọn) và dòng nhạc Vào Đời sao cho tương đối có hệ thống và tạm tạm về mặt nội dung. Đơn giản là trên "thị trường sách", chưa có cuốn sách nào viết đầy đủ về Ngài và sự hình thành của dòng Thánh nhạc Vào Đời một cách có hệ thống cả. Còn trên mạng Internet thì có những bài viết rải rác đây đó, phản ánh hay nhận định một vài khía cạnh về nhạc Vào Đời và về Ngài. Cảm tạ Chúa là em tìm được một số nguồn tài liệu trên Internet, kết hợp với những dữ liệu của chính Ngài soạn và được Ngài đánh máy lưu lại.

Vậy là em tiến hành quá trình sưu tầm, tổng hợp, chọn lựa cấu trúc bài viết, sắp xếp nội dung sao cho hợp lý để viết thành một bài tổng hợp tạm gọi là "có tính hệ thống" về Thánh nhạc Vào đời, và kết hợp với những nhận định chủ quan của mình. Cuối cùng là em có thành quả ngày hôm nay.

Rốt cuộc thì em đã hoàn thành tâm nguyện của mình là viết về dòng nhạc của cha Thành Tâm, tạm gọi là "Đôi Nét Chấm Phá Về Dòng Thánh Nhạc Vào Đời Việt Nam". Đặt tựa bài viết là như thế vì em không biết nhiều về dòng nhạc này một cách cặn kẽ. Động cơ viết bài đơn giản là sự thôi thúc cá nhân, vô vị lợi, và muốn dùng tài liệu này để làm món quà tinh thần để tặng Ngài vào dịp lễ Bồn mạng thánh Phêrô vào ngày 29/6 năm nay (2021). Thế thôi!

Ngoài những sự kiện do chính Ngài soạn thảo và những nội dung sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau, em đan xen vào bài viết những nhận định mang tính chủ quan của mình. Vì vậy không tránh khỏi những suy nghĩ ấu trĩ và non nớt và mang tính "bệnh gà nhà". Thôi thì xin các Anh rộng tình bỏ qua và xem đó như là món quà tinh thần em tặng cho cha Thành Tâm mừng lễ Bồn mạng của Ngài.

Cũng vì bài viết mang tính chủ quan cao, nên xin quý Anh vui lòng không chia sẻ bài viết của em đến những trang mạng xã hội khác hay đến những người quen biết. Nếu quý Anh muốn chia sẻ, vui lòng báo cho em biết qua email cá nhân của em ([nguyenthemy1966@yahoo.com](mailto:nguyenthemy1966@yahoo.com)). Xin chân thành cảm ơn!"

Vậy nhen anh Hải Vân nhen!

Em  
Thế Mỹ

N.B.: À nếu như anh Vũ Đức Nhuận và Trần Ngọc Tá gửi email hỏi thăm cha Thành Tâm thì em tin chắc là Ngài sẽ mừng lắm, người cùng thời với Ngài mà.

Email của cha Thành Tâm là:

[peterthanhtam@yahoo.com](mailto:peterthanhtam@yahoo.com)

Thưa anh Ngọc Tá,  
Xin cảm ơn lời khen của Anh. Em xem đó là nguồn động viên tinh thần cho em.  
Có điểm nào trong bài viết cần làm sáng tỏ hay bổ sung,  
xin hai Anh sửa lại.

Thế Mỹ thân mến,  
Theo lời yêu cầu của Thế Mỹ, anh trả lời và có vài góp ý như sau:

1. Tên của Ban này là: Ban Halléluyah.
2. Học viện Dòng Chúa Cứu Thế Đà Lạt

Thế Mỹ trả lời:

Thưa anh Tá,  
Em sẽ sửa lại những điểm đã nêu trong bản văn gốc theo góp ý của Anh.  
Bài của Anh viết thật đặc sắc vì có quá nhiều chi tiết quan trọng liên quan đến sinh hoạt văn nghệ của Gia Đình An Phong

Cám ơn Thế Mỹ đã hỏi âm.  
Nay ta cứ thế mà ... cứ thế nhé!  
Mai Tá

Nguyễn Thế Mỹ viết thêm:

Thưa quý Anh,

Với sự nỗ lực của các anh chị cựu Hướng dẫn viên giáo lý dưới thời linh hướng của cha Thành Tâm và sự hỗ trợ của cha cựu Giám tỉnh Phạm Trung Thành, một cuốn sách (phát hành nội bộ) về Ngài và dòng Thánh nhạc Vào Đời đã hoàn tất.

Em chỉ biết là số lượng sách không nhiều, nhưng có thể đủ cho những ai có liên quan. Sách được phát miễn phí không bán, và sự ủng hộ cho chi phí in ấn sách tùy thuộc vào lòng hảo tâm.

Hiện giờ đang chờ thời điểm thích hợp (chờ cho dịch covid-19 giảm bớt) rồi các anh chị trong ban tổ chức sẽ phát hành thích hợp qua một sự kiện tổ chức tại Saigon

Em đề nghị các Anh liên lạc với cha Thành Tâm sớm để "đăng ký" tên vào danh sách nhận, cũng như gửi Họ Tên đầy đủ và địa chỉ cư ngụ hiện tại để được nhận sách.

Email của Ngài:

[peterthanhtam@yahoo.com](mailto:peterthanhtam@yahoo.com)

Vài dòng em gửi đến các Anh.

Xin xem hình bìa đính kèm (và em chỉ có vậy!)

em

Thế Mỹ

**Yuse Tiến Lộc** viết cho An Phong Phạm Văn Chương, như sau:

Cảm ơn Bạn AnPhong Chương đã viết cho mình một email dài với đầy đủ tình tiết về cuốn "Hồi ký nén bạc và dấu chân voi của Tiến Lộc" như sau:

Mến gửi bạn Tiến Lộc,

Nếu thông thường thì tớ phải mở đầu bằng câu Trọng kính cha Giuse, nhưng xem ra cách hành văn này không ổn khi mình viết thơ cho một người bạn cùng lớp, cùng học với nhau cả 8 năm trời tại ĐTV Vũng Tàu, cách xưng hô từ xưa nay khó mà thay đổi. Ông bạn đã cho ra đời hồi ký nén bạc và dấu chân voi tập 1, nay sắp sửa cho ra mắt tập 2, để lại một món quà vô cùng quý giá trước khi trí óc không còn minh mẫn nữa để mà viết lách. Trong hồi ký tập 1, ông bạn lúc nào cũng tỏ ra khiêm tốn, nói là mình học kém, nhưng tớ thì lại có cái nhận xét ngược lại, vì ông bạn về học hành thì có thể là chậm, nhưng ông bạn lại có những tài năng khác như tài hài hước mà tài này là do bẩm sinh, có học hành mấy cũng không thể nào có cái tài này.

Ngay từ khi còn ở ĐTV Vũng Tàu, tớ nhận ra chỉ có ông bạn là người độc nhất có cái tài này, và đây chính là nén bạc mà Chúa ban cho ông bạn và ông bạn đã làm cho nó sinh hoa kết trái thành trăm nén bạc khác. Nếu ông bạn không thông minh, thì làm sao ông bạn có thể ghi lại hồi ký một cách mạch lạc như vậy? Nếu ông bạn không có trí nhớ dẻo dai, thì làm sao ông bạn có thể ghi lại từng chi tiết của tuổi thơ? mà ông bạn còn nhớ tên từng ông thầy đã dạy mình, từng người bạn khi mới đi học, rồi bao nhiêu kỷ ức về hoạt động hướng đạo. Nếu ông bạn không thông minh, thì làm sao ông bạn có thể tốt nghiệp cử nhân anh văn? Và nhiều hơn thế nữa, nếu ông bạn không thông minh, thì làm sao ông bạn có thể sáng tác những bài ca sống động như bài Gặp gỡ Đức Kitô?

Như vậy thì xem ra càng thêm tuổi, ông bạn càng thêm giỏi giang về mọi mặt. Nếu sống đời thường, tớ tin chắc ông bạn sẽ vô cùng thành công và giàu sang, nhưng ông bạn đã bỏ tất cả để theo Chúa, và càng phải phấn đấu để theo Chúa cho đến hết cuộc đời.

Hồi ký nén bạc và dấu chân voi tập 2 sắp trình làng, không biết nội dung nó sẽ ra sao, nhưng tớ tin rằng nó sẽ chứa đựng nhiều mới lạ, nhiều trải nghiệm quý báu của chính cuộc đời của ông bạn.

Mến chúc Ông bạn luôn an mạnh và sáng suốt để còn lưu lại kỷ ức của mình không những qua hồi ký nén bạc và dấu chân voi tập 2 sắp trình làng, mà còn thêm tập 3 tập 4.

Mến chào ông bạn hiền

Phạm Văn Chương, Sydney



# Cuộc họp mặt đầu Tết Nhâm Dần 2022 tại nhà Capo Đức

Như đã hẹn, hôm mừng 9 Tết Nhâm Dần anh em Gia Đình An Phong, chủ yếu là Nhóm Cố Yên và *Jean de Dieu*, đã họp mặt tại nhà Capo Đức. Đây là căn cứ mà anh em thường ghé thăm nhưng nay đã được sửa sang lại khang trang, đẹp đẽ.

Buổi họp mặt này ngoài người trong GD và những gương mặt thân quen, còn có sự hiện diện của: Cha Giang linh hướng GDAP, Cha Bình ở Tây Nguyên, Tổng Capo Thanh Hà, anh Chánh Hoàng....

Sau đây là tường thuật:

1. Cha Giang làm phép nhà:

2. Cầu nguyện, thấp nhang tưởng nhớ linh hồn Elizabeth, phu nhân Capo Đức, nhân giỗ 49 ngày

\* Về việc tổ chức giỗ 49 ngày, nhân dịp bù khú, MS cho biết ở trên mạng người ta có bàn tán về chủ đề "người CG có nên tổ chức giỗ 49, 100 ngày cho người đã khuất hay không?"

Cha Giang ngờ ý hỏi họ bàn tán ra sao? MS nói không nhớ. Anh em bàn thêm:

- Có người nói đây là lễ 7 lần 7 = 49 ngày của bên Phật giáo

- MS nhớ mang máng trong Kinh Thánh có đoạn liên quan đến con tàu Noê: mãn 49 ngày thì ông Noê mở cửa sổ con tàu ra và thả con quạ, sau đó 7 ngày thả con bồ câu, 7 ngày sau thả tiếp bồ câu...Anh em bác bỏ vì đoạn này nói 40 ngày chứ không phải 49 ngày và chỉ thả 3 lần, 2 lần sau cách 7 ngày☺

- Thống nhất không tìm thấy trong Kinh thánh chỗ nào nói về 49 ngày mở cửa mà Nay về nhà mở mạng ra coi thì ta đã đăng về chủ đề này ở AF rồi:

Đặt lại vấn đề xin lễ cho người chết sau khi chết được 49 ngày | Conggiao.info (BL)  
<https://groups.google.com/g/alphonsefamily/c/gt5wP7HlmwQ>



### 3. Lì xì đầu năm:

Phần này do Deputy Capo Giàu kiêm đại lý Vé số chủ trì với tờ lì xì có cơ may trúng mỗi người 2 tỉ đồng

### 4. Bàn thống nhất việc tổ chức Lễ giỗ Ông Cố Yên (OCY):

Có tin là Minh Tân ngờ ý đăng cai tổ chức lễ Giỗ OCY tại tệt xá là Minh Tân Bonsai Gia trang ở Củ Chi Anh em đều nhất trí tổ chức tại đây vào đúng ngày giỗ OCY là Thứ năm ngày 24/3/2002.

Đây là 1 khu vườn mát mẻ, rộng 5ha có nhiều kỳ hoa dị thảo thích hợp để vừa họp mặt vừa thưởng ngoạn. Mọi chi tiết sẽ thông báo sau khi gần đến ngày đám giỗ.

### 5. Tiệc đầu năm và câu chuyện trong bàn tiệc:

Có mấy chuyện đàm luận vui sau:

"Nguyên Cha Trần Sĩ Tín CSsR có gửi thiệp chúc Tết cho anh em dưới đây:

Trong thiệp này có chữ "Thũn Brão" là tiếng J'rai không biết là có ý nghĩa gì, mặc dù đã cố công tra từ điển Bahnar – J'rai nhưng cũng không thấy. Hôm nay gặp cha Bình là người xứ Tây Nguyên, đã ở đó 4 năm, thì mới được vị này cho biết đây là chữ "Năm Mới".

Cũng nhân dịp gặp cha Bình ở Tây Nguyên, Minh Sĩ mới gợi ý về vụ cha Trần Ngọc Thanh cũng ở Tây Nguyên vừa bị chém chết. Hỏi theo ý các cha thì vụ này có động cơ chính trị gì hay không?

Cha Bình trả lời là tôi ở cách xa hàng chục cây số nên không rõ lắm...Cha Giang thì không có ý kiến gì

Về vụ này anh em bàn tán sôi nổi và chia ra làm 3 phe như sau:

1/ Do Giàu đứng đầu: vụ này chắc chắn là có bàn tay lông lá nhúng vào. Rồi không biết từ nguồn tin nào mà y cho biết...đừng có ngây thơ....Một vị khác nói nhiều tin hữu bất bình với phát biểu của Đức Gia 1m M...về vụ này (không biết là bất bình vì lý do gì, chưa kịp hỏi)

2/ Do Huỳnh Thiên đứng đầu: Ôi thôi, trên mạng bàn tào lao, suy đoán khi chưa ngã ngũ gì

3/ Do Minh Sĩ đứng đầu: cứ theo nhân chứng cho biết thì có lẽ vụ này không có dấu hiệu chính trị vì Gia Đình hung thủ đạo Công giáo, nhà có nhiều người ở dòng tu.... Chẳng qua y mâu thuẫn trong GD và cũng có tâm trạng thù ghét đạo nên mới ra tay tàn độc 1 cách bộc phát như vậy. Có điều chắc chắn rằng y không phải mắc bệnh tâm thần như 1 số báo chí đã nêu vì vụ này đã bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can (người tâm thần thì đã không khởi tố). Hãy chờ kết quả điều tra.

Cũng nhân vụ này Minh Sĩ đưa ra lời nhận xét rằng các linh mục thường hiếm khi giảng đạo ngoài nhà thờ, dĩ nhiên không giảng đạo trong buổi nhậu và luôn tránh xa chuyện thị phi: như chuyện chính trị, chuyện thần học... thường dễ gây tranh cãi, có thể làm mất uy tín. Còn anh em taru thì không hiểu tại sao lại có tạt hay giảng đạo tràn lan. Ngày ngày siêng năng gửi ảnh thánh, trích Phúc âm, bài giảng đạo qua Facebook, Messenger, Zalo..... không ngại nghĩ cho mọi người. Như bị ghiền vậy.

Diễn hình của việc các linh mục thường khéo tránh chuyện thị phi là:

- Minh Sĩ (MS) có lần dự thánh lễ Gia Đình AnPhong ở Kỳ Đồng, trong bài giảng cha Giang linh hướng có đá đến 1 vấn đề thần học... Y chăm chú lắng nghe và chắc mèm là sẽ có dịp có bài bàn tán xôn xao trên mạng về chủ đề thần học đáng tranh cãi này. Nhưng y cụt hứng vì cha Giang khéo léo tránh đi bằng cách nói: "nhưng hôm nay chúng ta không bàn đến vấn đề thần học này" và giảng vào chủ đề chính của buổi lễ.

- Nói về đánh trống lảng, tránh xa hay tìm cách thoát khỏi chuyện thị phi chính trị, thì MS coi Chúa Giêsu là bậc Thầy. Ngài đã thoát khỏi thị phi khi bị gài bẫy bằng những câu nói ngoạn mục, nói nôm na là dẫn đến chuyện "huê tiền", làm cho kẻ có ý đồ xấu phải cứng họng mà không bắt bẻ được gì. Những đoạn TD điển hình trừ danh trong Kinh thánh mà ai cũng biết: "Của César trả cho César, của Thiên Chúa trả cho Thiên Chúa", "Ai trong các ông cảm thấy không có tội thì hãy ném đá người đàn bà này đi"...

- Về chủ đề này, cha Giang không có ý kiến gì nhưng có kể 1 câu chuyện trong Phúc âm. Khi đó Chúa Giêsu vì muốn thoát ra khỏi 1 chuyện rắc rối... nên mới nói "Gioan Tẩy Giả rửa tội là do đâu..."

Minh Sĩ vốn là người dốt Kinh Thánh nên tỏ ý nghi ngờ vì y đọc Kinh thánh mà không thấy có câu chuyện này. Trong khi cha Bình xác nhận là có. Minh Sĩ hện về nhà coi lại Kinh Thánh coi cha Gioan nói có đúng hay không.

Nay lên mạng coi lại thì thấy đúng y chang là Chúa Giêsu đã thực hành điệu kể "kim thiền thoát xác" này ở đoạn Mt: 21 (23-27):<sup>23</sup>

Ngài đến đền thờ, và trong khi Ngài giảng dạy thì các thượng tế và hàng niên trưởng của dân đến gặp Ngài mà rằng:

"Quyền đâu mà ông làm các điều ấy?  
Ai ban quyền đó cho ông?"<sup>24</sup>

Đáp lại, Đức Yêsu nói với họ:

"Cả tôi nữa, tôi xin hỏi các ông một điều thôi. Nếu các ông trả lời cho tôi, thì cũng sẽ nói cho các ông hay: Quyền đâu mà tôi làm các điều ấy.<sup>25</sup> Thanh tẩy của Yoan từ đâu đến? Tự Trời hay tự người ta?"  
Họ suy tính và nói nơi mình họ:  
"Nếu ta nói: Tự Trời, - thì y sẽ nói với ta: Vậy tạo sao các ông lại không tin ông ấy? -<sup>26</sup> Còn nếu ta nói: Tự người ta - thì ta ngại sợ dân chúng, vì mọi người đều coi Yoan như một tiên tri."<sup>27</sup> Nên đáp lại, họ nói với Đức Yêsu: "Chúng tôi không biết!" Nên Ngài đã nói với họ: "Cả tôi nữa, tôi cũng không nói cho các ông hay: Quyền đâu mà tôi làm các điều ấy".

HuyJuno

Ai là người đàn bà duy nhất trong nhân loại đã không dọa chồng lúc nàng đang tức giận với chồng là sẽ xách vali bỏ nhà, trở về chung sống với mẹ của nàng như xưa?

- Thừa là Bà Evà

- Trong buổi tiệc này Minh Sĩ có ý định...gài bẫy cha Giang bằng cách phỏng vấn: quý cha coi tin tức ở các mạng Công giáo thì thường thích vào coi ở website nào. Nếu trả lời là website....thì khuyh tả, còn website....thì khuyh hữu. Nhưng cha Giang trả lời "huề tiền" là: phải tham khảo nhiều mạng để biết thêm được nhiều tin tức, nhiều ý kiến.

Lê Hoàng Quốc Dũng

Capo Đức tỏ vẻ không hiểu vấn đề lắm qua Điện Thoại, sau này mới biết y không có coi email vì máy tính bị trục trặc.

Không biết lúc đó do Lạc quá hăng hay sao mà 2 người này bảo rằng sẽ bàn việc này sau, trong 1 đợt họp mặt anh em gần đây, khi rước cốt con Capo Đức về nhà...

Rất tiếc nếu bàn việc này trong ngày giỗ Ông Cô Yến thì sẽ có ý nghĩa hơn, chỉ tốn mấy phút

Vậy ta hãy đợi hồi sau. Tin giờ chót là anh em vẫn còn giữ nguyên chai rượu đợi dịp khui

Minh Sĩ

## **MIÊN MAN CHUYỆN TÊN CÚNG CƠM TRONG ĐỜI ĐỆ TỬ**

Lời người viết: Thưa quý hảo huynh đệ trong gia đình CĐT DCCT.

Trước đây tôi có viết hai bài trong Tập San An Phong Xuân Mậu Tuất 2018. Một bài nói về Ký Sự Bóng Tròn, một bài nói về Âm Nhạc Trong Đời Đệ Tử.

Tôi không phải là văn sĩ nên những bài viết chỉ nhằm gợi nhớ đến các kỷ niệm thân yêu mà anh em chúng ta đã có trong những năm sống dưới mái nhà Đệ Tử Viện Vũng Tàu. Nay nhân ngày cuối năm, và cũng nhân dịp anh Antoine Hoàng, không hiểu vô tình hay hữu ý, chuyển điện thư cho một số anh em, trong đó có tôi (dù trước đây anh đã ba lần công khai loại tôi ra khỏi hàng ngũ "anh em bạn bè của anh").

Nội dung điện thư này là một bài "lên lớp" anh Lương Thế Vinh, nói theo tiếng giang hồ là "giữa tới nơi tới chốn"

Đọc điện thư xong, tôi thương cả hai anh.

Anh Lương Thế Vinh, hồi còn trong đệ tử, tướng tá gầy còm yếu điệu, vì vậy, trong những vở kịch, anh luôn bị bắt thủ vai con gái. Bây giờ anh Vinh tuy có tí da tí thịt, nhưng vẫn là người hiền khô.

Hiền mà chỉ vô tình nhắc tới tên cúng cơm của một người anh em mà bị giữa tới nơi tới chốn thì cũng tội nghiệp.

Tôi cũng thương anh Antoine Hoàng. Khí hậu ở Pháp cũng giống như ở Mỹ. Trời đang lạnh mà nổi nóng bắt tử đôi thi có thể bị tension, đợt quy rất nguy hiểm.

Vậy tôi viết bài "Miên Man" này để anh em đọc cho vui trong năm mới, nhân tiện nhận diện ra ý nghĩa thiệt của những danh từ "cúng cơm", đôi khi nghe có vẻ "tào lao" nhưng lại rất là thân tình..

Danh từ Pháp " Surnom " hay danh từ Mỹ "Nickname" dịch ra tiếng Việt Nam là Biệt Danh, được dùng tại tất cả các quốc gia trên thế giới từ rất nhiều năm trước và bây giờ vẫn còn được dùng.

Học sử Pháp ta thấy có vua Louis Le Bien Aimé, Jean Sans Terre. Qua bên Anh, ta có "Richard the Lion Heart", bên Nga ta có "Ivan Le Terrible". Thủ Tướng Anh Margaret Thatcher được gọi là the Iron Woman trong khi đó thì Tướng Nguyễn Cao Kỳ nhà ta thì được gọi là Tướng Đá Gà.

Từ thôn làng cho tới thành thị Việt Nam, từ giai cấp bần dân cho tới hàng văn nhân thi sĩ, đâu đâu cũng thấy thấp thoáng những tên cúng cơm, tên tục, hõn danh hay biệt danh cả.

Gia đình đệ tử Vũng Tàu cũng không thoát khỏi thông lệ đó. Trong tập thể 350 "ông con trai" thế nào mà chẳng có người bị gán cho tên này tên nọ. Hầu như lớp nào cũng có ít nhất là vài anh có tên cúng cơm hay biệt danh đáng ghi nhớ. Điều đặc biệt là những tên này lại luôn mang những kỷ niệm êm đềm, chứ không hề mang tính cách mạ lỵ, khiến người bị gọi nổi điên, cáu tiết chửi thề hay thậm chí còn đánh đấm người gọi mình.

\*\*\*

Năm tôi mới gia nhập Đệ Tử Viện Vũng Tàu (1958) thì lớp cao nhất là lớp các cha Cao Đăng Minh, Cao Đình Trị.

Chưa đủ thời gian để ghi nhớ tên cúng cơm của các anh lớp này, thì các anh đã ra nhà tập Nha Trang và sau đó lên Học Viện Đà Lạt.

Lớp kế đó là một lớp có rất nhiều cao thủ và cũng là lớp “đậu” nhiều cha nhất. Có cha Thành Tâm, cha Trần Sĩ Tín, Cha Nguyễn Đức Mầu và cha Vũ Khởi Phụng. Các cha toàn là những người giỏi và đã làm vẻ vang Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam.

Nếu tôi nhớ không lầm thì biệt danh của cha Thành Tâm là anh Tư Vĩnh Long răng khểnh. Cho đến bây giờ tôi vẫn thích gọi cha Thành Tâm là anh Tư cũng như gọi cha Paul Thọ (RIP) ở Châu Ô là anh Hai và chính cha Thọ cũng muốn anh em cựu đệ tử của cha gọi cha như vậy.

Cha Mầu thì bị gọi là mầu đen mầu đỏ (xin lỗi cha) Tôi phục cha Mầu về cú đá banh “quay mình nhả đạn” của cha. Nghĩa là cha đưa banh xuống gần gôn phe địch, đưa banh vòng lên rồi bắt thành linh quay lại đá vào gôn. Đá kiểu này thì có thủ môn Rạng cũng phải “bó tai”.

Một người hiền lành thánh thiện nhất, cùng lớp với các cha này, cũng bị cho một bí danh. Đó là anh Đỗ Nguyên Chương

Anh Chương đang sống ở Houston, cùng thành phố với tôi.  
Hỏi ra thì hỏi ở đệ tử anh Chương cũng có một biệt danh. Đó là Chương Còm.

Anh Chương cho biết, hỏi đó anh gầy quá, nên anh em trong lớp đã tặng cho anh tên “cúng cơm đó. Cũng có một anh Chương khác, một lớp với Cha Lộc, anh Bạch, anh Thu, được gọi là Chương Còm, nhưng chính anh Chương còm này, trong điện thư mới nhất gửi tôi, cho biết anh còn được gọi là Chương Gióp. Lý do hỏi còn ở đệ tử anh bị ghê, nên anh em lấy nhân vật Gióp trong cựu ước để chọc gọi anh. Nhưng tôi không bao giờ thấy anh “cấu sườn”

Hiện anh Chương Gióp đang sinh sống tại Úc.

Tôi rất thương anh Chương Gióp, một phần là anh hiền lành, đóng góp những điện thư bổ ích, xây dựng tinh thần ái của anh em cựu đệ tử, một phần vì kính trọng hiền huynh của anh, linh mục Louis Phạm Văn Nhượng (RIP) người đã hết lòng yêu thương và giúp đỡ tôi trong thời gian tôi dạy Pháp văn và cư ngụ tại Tiểu Chúng Viện Simon Hòa, Đà Lạt.

Còn một anh Chương nữa mà chắc ít người biết vì học lớp nhỏ quá. Đó là anh Chương Bà Già. Anh Chương Bà Già học một lớp với các cha Nguyễn Đức Mừng và cha Nguyễn Thanh Sơn. Anh bị đặt tên là bà già vì anh đi lệt quệt giống các bà già râu.

Anh Chương Bà Già này cũng hiền lành, nhà có trại cưa ở Hồ Nai, thuộc loại con nhà giàu nhưng anh cũng bình dân và vui tính.

Hình như anh Chương Bà Già này đang sống ở Dallas, Texas..

Nhân nhắc tới bạn cùng lớp với anh Chương Bà Già này thì cha Nguyễn Thanh Sơn hỏi ở đệ tử bị gọi là Sơn “Cá Dò” vì cha Sơn nói hơi nhiều.

Cha Sơn năm vào đời đầu tiên lên học Chính Trị Kinh Doanh ở đại học Đà Lạt, nhưng năm sau lại chuyển về đại học Vạn Hạnh học chính trị Nhân Văn. Nghe nói cha đậu thủ khoa khóa này. Cũng trong lớp cha Sơn, có anh Trần Đức Đạt (RIP) với biệt danh là Đạt Conseiller, vì ông này luôn muốn góp ý với mọi người trong mọi vấn đề. Anh Đạt đã sống và mất tại Houston.

Trở về với thứ tự trước sau thì sau lớp anh Đỗ Nguyên Chương là lớp các anh Nguyễn Văn Cảnh, Trịnh Nhất Định và hai nhân vật vô cùng đặc biệt mà tôi xin phép sẽ nói đến ở phần kết luận. Anh Nguyễn Văn Cảnh đang ở Atlanta, Georgia, còn vợ chồng anh Định nghe nói đã định cư tại Úc Châu.

Khi cha Trepanier xây trường trung học Minh Đức nằm giữa Đa Thành và Tùng Lâm, thì anh Đỗ Nguyên Chương được mới làm hiệu trưởng đầu tiên. Sau đó anh Chương được học bổng đi du học

ở Mỹ, thì anh Trịnh Nhất Định làm hiện trưởng kế tiếp. Khi anh Định có công việc phải về Saigon thì cha Trepanier nhờ tôi làm hiệu trưởng sau cùng cho tới khi “tan hàng “ ( 1975 )

Dưới lớp anh Cảnh và anh Định cũng là một lớp có một lực lượng hùng hậu, nhiều nhân tài, nhưng hình như chỉ được một người làm linh mục đó là cha Sang.

Trong lớp này cũng có mấy anh có “ biệt danh “ rất hay , tuy nhiên, trừ anh Chương Gióp ra tôi chỉ xin phép nói về một người mà tôi rất kính yêu. Đó là cha Tiến Lộc.

Bà cố cha Tiến Lộc, lúc còn sinh thời, mỗi lần tôi đến thăm cụ, ở trong một ngõ hẻm trên đường Hiền Vương ( nay là đường Võ Thị Sáu ) cụ đều bảo tôi là giống cha Tiến Lộc, dù tôi không to cao bằng cha Lộc.

Cha Lộc có biệt danh là “ Lộc Lèo”. Lèo đây không có nghĩa là hứa cuội, nói mà không làm. Cha Lộc là một trưởng hướng đạo. Tôn chỉ “sắp sắn” thuộc nằm lòng, nên công việc tổ chức đâu ra đó. Không thể lèo được.

Gọi cha Lộc là “ Lèo “ bởi vì cha có cái bụng của các chú Ba Tàu bán hủ tiếu. Tiếng Mỹ gọi là “ One Pack “

Gọi như vậy rất chính xác. Vì theo quan niệm của các cha Canada thời xưa, muốn làm bề trên cần phải có một cái bụng “ phình phình “ ra phía trước một tí.

Cha Lộc đã làm bề trên nhà Thủ Đức. Bị đám ma mãnh gài bẫy, phải đi vào khám bác lịch mấy niên. Sau lại làm bề trên học viện ở Mai Thôn.

Như thế gọi cha Lộc là Lộc Lèo rất chính xác.

Nghe nói cha Lộc đang bị bệnh dữ lắm. Ai đọc bài này mà thấy vui, xin nhớ đọc cho người anh em thân yêu mấy kinh.

Sau lớp cha Lộc, anh Bạch, anh Khuê, anh Chương, cha Sang cũng là một lớp có rất nhiều nhân tài. Có hai người mà không ai quên được. Đó là anh Hùng Bosco. Đây là nhạc trưởng lỗi lạc của đệ tử, người đã đem nhiều “ danh tiếng “ cho đệ tử Viện Vũng Tàu.

Người thứ hai bị gán biệt danh xấu nhất mà không bao giờ cáo tiết với anh em. Đó là anh Nguyễn Văn Tú (RIP)

Anh Tú bị đặt một lúc hai hỗn danh. Tú Bà và Tư Gà Mỏ.

Suốt những năm sống ở Vũng Tàu, tôi chưa bao giờ thấy anh Tú tức giận với anh em khi bị gọi bằng tên tục này. Ngược lại, anh cười ha hả, mặt đỏ kè, đôi mắt tròn vo, trông rất dễ thương.

Đến lớp kế tiếp, tôi chỉ còn nhớ được anh Vũ Đức Nhuận. Có ba người tôi rất thân trong lớp này. Đó là các anh Francois Nguyễn Hữu Cầu ( RIP ) người gốc Đa Phú Đà Lạt, anh Michel Thu ( không biết trôi dạt nơi đâu), và cha Thomas Trần Quốc Hùng, năm trước là bề trên nhà Saigon.

Anh Nhuận hồi xưa bị gọi là Nhuận lùn, lý do vì anh rất nhỏ con. Bây giờ anh vẫn rơng rỗng như thế. Thế nhưng trong danh sách các cao thủ về hai bộ môn Thể Thao và Âm Nhạc của đệ tử đều có tên anh Nhuận.

Trên sân cỏ, anh Nhuận là một tiền đạo cánh phải đáng gờm. Anh có những cú tạt góc thần sầu quý khốc. Nếu có một đồng đội đội đầu giỏi thì phe của anh chắc sẽ thắng dài dài. Người viết cũng đã từng chung vai với anh trong hội tuyển của đệ tử, giựt giải 100 năm của trường Tabert.

Trong lãnh vực âm nhạc, anh Nhuận cũng là một ca trưởng xuất sắc đưa ca đoàn An Phong lên đài danh vọng nhiều lần.

Anh Nhuận hiện đang sống tại Úc. Anh đã dùng âm nhạc để phục vụ cộng đồng tại đây cùng với anh Trần Ngọc Tá, cây Mandoline của đệ tử thời xa xưa. Chương trình “*Cơm Áo Gạo Tiền*” của hai anh rất thành công. Hai anh được mọi người yêu mến, nể vì.

Bây giờ tới phiên lớp của người viết thì ôi cha quá nhiều “biệt danh“

Tuy nhiên có ba “ cao thủ “ mà anh em cựu đệ tử đã có một thời sống ở Vũng Tàu đều có thể nhớ. Đó là Đặng Ba, Phạm Long và Nguyễn Văn Năm.

Đặng Ba bị anh em gọi là Ba Béó hay Ba Bệu. Đặng Ba ở Đa Phú, một khu dân cư ở dưới dốc học viện Đà Lạt. Ba có nước da tai tái, và rất dễ bị bệnh, nhất là bệnh về đường tiêu hóa, nên có tên cúng cơm là Ba Bệu cũng là đúng.

Phạm Long bị gọi là Long Xề. Lý do là trong lớp có 3 người tên Long. Long A ra vẻ rất sớm. Long B, da ngăm đen, là cháu cha Laurent Vũ văn Phát và cũng có bà con với anh Vũ ngọc Lợi. Long C là Long thứ ba, gọi vui miệng thành Long Xề, chứ tương tá Long C ngon lành lắm. Long Xề giỏi viết văn, nên phần giới thiệu các bài hợp ca khi đi trình diễn thường được giao cho Long Xề.

Long Xề cũng là một hảo thủ trên sân banh với những cú đá ngả bàn đèn rất ngoạn mục. Hiện Long C đang cư ngụ ở miền Nam Cali nắng ấm, và vui thú với công việc trông các cháu ngoại. Người sau cùng là “tạ hạ” Chẳng hiểu sao mà anh em lại gọi mình là Năm Lửa. Một phần có lẽ là vào thời cụ Diệm có một tướng nổi loạn tên là Trần Văn Soái, có biệt danh là Năm Lửa ( cùng thời với Bảy Viễn và Ba Cụt ) nên anh em vui miệng gọi luôn cho vui. Một phần nữa là do tính tính nóng nảy. Khi nóng lên thì mặt đỏ tía tai nên có bị gọi là Năm Lửa cũng đúng.

Sau một thời gian long đong trên xứ người, thấm cơn đau xa xứ, xa mẹ già, nên tính tính có vẻ đã thay đổi. Vì thế đã có người bạn thân đổi Năm Lửa thành Năm Nước. Sau 15 năm làm cán sự xã hội cho quận hạt Harris tại Houson, giúp những người có lợi tức thấp xin trợ giúp y phí ( Financial assistance ) gọi nôm na là Thẻ Vàng, người viết được đa số đồng hương Việt Nam tại thành phố này gọi là ông Năm Thẻ Vàng.

Vui nhất là có một anh chuyên nghề làm bia mộ, sau khi nhờ giúp xin thẻ vàng, đã tặng cho kẻ này một tấm bia để dùng trong tương lai. Trên tấm bia có ghi rõ: “ Nơi đây an nghỉ ông Năm Thẻ Vàng.” Vậy anh em cựa đẽ tử có vui miệng gọi kẻ này là Năm Lửa, Năm Nước hay Năm Thẻ Vàng thì đều được hết. Tất cả mọi tên cúng cơm đều chứa đựng một tình thân mến khó lòng kiếm được. Bài viết đã khá dài, xin được kết thúc với lời hứa ở phần trên. Đó là khai tên cúng cơm của hai nhân vật đặc biệt trong lớp hai anh Trịnh Nhất Định và Nguyễn văn Cảnh.

Số là trong lớp này có hai anh tên là Ái. Một anh rất to con người ở Tùng Lâm, con cái cha Gagne đưa từ Thái Hà Ấp, Hà Nội vô Nam, một anh nữa cũng tên là Ái, nhưng rất nhỏ con. Để phân biệt hai anh các cha Canada đã gọi hai anh bằng hai biệt danh như sau( chuyện này có thật 100%, người viết cam đoan không bôi bác )

Anh Ái to con thì được gọi là Le Gros Ái. Anh Ái nhỏ con thì được gọi là Le Petit Ái. Nếu đọc tiếng Pháp có *liaison* thì chúng ta sẽ đọc như sau:  
*Lơ gờ rô giái và lơ pơ tí tái.* Hai anh bị gọi như thế nhưng vẫn tinh queo.

Anh em chúng ta đều học chương trình Pháp. Xin kiểm chứng xem người viết có đọc đúng hay không.

Đến đây chấm dứt bài viết “*Miên Man chuyên tên cúng cơm*”  
Xin chúc toàn thể anh em cựa đẽ tử một cuộc sống khỏe mạnh, an vui.  
Chúng ta nhớ nhau trong CSSR.

Năm Lửa.

### **Vũ Sinh Hiên gửi Minh Sĩ:**

*Minh ơi,  
cái vụ hậu Lễ Cổ Yến ra sao ? Cậu tường trình chút đỉnh cho cả Nhà biết với. Nhất là vụ đổi tên là Nhà Đệ Tử Cổ Yến.*  
Vũ Sinh Hiên

*Xin báo cáo lại cho Già Làng rõ:  
Hôm Lễ giỗ em có mặt nhưng phần Lạc không tham gia vì bị hậu Covid không thấy khỏe nên đã bàn giao lại chai rượu cho anh em xử và về trước.*

*Một lúc sau thì em có Điện Thoại cho Già và Đức, lúc đó đang nhậu và nói về vụ đổi tên nói trên, tức là đổi tên Nhóm Cổ Yến thành Nhà Đệ tử Cổ Yến như theo đề xuất của Anh.*

Vũ Nhuận lại cũng viết:

*Chào cả nhà,*

*Cho đến nay, Hội Ký tập 2 của cha Tiến Lộc đang được phân phối và số tiền ủng hộ Hội Ký cũng đang được đúc kết.*

*Xin báo cáo thêm chi tiết: Ngày 25/3, tôi đã gửi về cho chị Liên Bạch Hoa (đại diện Ban Biên Tập) cước phí 13,696.000 VND tương đương với 800 AUD (đính kèm biên lai). Gửi dư ra một chút để Ban Biên Tập ở Việt Nam có cà phê cà pháo.*

*Trong khi đó, tiền ủng hộ của anh em là 1.700\$. Trừ cước phí còn lại 900\$.*

*Nhuận bù thêm 100\$ cho chẵn 1.000\$. Đó là số tiền tôi sẽ gửi về cho cha Tiến Lộc. Gọi là một chút gì để bù đắp chi phí in ấn.*

*Một lần nữa, xin cảm ơn cả nhà*

*Chào Thân*

*Vũ Nhuận*

*Danh sách các anh chị đã ủng hộ gồm:*

1. Văn Chương 200\$ (2 cuốn)
2. Ngọc Tá 200\$ (3 cuốn)
3. Vũ Nhuận 100\$ (1 cuốn)
4. Trọng Dũng 100\$ (1 cuốn)
5. Duy Lâm 100\$ (1 cuốn)
6. Công Thành 100\$ (1 cuốn)
7. Đắc Dũng 200\$ (1 cuốn)
8. Tám Camille 100\$ (1 cuốn)
9. Minh Tâm & Hân 50\$ (1 cuốn)
10. Chị Kim Thoa 50\$ (1 cuốn)
11. Terexa Thuỷ (bạn Nông) 50\$ (1 cuốn)
12. Lan Linh 50\$ (1 cuốn)
13. Hoa Hùng 50\$ (1 cuốn)
14. Loan Hậu 50\$ (1 cuốn)
15. Trần Anh Vũ - Chủ tịch ĐČCGVN TGP Sydney (2 bộ)?
16. Anh Lê & Anh Mừng 100\$ (2 cuốn)

Mai Tá lại thêm thốt:

*“Như thế là quá quá tốt.*

*Nay ta cứ thế... mà thực hiện mọi toan tính.*

*Cảm ơn Nhuận và cả nhà An Phong.*

*Mai Tá”*

**MỘT VÀI HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM MỪNG 52 NĂM THỤ PHONG LINH MỤC CỦA CHA THÀNH TÂM**  
*Kính gửi quý Anh Chị,*

*Em xin được chia sẻ với quý Anh Chị một vài hoạt động mừng 52 năm linh mục của cha Thành Tâm (4/4/1970 -*

*1) Bài hát Tám Mối Phúc Thật do Ngài sáng tác trong thập niên 1990s được em Nguyễn Ngọc Huyền Diễm trình tấu trong ca đoàn Suối Thiêng của Giáo xứ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam tại Arlington, Texas.*

Link xem clip:

<https://www.youtube.com/watch?v=kglG-COSli4>

*2) Tivi mạng Dâng Chúa Đời Con đã thực hiện một video clip khoảng 30 phút với hai bài hát Hãy Thương Yêu Nhau & Giêsu Giêsu để giúp người xem suy niệm trong Tam Nhật Thánh, và cũng là dịp để một số cựu Hướng Dẫn Viên Giáo Lý hải ngoại nói lời tâm tình tri ân cùng cha Thành Tâm.*

*Xin mời quý Anh Chị thưởng thức.*

**em Thế Mỹ**

**Hài Vân thêm ý:**

*Cám ơn Thế Mỹ nhiều nhắc đến cha Thành Tâm...*

*Bài 8 mới Phúc Thật cấu trúc giống bài Ca Sao của Phạm Duy,  
đơn sơ, nhưng dễ diễn tả..*

*HV*